

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



ĐỀ ÁN
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Tên tiếng Anh: Logistics and Supply Chain Management

Mã số: 7510605

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo.....	6
1.1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo	6
1.2. Sự cần thiết mở ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.....	10
2. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo	12
2.1 Năng lực của cơ sở đào tạo.....	12
2.2. Tóm tắt chương trình và kế hoạch đào tạo	37
2.2.1 . Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo.....	37
2.3. Biên bản đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo (Biên bản kèm theo).của Hội	39
3. Cam kết thực hiện	40

PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Chương trình đào tạo

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo	42
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo.....	42
1.2. Mục tiêu đào tạo	42
2. Chuẩn đầu ra.....	43
2.1. Kiến thức.....	43
2.2. Kỹ năng.....	43
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	44
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 TC	45
4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:	45
5. Điều kiện tốt nghiệp.....	45
6. Nội dung chương trình.....	45
6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo	45
6.2. Chương trình đào tạo	45
6.3 Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)	83
7. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	85

Đề cương chi tiết

Triết học Mác - Lênin	87
Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin.....	99
Chủ nghĩa xã hội khoa học	107

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	117
Tư tưởng Hồ Chí Minh	123
Kỹ năng mềm.....	137
Pháp luật đại cương	144
Tiếng Anh 1	151
Tiếng anh 2	160
Tiếng Anh 3	168
Toán cao cấp.....	175
Tin học đại cương	181
Kinh tế vi mô	189
Kinh tế vĩ mô	199
Nguyên lý thống kê kinh tế.....	207
Nguyên lý kế toán.....	214
Quản trị học	225
Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	235
Tài chính – Tiền tệ.....	243
Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp.....	255
Quản trị chất lượng	264
Quản trị nguồn nhân lực	272
Nhập môn logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.....	282
Quản trị chuỗi cung ứng	288
Quản lý kho hàng bến bãi	295
Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng.....	303
Logistics trong thương mại điện tử.....	308
Vận hành Dịch vụ Logistics	312
Kinh doanh Logistics	318
Logistics Quốc tế	326
Vận tải đa phương tiện.....	334
Quản trị mua hàng toàn cầu	342
Kinh doanh quốc tế.....	350
Nghiệp vụ Ngoại thương	359
Nghiệp vụ Hải quan	367
Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế.....	376
Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.....	386
Địa lý vận tải.....	392
Kiến tập nghề nghiệp	402
Khóa luận tốt nghiệp.....	406

Kinh tế tài nguyên và môi trường.....	410
Quản lý Dự án.....	416
Quản lý mua hàng.....	422
Quản trị kênh phân phối	428
Marketing quốc tế.....	434
Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh.....	440
Quản trị điều hành sản xuất	447
Kỹ năng phát triển nghề nghiệp.....	453
Quản trị Bán hàng.....	459
Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	467
Thực hành nghề nghiệp.....	475
Khóa luận tốt nghiệp.....	479
Quản trị Doanh nghiệp Logistics.....	495
Hệ thống thông tin dịch vụ logistics.....	495

PHẦN I: ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo : Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Tên tiếng Anh : Logistics and Supply Chain Management
Mã số : 7510605
Cơ sở đào tạo : Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Trình độ đào tạo : Đại học chính quy

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thành lập theo Quyết định số 1583/QĐ-TTg ngày 23 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đến nay, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã trở thành cơ sở đào tạo đa ngành thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Môi trường, Khí tượng và Thủy văn, Đo đạc và Bản đồ, Quản lý đất đai, Tài nguyên nước, Địa chất khoáng sản, Khoa học Biển, Biến đổi khí hậu, Kinh tế tài nguyên và môi trường,...

Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường có trình độ Cao đẳng, Đại học và Sau đại học; bồi dưỡng thường xuyên và chuẩn hóa cán bộ làm công tác quản lý tài nguyên và môi trường; nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, khoa học ứng dụng. Mục tiêu thành lập Trường nhằm trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường từ Trung ương, địa phương, các doanh nghiệp đến cộng đồng và đào tạo theo nhu cầu của xã hội.

Tính đến cuối năm 2019, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường đã là 667 người, đội ngũ cán bộ giảng dạy là 466 người. Trong đó: Phó giáo sư: 13 người, Tiến sỹ: 88 người; Thạc sỹ: 290 người; Đại học: 10 người. Trường có 29 đơn vị trực

thuộc và 1 phân hiệu, bao gồm: 8 phòng ban, 11 khoa, 3 bộ môn trực thuộc, 5 trung tâm, 1 trạm y tế và 1 viện nghiên cứu tài nguyên và biến đổi khí hậu.

Hiện tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đang đào tạo các ngành:

- Đối với hệ đại học có 19 ngành: Quản lý đất đai, Kế toán, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch và lữ hành, Khí tượng thủy văn biển, Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật địa chất, Quản lý biển, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, Khoa học đất, Quản lý tổng hợp tài nguyên nước, Luật, marketing.

- Đối với bậc sau đại học: Hiện nay Nhà trường đang đào tạo 07 ngành trình độ thạc sĩ là: Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Thủy văn học, Kỹ thuật trắc địa bản đồ, Kế toán, Khí tượng – khí hậu học.

Mặc dù là một trường đại học mới được thành lập nhưng với lợi thế của một trường đại học trẻ, đào tạo các lĩnh vực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, được sự ủng hộ và giúp đỡ của cả Bộ chủ quản và Bộ Giáo dục và Đào tạo nên những năm vừa qua, nhà trường đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đạt được nhiều thành quả về đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý học sinh, sinh viên, xây dựng cơ sở vật chất,... Các thành quả này đã được các cơ quan quản lý nhà nước cũng như xã hội ghi nhận. Một số thành quả đạt được của nhà trường trong những năm gần đây:

Về đào tạo

Tính đến cuối năm 2019, Trường có 7.300 sinh viên đang theo học tại trường thuộc các bậc Cao đẳng, Đại học và Sau đại học. Từ năm 2013 đến nay, Trường đã dừng tuyển sinh đào tạo trình độ Trung cấp, giảm quy mô đào tạo Cao đẳng, tập trung đào tạo trình độ Đại học và Sau đại học.

Trong công tác đào tạo, nhà trường đã xác định việc xây dựng chương trình đào tạo là một trong những vấn đề then chốt để tạo thành công. Năm 2013, Nhà trường đã tiến hành chuẩn hóa đồng loạt các chương trình đào tạo tất cả các hệ cao đẳng, đại học, sau đại học của tất cả các ngành đào tạo theo hướng:

- rà soát và hoàn chỉnh chương trình đào tạo đại học theo học chế tín chỉ theo hướng liên thông, chuyển đổi giữa các cơ sở đào tạo, các chuyên ngành đào.

- Đẩy mạnh thực hiện đào tạo theo tín chỉ; Xây dựng kịp thời và thực hiện các chương trình đào tạo mới theo hướng song bằng (học cùng một lúc hai chương trình đào tạo);

- Đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho ngành tài nguyên môi trường và nhu cầu xã hội;

- Đặt mục tiêu, mỗi chương trình đào tạo có ít nhất từ 3 – 5 học phần chuyên môn giảng dạy bằng tiếng Anh, bắt đầu từ năm 2015.

Song song với việc xây dựng, chuẩn hóa chương trình đào tạo, trong những năm gần đây, công tác xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình các hệ đại học, cao đẳng luôn được nhà trường chú trọng và về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của đào tạo. Tổng số giáo trình cao đẳng đã biên soạn và được nghiệm thu là 103, tổng số giáo trình đại học đã biên soạn và được nghiệm thu là 265. Công tác biên soạn chương trình và giáo trình được Nhà trường xác định là một trong những công trình nghiên cứu khoa học, có cơ chế chính sách và chế độ kinh phí hợp lý. Các giáo trình được xây dựng, thẩm định, đánh giá chương trình và giáo trình có sự tham gia của những nhà khoa học, giảng viên, những nhà quản lý có trình độ, có năng lực chuyên môn do đó, chất lượng có thể nói đã đạt yêu cầu.

Nhà trường cũng yêu cầu các khoa, bộ môn đào tạo sử dụng bộ giáo trình, tài liệu tham khảo của đại học nước ngoài có uy tín phù hợp với điều kiện của đại học Tài nguyên và Môi trường, bổ sung những giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu của Việt Nam. Khuyến khích khai thác, sử dụng các giáo trình điện tử, các học liệu mở của các trường đại học trên thế giới, các sách, tạp chí khoa học, thông tin tư liệu để cán bộ và sinh viên tham khảo.

Về Khoa học và Công nghệ

Những năm qua Trường đã chú trọng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu KHCN bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng và đã đạt được nhiều kết quả, tạo tiền đề để đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu KHCN. Trong những năm là trường Cao đẳng, hàng năm trường chỉ có một vài đề tài cấp cơ sở, rất ít đề tài cấp bộ, cấp nhà nước. Từ khi thành lập trường đại học hoạt động khoa học Công nghệ của trường đã có những thay đổi mạnh mẽ cả về chất và về lượng cụ thể:

Trong giai đoạn từ năm 2010 - 2019 đã triển khai thực hiện được 8 đề tài cấp Nhà nước, Quỹ Nafosted, 58 đề tài cấp Bộ, 471 đề tài cấp cơ sở đã được triển khai, 6 đề tài cấp tỉnh.

Các đề tài KHCN chủ yếu tập trung đề cập đến việc thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bộ ngành và gắn với yêu cầu đào tạo theo từng lĩnh vực của Nhà trường. Các đề tài NCKH do giảng viên của trường tiến hành nghiên cứu và áp dụng vào thực tiễn đã có những đóng góp đáng kể trong việc giải quyết những vấn đề do

thực tiễn đặt ra. Công tác NCKH của Trường đã góp phần bồi dưỡng và nâng cao trình độ khoa học công nghệ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, là động lực thúc đẩy nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt là thông qua NCKH nhiều giảng viên đã bảo vệ thành công luận án tiến sỹ, qua đó khẳng định nguồn lực chất lượng cao của Nhà trường đang được bổ sung cả về chất và lượng.

Về nguồn nhân lực

Kể từ khi thành lập trường đại học, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường không ngừng được tăng cường về số lượng và chất lượng đặc biệt là đội ngũ giảng viên. Năm 2010, khi mới nâng cấp lên đại học đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường chỉ có 253 người, trong đó có 198 cán bộ giảng dạy. Đến năm 2019, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường đã là 667 người. Song song với việc tăng nhanh về số lượng, công tác bồi dưỡng đào tạo đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy được Trường đặc biệt quan tâm nhất là đối với đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sỹ, Phó giáo sư, Giáo sư. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên, bên cạnh các chính sách chung của Nhà nước, Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ, do đó cán bộ giảng viên có nhiều cơ hội tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong và ngoài.

Về sinh viên của Trường

Tính đến thời điểm cuối năm 2019, số lượng sinh viên theo học tại Trường năm học 2019 - 2020 khoảng 7.300 sinh viên. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên nhận nhiệm vụ công tác tại các đơn vị, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực của ngành Tài nguyên và Môi trường và các ngành nghề khác đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Từ năm 2013 đến nay, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã tổ chức triển khai các hoạt động đánh giá, điều tra, khảo sát đối với sinh viên đã tốt nghiệp. Kết quả điều tra cho thấy, về cơ bản, sinh viên sau khi tốt nghiệp đã khởi nghiệp thành công; đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi và bước đầu có những đóng góp cho sự phát triển của các đơn vị, doanh nghiệp; từng bước tiếp cận với xu thế khoa học công nghệ tiên tiến được ứng dụng tại nơi làm việc. Các đơn vị, doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá chất lượng đào tạo (đầu ra) ở mức độ tốt;

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học

Cùng với sự phát triển về nhân lực, chương trình đào tạo, ... nhà trường đã có những bước đi thích hợp xây dựng và cải tạo, nâng cấp về cơ sở vật chất của trường. Nhiều cơ sở giảng đường tổng hợp giảng dạy theo học chế tín chỉ, trang bị máy chiếu phục vụ cho học tập và giảng dạy, nhà ở của sinh viên được cải tạo thành

những khu khép kín, đường xá, điện nước được nâng cấp khang trang. Một số số liệu về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường:

- Toàn trường hiện có khoảng 1.500 máy vi tính, 23 máy photocopy, 116 máy chiếu để phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý, hầu hết máy tính đã được nối mạng nội bộ và internet.

- Trung tâm thư viện có 12.825 đầu sách phục vụ cho công tác đào tạo, 5.747 cuốn luận văn, luận án, đề án tốt nghiệp và hàng trăm loại báo, tạp chí và ấn phẩm. Có 02 phòng đọc sách, đọc báo và tạp chí; một phòng tra cứu Internet có hơn 100 máy tính với các trang thiết bị tiên tiến; 02 phòng mượn với diện tích 1.100 m². Từ năm 2012 dự án trung tâm Thư viện điện tử hoàn thành đưa vào sử dụng đã từng bước đáp ứng nhu cầu về thông tin cho cán bộ và sinh viên.

- 15 phòng thí nghiệm thuộc các lĩnh vực Môi trường, Khí tượng thủy văn, Địa chất khoáng sản và 02 phòng công nghệ Trắc địa bản đồ, phòng công nghệ địa chính, và 01 phòng công nghệ GIS 02 phòng máy chuyên dụng để phục vụ giảng dạy phần mềm kế toán. Phòng công nghệ thông tin được đầu tư nâng cấp, mua mới theo các dự án đã từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

- Các phương tiện, thiết bị phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập như máy chiếu đa năng, video, phòng học đa phương tiện đang từng bước được đầu tư nâng cấp, lắp đặt mới.

- Khu Ký túc xá sinh viên có tổng diện tích khoảng 9.150 m² có khả năng đáp ứng chỗ ở cho khoảng 1300 sinh viên.

- Đầu năm 2014, tòa nhà 10 tầng với 06 tầng sử dụng làm phòng học và 04 tầng sử dụng làm phòng làm việc cho khoa và bộ môn đã đáp ứng được cơ bản các yêu cầu về phòng học, phòng làm việc cho sinh viên, giảng viên.

1.2. Sự cần thiết mở ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Theo Hiệp hội các nhà chuyên nghiệp về quản trị chuỗi cung ứng (Council of Supply Chain Management Professionals – CSCMP), Logistics là “một phần của việc quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm việc hoạch định, thực hiện, kiểm soát việc vận chuyển và dự trữ hiệu quả hàng hoá, dịch vụ cũng như những thông tin liên quan từ nơi xuất phát đến nơi tiêu thụ để đáp ứng yêu cầu khách hàng”. Hoạt động logistics tạo ra một mạng lưới dịch vụ hỗ trợ cho việc lưu chuyển hàng hoá trong phạm vi nội địa và ngoài biên giới quốc gia và vùng lãnh thổ, đảm bảo hàng hoá được chuyên giao từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng. Trong xu thế toàn cầu hoá mạnh mẽ, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là lĩnh vực cực kỳ quan

trọng đối với hoạt động kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh xuất nhập khẩu, là nghề không thể thiếu trong guồng quay kinh tế.

Năm 2019, doanh thu thị trường dịch vụ logistics toàn cầu đạt trên một nghìn tỷ USD (tăng so với mức 900 tỷ USD năm 2018) và dự kiến tốc độ tăng trưởng đạt 6,9%/ năm trong giai đoạn 2019-2027, đạt trên 2 nghìn tỷ USD vào năm 2027 (Báo cáo “Logistics Service Market Report – Forecast up to 2027” – Market Research Future). Lĩnh vực logistics toàn cầu sẽ chuyển dịch trọng tâm về thị trường đang phát triển tại châu Á cùng với sự chuyển dịch của các tập đoàn sản xuất và sự phát triển sôi động của các thị trường bán lẻ.

Dịch vụ Logistics ở Việt Nam đóng góp khoảng 15-20% vào GDP. Theo Bộ Công thương, năm 2018, ngành logistics Việt Nam tăng trưởng khoảng 12-14% so với năm 2017, số lượng các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics tính đến năm 2018 lên đến hơn 3000 doanh nghiệp, chủ yếu tập trung tại các thành phố lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Đặc biệt, sự bùng nổ về thương mại điện tử và E-logistics đã thúc đẩy ngành logistics Việt Nam phát triển mạnh mẽ.

Tuy nhiên, Việt Nam đang phải đối mặt với bài toán nguồn lực logistics và quản lý chuỗi cung ứng, thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn và tính chuyên nghiệp. Theo Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), giai đoạn 2016-2020, ngành Logistics Việt Nam cần thêm khoảng 200.000 lao động chất lượng cao; đến năm 2025, con số này ước đạt 300.000 nhân viên chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Trong khi đó, kết quả điều tra có Viện Nghiên cứu và Phát triển, Đại học Kinh tế Quốc dân chỉ ra rằng có tới 80,26% nhân lực trong các doanh nghiệp Logistics tại Việt Nam chủ yếu chỉ được đào tạo thông qua các công việc hàng ngày, 23,6% lao động tham gia các khoá đào tạo trong nước; 6,9% thuê các chuyên gia nước ngoài đào tạo, còn những người tham gia các khoá đào tạo ở nước ngoài chỉ chiếm 3,9%. Mặt khác, sự chuẩn bị về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như trạng thái tâm lý của lao động logistics Việt Nam để sẵn sàng đón nhận làn sóng di chuyển lao động giữa các nước ASEAN chưa cao.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn xã hội và dựa trên điều kiện cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, việc mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường là rất cấp bách, góp phần đào tạo ra nguồn nhân lực có đầy đủ chuyên môn, kỹ năng, ngoại ngữ; đáp ứng được nhu cầu lao động của Việt Nam cũng như khu

vực khi cộng đồng kinh tế ASEAN – AEC sẽ kết nối các doanh nghiệp trong và ngoài nước giao thương mạnh mẽ hơn.

Cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có thể công tác trong các vị trí sau: quản trị hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp dịch vụ; tham gia điều hành các tập đoàn bán lẻ, các công ty tư vấn toàn cầu, các công ty cung ứng dịch vụ logistics, các doanh nghiệp vận tải, đại lý vận tải, cảng biển, ICD, cảng hàng không, tổ chức – khai thác – quy hoạch kho hàng...; làm việc trong các cơ quản lý trung ương và địa phương liên quan tới việc hoạch định chính sách cho hoạt động Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học và tổ chức quốc tế có liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Trong quá trình xây dựng đề án mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, nhóm biên soạn dựa trên những căn cứ pháp lý sau: Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục Đại học; Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học; Quy chế 43 về đào tạo theo tín chỉ và Thông tư 57/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, nhóm biên soạn đã tham khảo chương trình đào tạo cùng chuyên ngành của một số trường đại học uy tín trong và ngoài nước.

2. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

2.1 Năng lực của cơ sở đào tạo

Hiện nay, Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội có một lực lượng thạc sĩ và tiến sĩ khá đông đảo, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước. Đội ngũ giảng viên cơ hữu có học vị tiến sĩ là 81 người trong đó 11 người đã được phong hàm Phó giáo sư. Trong những năm sắp tới, con số này sẽ được phát triển hơn nhiều do hiện nay rất nhiều giảng viên đã đang và sắp hoàn thành các chương trình, khoa học và hồ sơ để xác nhận.

Đối với chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, hiện nay cơ sở đào tạo có một đội ngũ giảng viên được đào tạo trong và ngoài nước có đủ điều kiện về học hàm, học vị để đào tạo ngành.

Số lượng giảng viên bao gồm 52 giảng viên tham gia giảng dạy các môn học thuộc ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trong đó có 2 PGS, 10 tiến sĩ và 40 thạc sĩ (trong đó nhiều thạc sĩ đang nghiên cứu sinh). Các giảng viên đều đã tham gia giảng dạy các khoá đại học trong trường và hướng dẫn khóa học tốt nghiệp cho sinh viên các khoá đại học 1,2,3,4.

Danh sách giảng viên chính của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tham gia đào tạo ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng được trình bày trong bảng 2.1.

2.1.1. *Đội ngũ cán bộ của cơ sở đào tạo tham gia chính đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng*

Bảng 2.1: *Đội ngũ cán bộ của cơ sở đào tạo tham gia chính đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng*

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐvHT dự kiến đảm nhiệm
1	Đỗ Thị Dinh, 1980		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế phát triển	1. Kinh tế vĩ mô 2. Kinh tế vi mô
2	Cao Thị Bích Ngọc, 1989		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý kinh tế	1. Nguyên lý thống kê kinh tế 2. Kinh tế vĩ mô
3	Trần Văn Hải, 1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Tài chính ngân hàng	1. Quản trị học 2. Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh
4	Trần Thu Hằng, 1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế	1. Nguyên lý thống kê kinh tế 2. Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh
5	Đào Thị Thanh Thúy, 1988		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kế toán	1. Nguyên lý kế toán

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐvHT dự kiến đảm nhiệm
6	Vũ Thị Ánh Tuyết		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	1. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp 2. Kỹ năng mềm
7	Nguyễn Khánh Ly, 1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Tài chính-ngân hàng	1. Tài chính - Tiền tệ
8	Vũ Thị Nhung, 1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế quốc tế	1. Marketing quốc tế 2. Nghiệp vụ ngoại thương
9	Đặng Thị Hiền, 1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế	1. Kinh tế tài nguyên và môi trường
10	Nguyễn Gia Thọ, 1988		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý Kinh tế	1. Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng 1. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp
11	Bùi Thị Thu, 1987		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quản trị kinh doanh	1. Quản trị nguồn nhân lực 2. Nghiệp vụ ngoại thương
12	Trần Đình Trình, 1988		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Kinh tế nông nghiệp	1. Kinh doanh quốc tế 2. Nghiệp vụ hải quan
13	Chu Lâm Sơn, 1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh doanh thương mại	1. Kinh doanh logistics 2. Quản trị mua hàng toàn cầu
14	Đào Thị Thương, 1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Thương mại	1. Quản trị chuỗi cung ứng 2. Quản trị chất lượng
15	Vũ Thị Hoàng Yến, 1991		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Tài chính-ngân hàng	1. Tiếng anh chuyên ngành 2. Kinh doanh quốc tế

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐvHT dự kiến đảm nhiệm
16	Ngô Thị Duyên, 1984		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Thương mại	1. Nghiệp vụ ngoại thương 2. Nghiệp vụ hải quan
17	Lê Thị Bích Lan, 1977		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Kinh tế	1. Quản lý kho hàng bến bãi 2. Logistics trong thương mại điện tử
18	Tổng Thị Thu Hòa, 1990		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản lý Kinh tế	1. Địa lý vận tải 2. Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh
19	Nguyễn Văn Dung, 1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Kinh tế	1. Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng 2. Quản trị điều hành sản xuất

2.1.2. Đội ngũ cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo tham gia đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Bảng 2.2. Đội ngũ cán bộ cơ hữu của cơ sở đào tạo tham gia đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐvHT dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Ngọc Thanh, 1958	PGS,	Tiến sĩ	Kinh tế học	1. Quản trị chuỗi cung ứng 2. Quản trị điều hành sản xuất
2	Lê Trung Kiên, 1986		Thạc sĩ, Trung Hoa, 2011	Quản trị doanh nghiệp	1. Logistics trong thương mại điện tử 2. Quản trị nguồn nhân lực
3	Nguyễn Thị Thu Hà, 1985		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế Quốc tế	1. Quản trị mua hàng toàn cầu 2. Nghiệp vụ giao nhận và

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐvHT dự kiến đảm nhiệm
					vận tải hàng hóa quốc tế
4	Mai Thị Phương Lan, 1986		Thạc sĩ Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	1. Logistics quốc tế 2. Quản lý kho hàng bến bãi
5	Vũ Quang Hải, 1994		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế quốc tế	1. Quản trị mua hàng toàn cầu
6	Nguyễn Thị Thủy, 1984		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Quản trị kinh doanh	1. Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng
7	Phạm Thị Linh , 1986		Thạc sĩ Việt Nam, 2011	Kinh tế chính trị	1. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp
8	Phạm Thị Ngoan, 1985		Thạc sĩ Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	1. Marketing quốc tế 2. Nghiệp vụ ngoại thương
9	Nguyễn Thị Thu Hương, 1988		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	1. Quản trị mua hàng toàn cầu 2. Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh
10	Đinh Thị Như Trang, 1978		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế chính trị	1. Quản trị chất lượng 2. Quản trị nguồn nhân lực

2.1.3. Đội ngũ kỹ thuật viên của cơ sở đào tạo tham gia hướng dẫn thực hành ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Bảng 2.3. Đội ngũ kỹ thuật viên của cơ sở đào tạo tham gia hướng dẫn thực hành ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, Thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần/môn học nào trong chương trình đào tạo
1	Tống Thị Thu Hòa, 1990	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Quản lý kinh tế	Phòng máy thực hành phần mềm kế toán, phần mềm Logistics và chuỗi cung

2.1.4. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

** Thiết bị phục vụ đào tạo*

Bảng 2.4. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ phục vụ đào tạo

Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/ môn học	Diện tích (m2)	
1	Phòng học	171	13.827	Máy chiếu	121	- Tất cả các môn	13.827	
				Màn chiếu	121			
				Bảng chống loá	171			
				Bàn giáo viên	171			
				Bàn học sinh	4.600			
2	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	Các môn tin học		
				Máy chiếu đa năng Sony	1			
				Thiết bị hỗ trợ trình chiếu Avov	2			
				Switch Dell™ 24 Port Gigabit Ethernet with 2 Fiber Uplink Ports slot	02			
				Acces Point Cisco truy cập không dây từ xa	02			
				Phần mềm Virus có bản quyền	41			
				Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu có bản quyền				
				Microsoft SQLSvrStd 2012 SNGL OLP NL Acdmc	01			
Microsoft SQLCAL 2012 SNGL OLP NL Acdmc UsrCAL	05							
3	Phòng máy 810	1	103	Máy Vi tính DELL	50	Các môn tin học	103	
				Máy chiếu đa năng SONY	1			
				Thiết bị hỗ trợ trình chiếu AVOV	1			
				Cable mạng AMP Category 6 UTP Cable	4			
				Wall Place AMP đôi	25			
				Phần mềm kế toán				
				Phần mềm kế toán DN	1			

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/ môn học	Diện tích (m ²)	
				MISA				
				Phần mềm KTHCSN Misa	1			
4	Phòng 901	1	103	Máy vi tính DELL	57	Các môn tin học	103	
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1			
				Máy chiếu đa năng Sony	1			

*** Thư viện**

Tổng diện tích thư viện: 832 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m²

Số chỗ ngồi: 300

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 100 máy

Phần mềm quản lý thư viện: iLibme 8.0

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Tp.HCM các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 12.825 đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo. (Danh mục kèm theo).

Bảng 2.4: Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Triết học Mác – Lê-nin (sử dụng trong các trường đại học – hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2019	1	Triết học Mác Lê nin	Đúng	
2	Kinh tế chính trị	Bộ Giáo dục	Chính trị	2019	1	Kinh tế chính trị	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
	Mác – Lê-nin (dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị)	và Đào tạo	Quốc gia			học Mac- Lenin		
3	Chủ nghĩa khoa học xã hội (dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2019	1	Chủ nghĩa khoa học xã hội	Đúng	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2019	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đúng	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (sử dụng trong các trường đại học – hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2019	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Đúng	
6	Kỹ năng mềm-tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác	Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy	Đại học Quốc gia TP.HCM	2014	1	Kỹ năng mềm	Đúng	
7	Kỹ năng tìm việc làm	Lại Thế Luyện	Thời đại	2014	1	Kỹ năng mềm	Đúng	
8	Kỹ năng thuyết trình	Dương Thị Liễu	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	5	Kỹ năng mềm	Đúng	
9	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị Quốc gia	2015	10	Pháp luật đại cương	Đúng	
10	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	Nguyễn Minh Đoan	Công an Nhân dân	2016	1	Pháp luật đại cương	Đúng	
11	Pháp luật đại cương	Vũ Quang	Bách Khoa Hà Nội	2015	1	Pháp luật đại cương	Đúng	
12	New Cutting	Sarah	Harlow:	2005	50	Tiếng Anh 1	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
	Edge, Elementary	Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr	Pearson Longman					
13	New cutting Edge, Pre-Intermediate	Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr	Harlow: Pearson Longman	2010	50	Tiếng Anh 2	Đúng	
14	New cutting Edge, Pre-Intermediate	Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr	Harlow: Pearson Longman	2010	50	Tiếng Anh 3	Đúng	
15	Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)	Phạm Thị Anh Lê	Đại học Sư phạm	2014	1	Tin học đại cương	Đúng	
16	Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu	Phạm Quang Huy	Thanh niên	2019	1	Tin học đại cương	Đúng	
17	Giáo trình thực hành Excel	Phạm Quang Hiền, Phạm Phương Hoa	Thanh niên	2019	1	Tin học đại cương	Đúng	
18	Toán học cao cấp (tập 1)	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục	2004	30	Toán cao cấp	Đúng	
19	Toán học cao cấp (tập 2)	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục	2004	30	Toán cao cấp	Đúng	
20	Toán học cao cấp (tập 3)	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục	2004	29	Toán cao cấp	Đúng	
21	Bài tập Toán cao cấp	Lê Xuân Hùng, Lê Thị Hương, Nguyễn Ngọc Linh, Đàm Thanh Tuấn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2018	25	Toán cao cấp	Đúng	
22	Kinh tế vi mô	Đỗ Thị Dinh,	Xây dựng	2018	6	Kinh tế vi mô	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
		Tổng Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương						
23	Nguyên lý Kinh tế học vi mô	Vũ Kim Dũng	Lao động – Xã hội	2012	2	Kinh tế vi mô	Đúng	
24	Kinh tế vi mô	Phí Mạnh Hồng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2013	1	Kinh tế vi mô	Đúng	
25	Kinh tế học vi mô 1	Nguyễn Văn Dân	Tài chính	2011	20	Kinh tế vi mô	Đúng	
26	Kinh tế học vi mô	Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld	Kinh tế TP.HCM	2015	1	Kinh tế vi mô	Đúng	
27	Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao	Đình Phi Hồ	Tài chính	2013	10	Kinh tế vi mô	Đúng	
28	Kinh tế vĩ mô	Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tổng Thị Thu Hòa	Tài chính	2018	1	Kinh tế vĩ mô	Đúng	
29	Nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	Giáo dục	2008	20	Kinh tế vĩ mô	Đúng	
30	Bài giảng Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	11	Kinh tế vĩ mô	Đúng	
31	Thống kê kinh tế	Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014	1	Nguyên lý thống kê kinh tế	Đúng	
32	Lý thuyết Thống kê	Trần Thị Kim Thu	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014	1	Nguyên lý thống kê kinh tế	Đúng	
33	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 1)	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Hồng Đức	2008	5	Nguyên lý thống kê kinh tế	Đúng	
34	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 2)	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	Hồng Đức	2008	5	Nguyên lý thống kê kinh tế	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
35	Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty	Nguyễn Mạnh Quân	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	1	Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp	Đúng	
36	Văn hoá kinh doanh	Dương Thị Liễu	Đại học kinh tế Quốc dân	2013	1	Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp	Đúng	
37	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Hoàn	Lao động – Xã hội	2018	5	Nguyên lý kế toán	Đúng	
38	Tài chính - Tiền tệ	Phạm Ngọc Dũng	Tài chính	2014	1	Tài chính - Tiền tệ	Đúng	
39	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lê Thị Mận	Lao động – Xã hội	2014	21	Tài chính - Tiền tệ	Đúng	
40	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Nguyễn Hữu Tài	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	20	Tài chính - Tiền tệ	Đúng	
41	Quản lý học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hải Hà	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	10	Quản trị học	Đúng	
42	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền	Tài chính	2017	3	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Đúng	
43	Kinh tế và Quản lý môi trường	Nguyễn Thế Chinh	Thống kê	2003	2	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Đúng	
44	Kinh tế môi trường	Nguyễn Mậu Dũng	Tài chính	2010	1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Đúng	
45	Logistics và Vận tải quốc tế	Hoàng Văn Châu	Thông tin và Truyền thông	2009	1	Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng; Kiến tập; Thực hành nghề nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Khoa luận tốt nghiệp; Logistics quốc tế; Vận hành	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
						Dịch vụ Logistics		
46	Quản trị hậu cần	Lê Công Hoa	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	1	Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng; Quản trị chuỗi cung ứng; Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng; Kiến tập; Thực hành nghề nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Khoá luận tốt nghiệp	Đúng	
47	Quản trị Logistics kinh doanh	An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái	Hà Nội	2018	1	Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng; Quản trị chuỗi cung ứng	Đúng	
48	Quản trị nhân lực căn bản	Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân	Thống kê	2016	1	Quản trị nguồn nhân lực	Đúng	
49	Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	20	Quản trị nguồn nhân lực	Đúng	
50	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Tổng hợp TP.HCM	2015	11	Quản trị nguồn nhân lực	Đúng	
51	Kinh doanh quốc tế	Tạ Lợi, Nguyễn Thị Hường	Đại học Kinh tế Quốc dân	2017	1	Kinh doanh quốc tế	Đúng	
52	Kinh doanh quốc tế	Phạm Thị Hồng Yến	Thống kê	2012	1	Kinh doanh quốc tế	Đúng	
53	Nghiệp vụ ngoại thương	Tạ Lợi	Đại học Kinh tế Quốc dân	2018	1	Nghiệp vụ ngoại thương	Đúng	
54	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	Vũ Hữu Tửu	Giáo dục	2002	1	Nghiệp vụ ngoại thương	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
55	Quản trị chất lượng	Nguyễn Đình Phan	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	1	Quản trị chất lượng	Đúng	
56	Quản trị chất lượng sản xuất ở Việt Nam	Nguyễn Văn Chiên	Khoa học và Kỹ thuật	2014	4	Quản trị chất lượng	Đúng	
57	Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	1	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	Đúng	
58	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	Lưu Đan Thọ	Tài chính	2016	1	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	Đúng	
59	Quản trị kênh phân phối	Nguyễn Đình Chiến	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	1	Quản trị kênh phân phối	Đúng	
60	English for Logistics, Express Series	Grussendorf, M.	Oxford: Oxford University Press	2007	1	Tiếng anh chuyên ngành	Đúng	
61	Market leader-Logistics Management	Pileam, A. & O'Driscoll, N.	Harlow: Pearson Longman	2010	1	Tiếng anh chuyên ngành	Đúng	
62	Hải quan cơ bản	Hoàng Trần Hậu, Nguyễn Thị Thương Huyền	Tài chính	2011	1	Nghiệp vụ hải quan; Vận hành Dịch vụ Logistics	Đúng	
63	Kinh tế hải quan – Phần 1	Hoàng Đức Thân	Đại học Kinh tế Quốc dân	2009	1	Nghiệp vụ hải quan	Đúng	
64	Cẩm nang quản trị kho hàng	Phan Thanh Lâm	Phụ nữ	2015	1	Quản lý kho hàng bến bãi	Đúng	
65	Khai thác cảng đường thủy	Nguyễn Thị Phương	Giao thông vận tải	2010	1	Quản lý kho hàng bến bãi	Đúng	
66	The Geography of Transport Systems	Jean –Paul Rodrigue, Claude Comtois, Brian Slack	Routledge	2013	1	Địa lý vận tải	Đúng	
67	Địa lý dịch vụ - Tập 1: Địa lý giao thông vận tải	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ	Đại học giao thông vận tải	2011	1	Địa lý vận tải	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
68	Nghệ thuật quản lý thời gian	Brian Tracy	Lao động	2018	5	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	Đúng	
69	Kỹ năng tư duy logic	Shibamoto Hidenori	Lao động	2018	5	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	Đúng	
70	Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng	Cao Hồng Đức, Phương Thuý	Tổng hợp TP.HCM	2010	1	Kiến tập; Thực hành nghề nghiệp; Thực tập tốt nghiệp; Khoá luận tốt nghiệp; Hệ thống thông tin dịch vụ logistics; Quản trị chuỗi cung ứng	Đúng	
71	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Trịnh Thị Thu Hương	Thông tin và Truyền thông	2011	1	Logistics quốc tế	Đúng	
72	Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	Trần Nguyễn Hợp Châu	Hồng Đức	2018	1	Vận tải đa phương tiện, Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	Đúng	
73	Logistics	Vũ Đình Nghiêm Hùng	Lao động – Xã hội	2010	1	Logistics trong thương mại điện tử	Đúng	
74	Thương mại điện tử	Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Văn Thoan	Bách Khoa – Hà Nội	2013	1	Logistics trong thương mại điện tử	Đúng	
75	Dịch vụ Logistics Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế	Đặng Đình Đào, Tạ Lợi, Nguyễn Minh Sơn, Đặng Thị Thuý Hằng	Dân trí	2019	1	Vận hành Dịch vụ Logistics	Đúng	
76	Logistics management	Lê Công Hoa	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	1	Kinh doanh Logistics	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
77	Logistics: Những vấn đề cơ bản	Đoàn Thị Hồng Vân	Lao động – Xã hội	2010	1	Kinh doanh Logistics	Đúng	
78	Vận tải và giao nhận trong ngoại thương	Nguyễn Như Tiến	Khoa học và Kỹ thuật	2011	1	Vận tải đa phương tiện, Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế; Quản trị chuỗi cung ứng	Đúng	
79	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Trần Đức Lộc	Tài chính	2013	20	Quản trị điều hành sản xuất	Đúng	
80	Marketing	Ngô Minh Cách	Tài chính	2010	1	Quản trị điều hành sản xuất, Marketing quốc tế	Đúng	
81	Marketing quốc tế	Trần Minh Đạo, Vũ Trí Dũng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	20	Marketing quốc tế	Đúng	
82	Quản trị xuất nhập khẩu	Đoàn Thị Hồng Vân	Kinh tế TP.HCM	2011	1	Quản lý mua hàng; Quản trị mua hàng toàn cầu	Đúng	
83	Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	2	Quản lý mua hàng	Đúng	
84	Quản trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	1	Quản trị doanh nghiệp Logistics	Đúng	
85	Quản trị Logistics	Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo, Phạm Cảnh Huy, Đặng Thị Thuý Hồng	Lao động – Xã hội	2018	1	Quản trị doanh nghiệp Logistics	Đúng	
86	Quản trị tài chính	Nguyễn Trung Trực	Kinh tế TP.HCM	2015	2	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	Đúng	
87	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Hoàn	Lao động	2013	2	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	Đúng	
88	Quản lý dự án	Từ Quang Phương	Đại học Kinh tế	2014	21	Quản lý dự án	Đúng	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Quốc dân					
89	Lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	20	Quản lý dự án	Đúng	
90	International Logistics: The Management of International Trade Operations, 5th edition	Pierre A. David, Richard D. Stewart	Cicero Books LLC	2018	1	Logistics Quốc tế	Đúng	
91	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục Việt Nam	2014	15	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Đúng	
92	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh	Tài chính	2012	1	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Đúng	
93	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2014	5	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Đúng	
94	Quản trị bán hàng	Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2018	1	Quản trị bán hàng	Đúng	
95	Quản trị học	Nguyễn Hoàn	NXB Lao động	2013	2	Quản trị học; Quản trị bán hàng	Đúng	
96	Hệ thống thông tin quản lý	Lê Thị Bích Lan	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	2011	1	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	Đúng	
97	Supply Chain Risk Management: An Emerging Discipline (Resource Management)	Gregory L. Schlegel, Robert J. Trent	CRC Press	2014	1	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	Đúng	

Bảng 2.5: Danh mục sách chuyên khảo phục vụ đào tạo tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Ghi chú
1	Quản trị chuỗi cung ứng	Nguyễn Thành Hiếu	Đại học Kinh tế Quốc dân	2015	01	Quản trị chuỗi cung ứng; Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng; Quản lý mua hàng; Quản trị mua hàng toàn cầu; Quản trị doanh nghiệp Logistics	
2	Logistics: Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam	Đặng Đình Đào, Vũ Thị Minh Loan, Nguyễn Minh Ngọc, Đặng Thu Hương, Phạm Thị Minh Thảo	Đại học Kinh tế Quốc dân	2011	1	Logistics quốc tế; Quản trị doanh nghiệp Logistics	
3	Quản lý Logistics quốc tế	Từ Sỹ Sùa	Giao thông vận tải	2018	1	Logistics quốc tế	
4	Xây dựng và phát triển hệ thống logistics quốc gia theo hướng bền vững ở nước ta	Đặng Đình Đào, Trần Chí Thiện, Nguyễn Đình Hiến	Lao động – Xã hội	2013	1	Logistics quốc tế	

2.1.5. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Các đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện

Hiện nay, nghiên cứu khoa học đã trở thành một phong trào mạnh mẽ tại Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội.

Nhà trường luôn xác định mục tiêu nghiên cứu khoa học để nâng cao năng lực giáo viên và chất lượng đào tạo. Điều này đã tạo ra động lực to lớn thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học của tập thể giảng viên, sinh viên trong toàn trường.

Với khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, công tác nghiên cứu khoa học luôn được quan tâm. Từ năm học 2014-2015, 100% giảng viên trong khoa tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học dưới nhiều hình thức khác nhau. Mỗi năm, giảng viên trong khoa chủ trì thực hiện từ 10 -12 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

Qua việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học trong những năm qua, Khoa đã thu được những kết quả sau:

- + Nhiều thành viên tham gia nghiên cứu đã sử dụng kết quả đề tài để phát triển thành luận văn thạc sĩ, chuyên đề tiến sĩ;
- + Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu khoa học cho giảng viên;
- + Là những tư liệu quý để viết giáo trình, làm tài liệu giảng dạy;
- + Các thành viên trong Khoa có điều kiện để làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.

Ngoài ra, các cán bộ, giảng viên trong khoa có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu trong nước và quốc tế về các lĩnh vực khoa học tài nguyên và môi trường.

Để chuẩn bị cho công tác đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trong những năm gần đây Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường đã quan tâm, đầu tư thời gian, nhân lực, kinh phí cho nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực. Nhà trường đã tích cực tham gia đấu thầu đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và dành một lượng kinh phí đáng kể để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Thông qua việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, năng lực và kiến thức thực tế của giảng viên nhà trường đã được nâng lên đáng kể. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của các đề tài cũng là nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho sinh viên trong quá trình học tập và làm khóa luận tốt nghiệp.

Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học do trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội thực hiện trong những năm gần đây được liệt kê ở bảng 2.6.

Bảng 2.6: Các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện

TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm	Ghi chú
1.	Thực trạng và giải pháp marketing cho các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường	Cơ sở	2010	
2.	Tổ chức hệ thống thông tin kế toán quản trị chi phí trong trường đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội	Cơ sở	2016	
3.	Kế toán trách nhiệm trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Cơ sở	2017	
4.	Nghiên cứu hành vi tiêu dùng xanh của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội	Cơ sở	2014 - 2015	
5.	Thực trạng phát triển du lịch bền vững tại thị xã Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	Cơ sở	2014 - 2015	
6.	Giải pháp mua bán sách trực tuyến trên Smartphone	Cơ sở	2013-2014	
7.	Kiểm thử tự động Test Complete và ứng dụng	Cơ sở	2014-2015	
8.	Nghiên cứu phương pháp sinh bộ kiểm thử trong kiểm thử hộp đen và xây dựng mô hình thử nghiệm.	Cơ sở	2015-2016	
9.	Nghiên cứu một số thuật toán phân cụm dữ liệu và ứng dụng trong thu thập thông tin kinh tế.	Cơ sở	2016-2017	
10.	Nghiên cứu cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng trong quản lý sinh viên trường đại học.	Cơ sở	2017-2018	

2.1.6 Các công trình đã công bố của cán bộ cơ hữu

Số liệu các công trình công bố của cán bộ, giảng viên cơ hữu tham gia chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng được thống kê ở bảng 2.7

Bảng 2.7: Các công trình công bố của cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	Tên công trình nghiên cứu (bài báo, bài tham luận)	Tác giả	Năm xuất bản	Tên tạp chí/ hội thảo
1.	Mô phỏng trường dòng chảy trong gió mùa khu vực Cửa Đại	Nguyễn Ngọc Thanh	2017	Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường Trường Đại học TN&MTHN
2.	Human ecological effects of tropical storms in the coastal area of Ky Anh (Ha Tinh, Vietnam)	Nguyễn Ngọc Thanh	2017	Tạp chí Environment, Development and Sustainability.
3	Phấn đấu trở thành Trường trọng điểm Quốc gia.	Nguyễn Ngọc Thanh	2016	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, số 16, Bộ TN&MT.
4	Xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu mới để cải thiện môi trường.	Nguyễn Ngọc Thanh	2016	Kỷ yếu hội nghị mạng lưới các cơ sở đào tạo ngành, chuyên ngành tài nguyên và môi trường, Đại học TN&MT TPHCM.
5	Kết quả bước đầu đánh giá tác động của BĐKH đối với nghề cá biển Việt Nam bằng phương pháp hàm sản xuất.	Nguyễn Ngọc Thanh	2014	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển. Tập 14, số 1.
6	Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu lượng giá kinh tế các giá trị tài nguyên được cung cấp từ các hệ sinh thái biển trên thế giới.	Nguyễn Ngọc Thanh	2014	Tạp chí quản lý kinh tế, viện Quản lý kinh tế TW, số tháng 6.
7	Lượng giá kinh tế các	Nguyễn Ngọc Thanh	2014	Tạp chí Tài nguyên

	giá trị tài nguyên được cung cấp từ các hệ sinh thái biển Việt Nam.	Thanh		và Môi trường, số 16, Bộ TN&MT.
8	Khả năng định thương hiệu để xây dựng lộ trình đào tạo.	Nguyễn Ngọc Thanh	2014	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, số 18, Bộ TN&MT.
9	Livelihood Vulnerability Assessment of Climate Change at Community Level Using Household Survey: A Case Study of a Coastal Community in Rang Dong Town, Nghia Hung District, Nam Dinh Province, Vietnam	Nguyễn Ngọc Thanh	2013	Queensland, Australia: The Seventeenth International Conference of the International Institute of Fisheries Economics & Trade (IIFET)
10	Climate change implications for fisheries in Vietnam. The Seventh Biennial North American Association of Fisheries Economists.	Nguyễn Ngọc Thanh	2013	(NAAFE) Forum, St. Petersburg, Florida, USA.
11	Ownership changes in Vietnamese banking system and their impacts.	Nguyễn Ngọc Thanh	2011	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san Kinh tế và Kinh Doanh.
12	Thị trường lao động Trung đông: Tình hình và đặc điểm.	Nguyễn Ngọc Thanh	2010	Tạp chí nghiên cứu châu Phi và Trung Đông, Viện KHXH Việt Nam.
13	Kinh nghiệm và cách tiếp cận di chuyển lao động của Trung Quốc	Nguyễn Ngọc Thanh	2010	Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc, Viện KHXH Việt Nam.
14	Vấn đề chủ sở hữu và người đại diện – Một số gợi ý về chính sách cho Việt Nam.	Nguyễn Ngọc Thanh	2010	Tạp chí khoa học ĐHQGHN, Chuyên san kinh tế và kinh doanh.

15	Đông Á khởi đầu hồi phục sau khủng hoảng.	Nguyễn Ngọc Thanh	2010	Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện KHXH Việt Nam
16	Phát triển kinh tế biển Việt Nam: Thực trạng và Giải pháp.	Nguyễn Ngọc Thanh	2010	Tạp chí nghiên cứu châu Phi và Trung Đông, Viện KHXH Việt Nam
17	Thấy gì qua cách ứng phó với khủng hoảng tài chính toàn cầu của các nước ASEAN.	Nguyễn Ngọc Thanh	2010	Tạp chí Cộng sản
18	Phát triển dịch vụ hậu cần ở ASEAN: Thực trạng và triển vọng.	Nguyễn Ngọc Thanh	2009	Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, Viện KHXH Việt Nam
19	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của Việt Nam trong quá trình đổi mới.	Nguyễn Ngọc Thanh	2009	Tạp chí kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, Viện KHXH Việt Nam
20	Tác động của khủng hoảng kinh tế Mỹ với Việt Nam và giải pháp khắc phục.	Nguyễn Ngọc Thanh	2009	Tạp chí nghiên cứu châu Phi và Trung Đông, Viện KHXH Việt Nam
21	Can devaluation be effective in improving the balance of payments in Vietnam?	Nguyễn Ngọc Thanh	2006	Journal of Policy Modelling, USA.
22.	The Importance of Exchange Rate Policy in Promoting Vietnam's Export.	Nguyễn Ngọc Thanh	2005	Oxford Development Studies. University of Oxford, UK.
23.	Characteristics of Topography - Geology along the 3B Highway from Backan city to Chodon (Vietnam) and Landslide Evidences.	Lê Trung Kiên (Đồng tác giả)	2019	Vietrock 2019 an ISRM specialized conference.
24.	Engineering geological	Lê Trung Kiên	2019	International

	zoning for continental shelf at south-eastern area of Vietnam	(Đồng tác giả)		Scientific Conference, Russia, ISBN 978-5-00159-144-3
25.	Đề xuất giải pháp đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025	Mai Thị Phương Lan (Đồng tác giả)	2019	Tạp chí Tài Nguyên và Môi trường
26.	Lợi và bất lợi của Việt Nam khi tham gia khu vực đầu tư ASEAN	Vũ Quang Hải (Đồng tác giả)	2019	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN: 0866-7120, số 16
27.	Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào ASEAN trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung 2013-2019	Vũ Quang Hải (Đồng tác giả)	2020	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN: 0866-7120, số 4
28.	Xây dựng và phát triển kinh tế xanh ở Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hà (Tác giả)	2017	Tạp chí Tài Chính, ISSN 005-56 số 655 tháng 4 năm 2017,
29.	Góc nhìn từ kinh tế xanh của Hàn Quốc và bài học xây dựng kinh tế xanh cho Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hà (Tác giả)	2017	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808 Số 498 tháng 7 - 2017
30.	Xây dựng xã hội carbon thấp hướng tới nền kinh tế xanh ở Hàn Quốc trong thế kỷ XXI	Nguyễn Thị Thu Hà (Tác giả)	2018	Tạp chí Châu Phi và Trung Đông, ISSN 1859 - 0519 Số 1 tháng 1 năm 2018.
31.	Cơ hội và thách thức đối với phát triển du lịch quốc tế ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN	Nguyễn Thị Thu Hà (Tác giả)	2018	Tạp chí Ấn độ và Châu Á, ISSN: 0866-7314 Số 12 tháng 12 năm 2018.
32.	Mặt trái của ODA và bài	Nguyễn Thị Thu	2018	Tạp chí Kinh tế

	học kinh nghiệm cho Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ODA	Hà (Tác giả)		Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808 Số 528 tháng 11 - 2018
33.	Nâng cao năng lực cạnh tranh công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam	Nguyễn Thị Thu Hường	2015	Tạp chí công thương
34.	Bắc Ninh: Sống chung với ô nhiễm rác và thiếu nước sạch	Nguyễn Thị Thu Hường	2017	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường
35.	Huyện Cẩm Giàng - tỉnh Hải Dương: Ảnh hưởng của xuất khẩu lao động đến đời sống của hộ gia đình	Phạm Thị Ngoan (Tác giả)	2015	Tạp chí Công Thương (ISSN: 0866 – 7756) Số 10 tháng 5/2015
36.	Thực trạng và ảnh hưởng của xuất khẩu lao động đến đời sống hộ gia đình	Phạm Thị Ngoan (Tác giả)	2015	Thị trường tài chính tiền tệ (ISSN 1859 – 2805) số 10 tháng 5/2015
37.	Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp	Phạm Thị Ngoan (Tác giả)	2016	Tạp chí Tài Nguyên và Môi trường ISSN 1859 – 1477 Số 3 – 2016
38.	Cần đầu tư tài chính cho công tác nghiên cứu biển	Phạm Thị Ngoan (Đồng tác giả)	2017	Tạp chí Tài nguyên & Môi trường ISSN 1859-1477 Kỳ 2 tháng 12/2017
39.	Thúc đẩy tiêu dùng xanh của các hộ gia đình Việt Nam hiện nay	Phạm Thị Ngoan (Đồng tác giả)	2018	Tạp chí Tài Chính (ISSN 2615- 8973), Kỳ 1 – tháng 12/2018 (694), Trang 76 – 79
40.	Đánh giá chất lượng nguồn nhân lực tại công ty cổ phần FPT Software, chi nhánh Hà Nội	Phạm Thị Ngoan (Tác giả)	2019	Tạp chí Kinh tế dự báo (ISSN 0866 – 7120) Số 29 – Tháng 10/2019
41.	Sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Đinh Thị Như Trang	2014	Tạp chí khoa học – Đại học quốc gia Hà Nội
42.	Bản về chính sách quản lý và sử dụng nước sạch ở Hà Nội	Đinh Thị Như Trang	2014	Tạp chí Kinh tế

				dự báo, số 556
43.	Hoạch định chính sách quốc gia – chức năng quan trọng của Chính phủ	Đinh Thị Như Trang	2016	<i>Tạp chí Tổ chức nhà nước</i> , số 9, tr 34- 38
44.	Quản lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước ở thành phố Hà Nội	Đinh Thị Như Trang	2017	Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 7, tr 96 -99
45.	Nước thải ở Hà Nội những vấn đề đặt ra	Đinh Thị Như Trang	2017	Tạp chí Con số sự kiện, số 11, tr 30,31,37
46.	Tổ chức sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân	Đinh Thị Như Trang	2017	<i>Tạp chí Tổ chức nhà nước</i> , số 11, tr 7- 11
47.	Bộ KH&CN công bố đầu tiên về tro, xỉ nhiệt điện	Đinh Thị Như Trang	2018	Tạp chí Chất lượng, số 11, tr12-13
48.	Sự cần thiết phải hoàn thiện khung pháp lý về hợp tác công tư	Đinh Thị Như Trang	2018	Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 11, tr 22 - 26
49.	Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước sạch ở thành phố Hà Nội	Đinh Thị Như Trang	2019	Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 12, tr 22 - 26

2.1.7. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ kinh nghiệm và cơ hội trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Nhà trường đã thiết lập và giữ được mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, lâu dài với nhiều tổ chức, hiệp hội, các trường đại học trên thế giới như: trường đại học Osaka (Nhật Bản), TU Delft (Hà Lan), Flinders (Australia), ĐH Vũ Hán (Trung Quốc), ĐH tổng hợp Địa chất và Địa đồ Maxcova (Cộng hoà Liên bang Nga), các tổ chức NGO trong lĩnh vực đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, ...

Trong 05 năm qua (2014 - 2019) hoạt động đối ngoại, giao lưu, hợp tác với các đối tác nước ngoài của Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, tập trung vào các mặt đào tạo, nghiên

cứu khoa học, tham quan hợp tác thông qua hình thức trao đổi đại biểu thăm và nghiên cứu kinh nghiệm, góp phần mở rộng, nâng cao kiến thức của cán bộ, giảng viên, giúp tăng cường hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau với các tổ chức quốc tế trên thế giới. Đồng thời cũng mở ra cơ hội hợp tác quốc tế về đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng với nước ngoài, giúp cho sinh viên tiếp cận được những tri thức và phương pháp nghiên cứu hiện đại trên thế giới.

2.2. Tóm tắt chương trình và kế hoạch đào tạo

2.2.1 . Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

Tóm tắt chương trình

- Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy: 133 TC

- Trong đó: + Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN): 28 TC

+ Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: 105 TC

Kế hoạch đào tạo:

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK	H	H	H	H	H	H	H
				1	2	3	4	5	6	7	8
1	Triết học Mác – Lênin	LCML2101	3	3							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LCML2102	2		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103	2			2					
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS2105	2					2			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	2				2				
6	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2			2					
7	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2	2							
8	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3	3							
9	Tiếng Anh 2	NNTA2102	3		3						
10	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2			2					
11	Toán cao cấp	KDTO2108	3	3							
12	Tin học đại cương	CTKH2151	2	2							
13	<i>Giáo dục thể chất</i>										
14	<i>Giáo dục quốc phòng-An ninh</i>										
15	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3	3							
16	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302	3		3						

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK	H	H	H	H	H	H	H
				1	2	3	4	5	6	7	8
17	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT2301	2		2						
18	Nguyên lý kế toán	KTKE2501	3			3					
19	Quản trị học	KTQU2101	2	2							
20	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2304	3				3				
21	Tài chính - Tiền tệ	KTTC2304	2		2						
22	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	KTQU2616	3				3				
23	Quản trị chất lượng	KTQU2526	3			3					
24	Quản trị nguồn nhân lực	KTQU2534	3			3					
25	Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	KTKH2501	3		3						
26	Quản trị chuỗi cung ứng	KTQU2531	3				3				
27	Quản lý kho hàng bến bãi	KTKH2502	3				3				
28	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	KTKH2503	3						3		
29	Vận hành Dịch vụ Logistics	KTKH2504	3							3	
30	Kinh doanh logistics	KTQU2533	3						3		
31	Logistics quốc tế	KTKH2505	3							3	
32	Vận tải đa phương tiện	KTKH2506	3					3			
33	Quản trị mua hàng toàn cầu	KTKH2507	3							3	
34	Kinh doanh quốc tế	KTKH2508	3					3			
35	Nghiệp vụ ngoại thương	KTKH2509	3					3			
36	Nghiệp vụ hải quan	KTKH2511	3				3				
37	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	KTKH2512	3						3		
38	Tiếng anh chuyên ngành	KTKH2513	2				2				
39	Địa lý vận tải	KTKH2514	3				3				
40	Kiến tập nghề nghiệp	KTKH2701	4					4			
41	Thực hành nghề nghiệp	KTKH2702	4							4	
42	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301	2		2						

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK	H	H	H	H	H	H	H
				1	2	3	4	5	6	7	8
43	Quản lý dự án	KTQU2601	2		2						
44	Quản lý mua hàng	KTKH2602	2						2		
45	Quản trị kênh phân phối	KTQU2559	2						2		
46	Marketing quốc tế	KTQU2545	2						2		
47	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	KTQU2602	3					3			
48	Logistics trong thương mại điện tử	KTKH2603	3						3		
49	Quản trị điều hành sản xuất	KTQU2604	3						3		
50	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTKH2601	3						3		
51	Quản trị bán hàng	KTQU2646	3					3			
52	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	KTKN2608	3					3			
53	Thực tập tốt nghiệp	KTKH2703	6								6
54	Khóa luận tốt nghiệp	KTKH2801	6								6
55	Quản trị doanh nghiệp Logistics	KTKH2802	3								
56	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	KTKH2803	3								
Tổng số tín chỉ			133	18	17/ 19	18	19	18/ 24	18/ 24	13	12

2.2.2 . Đối tượng đào tạo và điều kiện tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Toàn bộ thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.
- Điều kiện tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

2.2.3. Dự kiến tuyển sinh 3 năm đầu

- Năm 2020: dự kiến 60
- Năm 2021: dự kiến 120
- Năm 2022: dự kiến 180.

2.3. Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo (Biên bản kèm theo).

3. Cam kết thực hiện

Đề án tuyển sinh, chương trình đào tạo và các quy định có liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được đăng trên mục 3 công khai tại địa chỉ <http://hunre.edu.vn>.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cam kết về chất lượng đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng như đã công bố.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

PGS.TS Hoàng Anh Huy

**PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ
CHUỖI CUNG ỨNG**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1280 /QĐ-TĐHHN, ngày 10 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Logistics và quản lý chuỗi cung ứng**
 - Tiếng Anh: **Logistics and Supply Chain Management**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Logistics và quản lý chuỗi cung ứng**
- Mã số: **7510605**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Logistics and Supply Chain Management**

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiện các công việc trong ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế; đồng thời có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

+ Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước.

+ Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, tài nguyên và môi trường; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Có kiến thức thực tế để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn.

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt

động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

+ Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức độ hiểu, diễn đạt, xử lý được những tình huống thường gặp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

+ Có năng lực tự chủ trong công việc, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội;

+ Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có khả năng:

- Ứng dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, tài nguyên và môi trường để giải quyết các vấn đề trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Giải thích được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

- Ứng dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Logistics để khai thác các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Ứng dụng kiến thức cốt lõi liên quan đến hoạt động của chuỗi cung ứng như lập kế hoạch vận tải hàng hóa, dịch vụ vận tải, kho bãi, xuất nhập khẩu, hải quan,... để giải quyết các vấn đề trong quản lý chuỗi cung ứng.

2.2. Kỹ năng

Sau khi hoàn thành khóa học, người học đạt được các kỹ năng sau:

- Cập nhật thông tin, tổng hợp tài liệu, đánh giá, phân tích, phản biện, nhận biết vấn đề trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Lập kế hoạch và điều hành hệ thống trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Phân tích và thiết kế hệ thống hậu cần, dịch vụ hỗ trợ trong chuỗi cung ứng gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Làm việc nhóm (*hình thành nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và làm việc với các nhóm khác*)

- Quản lý và lãnh đạo (*hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động tổ chức, duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác, đàm phán, thuyết phục và quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ pháp luật*)

- Giao tiếp, thuyết trình và viết báo cáo (*lập luận, sắp xếp ý tưởng, giao tiếp trực tiếp, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình*)

- Năng lực ngoại ngữ và tin học:

Ngoại ngữ (Tiếng Anh): Sinh viên phải đạt được một trong các điều kiện dưới đây:

+ Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu) do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Đạt chuẩn bậc B1 tiếng Anh do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoặc tương đương theo khung tham chiếu dưới đây:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	45 – 59 FCE 65 – 79 PET 90 – 100 KET	3/6

- Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.

Sử dụng được một số phần mềm chuyên ngành để phục vụ tốt yêu cầu công việc.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có khả năng:

- Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp.
- Tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức.
- Trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội;
- Học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 133 TC

4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo, theo quy định của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hàng năm.

5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

6. Nội dung chương trình

6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133
Trong đó:	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	28
Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	105
Kiến thức cơ sở ngành	19
Kiến thức ngành	74
Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12

6.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
I. Kiến thức giáo dục đại cương								
1	LCML2101	Triết học Mác - Lê nin	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Trình bày và giải thích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác –	3	30	15	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			Lênin. Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.					
2	LCML2102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay. Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.	2	20	10	60	
3	LCML2103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
4	LCLS2105	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.	2	21	9	60	
5	LCTT2104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại. Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.	2	21	09	60	
6	KTQU2151	Kỹ năng mềm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được	2	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.					
7	LTPL2101	Pháp luật đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các mục tiêu: Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; So sánh một số chế định pháp luật trong	2	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			các ngành luật khác nhau; Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.					
8	NNTA2101	Tiếng Anh 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phát âm thành thạo vốn từ đã học. Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết.	3	08	37	90	
9	NNTA2102	Tiếng Anh 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.	3	06	39	90	
10	NNTA2103	Tiếng Anh 3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức nâng cao (trình độ trung	2	06	24	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...;					
11	KDTO2108	Toán cao cấp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lễ hành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;	3	25	20	90	
12	CTKH2151	Tin học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet.	2	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
<i>Giáo dục thể chất</i>								
<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>								
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
II.1 Kiến thức cơ sở ngành								
13	KTKH2301	Kinh tế vi mô	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.	3	33	12	90	
14	KTKH2302	Kinh tế vĩ mô	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu;	3	31,5	13,5	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.					
15	KTTM2301	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên tóm tắt được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Hiểu được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so sánh được sự khác biệt giữa các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.	2	22	8	60	
16	KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên Hiểu được kiến	2	19	11	70	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
		tế	thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.					
17	KTKE2501	Nguyên lý kế toán	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.	3	30	15	90	
18	KTQU2101	Quản trị học	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch	3	19	11	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức					
19	KTPT2304	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học hiểu được các vấn đề căn bản về về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: Tổng quan về nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh. Xác định vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần	3	26	19	93	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.					
20	KTTC2304	Tài chính – Tiền tệ	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, ngân sách nhà nước. Khái quát được các loại	2	24	6	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính, hệ thống ngân hàng và quan hệ thanh toán, tín dụng quốc tế.					
II.2 Kiến thức ngành								
21	KTQU2616	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người ứng xử, xác lập các quan điểm, quy tắc ứng xử, các hành vi, nghĩa vụ, giải quyết các mâu thuẫn; từ đó đề ra những qui định, những chính sách nhằm tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để quản lý doanh nghiệp có hiệu quả hơn.	3	37	8	90	
22	KTQU2602	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về khởi tạo doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục pháp lý có liên quan đến thành lập doanh nghiệp. Học phần giúp	3	36	9	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			phân tích môi trường kinh doanh từ đó xây dựng kế hoạch kinh doanh, đồng thời người học triển khai áp dụng vào công việc kinh doanh trong tương lai.					
23	KTQU2526	Quản trị chất lượng	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm như: khái niệm sản phẩm, chất lượng, chất lượng sản phẩm. Các phương pháp quản lý chất lượng; Một số vấn đề và các công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM. Ngoài ra học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, từ đó phân tích, tạo lập và phát triển văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp.	3	36	9	90	
24	KTQU2534	Quản trị nguồn nhân lực	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về	3	32	13	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			quản trị nguồn nhân lực như: Khái niệm và các học thuyết cơ bản về quản trị nguồn nhân lực. Phân tích công việc từ đó đưa ra các nội dung hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực. Từ các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp.					
25	KTKH2501	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng như: sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức... ; tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố	3	36	9	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình chính yếu được tiến hành đúng mục tiêu. Trong sản xuất kinh doanh, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.					
26	KTQU2531	Quản trị chuỗi cung ứng	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng, cấu trúc cung ứng, bản chất, mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng với 5 nhân tố quyết định mục tiêu quản trị chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, có thể khái quát các quá trình quản trị cơ bản liên kết các thành phần và tổ chức trong các cấu trúc chuỗi cung ứng đã thiết lập....Các vấn đề thông tin, tích hợp và đánh giá hoạt động quản trị chuỗi cung ứng.	3	34	11	90	
27	KTKH2502	Quản lý kho hàng bến bãi	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản lý kho hàng bến bãi	3	32	13	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			<p>như: lý thuyết về những vấn đề chung về quản lý kho hàng bến bãi; hoạt động trong việc tổ chức xếp dỡ tại kho hàng bến bãi; các nguyên tắc, quy tắc và kỹ thuật xếp dỡ hàng hoá; các công việc trong nhập hàng và xuất hàng tại kho hàng bến bãi; các hoạt động quản lý hành chính tại kho hàng bến bãi như sổ sách; phương pháp lưu trữ; tổ chức hệ thống phòng cháy, chữa cháy; kiểm kê và bảo quản hàng hoá tại kho hàng bến bãi . Đồng thời, sinh viên cũng nắm được kế hoạch phục vụ phương tiện tại kho hàng bến bãi như về kế hoạch tiếp nhận phương tiện vận tải, kế hoạch làm hàng. Đặc biệt sinh viên nắm rõ được việc tổ chức khai thác tại bến cảng container.</p>					
28	KTKH2503	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	<p>Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng như: những vấn đề cơ bản về quản lý rủi ro và an toàn chuỗi cung</p>	3	32	13	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			ứng, bao gồm khái niệm về rủi ro và quản lý rủi ro, quá trình ra đời cũng như 4 trụ cột chính trong quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng; các loại rủi ro cơ bản trong chuỗi cung ứng như: rủi ro chiến lược, rủi ro tiềm ẩn, rủi ro tài chính, rủi ro hoạt động; có kiến thức chung về lý thuyết liên quan đến đo lường rủi ro và giảm thiểu rủi ro.					
29	KTKH2603	Logistics trong thương mại điện tử	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về dịch vụ logistics gồm dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ giao nhận, và các dịch vụ khác, các hoạt động logistics trong sản xuất kinh doanh. Trình bày các vấn đề mà các doanh nghiệp gặp phải khi vận dụng dịch vụ logistics trong thương mại điện tử; đồng thời gợi mở các giải pháp nâng cao năng lực logistics trong thương mại điện tử.	3	35	10	90	
30	KTKH2504	Vận hành dịch vụ Logistics	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về vận hành dịch vụ logistics,	3	34	11	77	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			hướng dẫn sinh viên các quán trình vận hành dịch vụ logistics như hàng xuất – nhập khẩu, phân phối hàng hóa thiết bị xuất nhập khẩu và nội địa, vận chuyển và cung cấp cho hãng tàu – dịch vụ cảng.					
31	KTQU2533	Kinh doanh Logistics	<p>Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh doanh Logistics như: là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức...</p> <p>Môn học nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình chính yếu được tiến hành đúng mục tiêu. Trong sản</p>	3	36	9	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			xuất kinh doanh, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.					
32	KTKH2505	Logistics quốc tế	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về logistics quốc tế như: giới thiệu khái niệm, đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu Logistics quốc tế, trình bày những vấn đề cơ bản về Logistics quốc tế như lịch sử phát triển, đặc điểm, tầm quan trọng và cơ sở hạ tầng logistics quốc tế. Trình bày các nghiệp vụ vận tải quốc tế; quy cách đóng gói hàng hoá vận tải quốc tế, bảo hiểm trong ngoại thương, các rủi ro và phương thức bảo hiểm, nghiệp vụ bảo hiểm hàng vận chuyên; giới thiệu quy trình thực hiện thủ tục hải quan và làm rõ một số nguy cơ an ninh, tác động của sự bất ổn an ninh và kiến nghị nhằm củng cố an ninh logistics quốc tế; cơ	3	29	16	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			hội và thách thức đối với Logistics quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hoá.					
33	KTKH2506	Vận tải đa phương tiện	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về vận tải đa phương tiện như: lý thuyết về vận tải đa phương tiện; cơ sở pháp lý quốc tế và Việt Nam về vận tải đa phương tiện; tổ chức vận tải đa phương tiện; cơ sở vật vât kỹ thuật bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng, phương tiện và hệ thống thông tin quản lý phục vụ vận tải đa phương tiện; nghiên cứu về 2 mô hình vận tải đa phương tiện tiêu biểu và một số loại mô hình khác, thực tiễn hoạt động vận tải đa phương tiện tại Việt Nam.	3	33	12	90	
34	KTQU2604	Quản trị điều hành sản xuất	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị điều hành sản xuất, cung cấp cách thức dự báo nhu cầu sản phẩm, từ đó biết cách đưa ra quyết định về sản phẩm, cách thức xác định địa điểm xây dựng doanh nghiệp. Người học có thể	3	43	2	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			vận dụng vào trong thực tiễn để tiến hành hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản trị chất lượng và hàng dự trữ trong những tình huống cụ thể.					
35	KTKH2507	Quản trị mua hàng toàn cầu	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị mua hàng toàn cầu như: giới thiệu những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng và mua hàng toàn cầu, nội dung và phương pháp nghiên cứu quản trị mua hàng toàn cầu; nghiên cứu chiến lược mua hàng toàn cầu, mô hình quy trình mua hàng toàn cầu và chuỗi cung ứng chiến lược; xây dựng và quản lý quan hệ với nhà cung cấp; trình bày kiến thức cơ bản về hợp đồng và quản lý hợp đồng mua hàng quốc tế, phương pháp, các nhân tố ảnh hưởng và đạo đức đàm phán mua hàng; nghiên cứu cách thức quản lý giá mua và chi phí sử dụng lâu dài trong quá trình mua hàng toàn cầu; phân tích xu hướng mua hàng điện tử,	3	27	18	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			ơ hội và thách thức mua hàng toàn cầu và chiến lược cung ứng bền vững.					
36	KTKH2508	Kinh doanh quốc tế	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về inh doanh quốc tế như: giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, luật pháp, kinh tế, văn hoá và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế; những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế; một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế như quản trị chuỗi cung ứng, quản trị marketing quốc tế, quản trị nguồn nhân lực và tài chính quốc tế	3	28	17	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
37	KTKH2509	Nghiệp vụ Ngoại thương	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ ngoại thương như: giới thiệu tổng quan quy định pháp lý trong kinh doanh xuất nhập khẩu; các phương thức giao dịch, mua bán trên thị trường thế giới như buôn bán thông thường, buôn bán đối lưu, gia công quốc tế cùng những phương thức giao dịch khác; trang bị các nghiệp vụ cơ bản trong giao thương quốc tế như soạn thảo hợp đồng, cách thức tổ chức thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu, phương thức lập và kiểm tra chứng từ, thanh toán quốc tế, khai báo hải quan, tính thuế xuất nhập khẩu; giới thiệu những công việc chuẩn bị giao dịch tiến tới ký kết hợp đồng thương mại quốc tế; nghiệp vụ mua bán, thuê mua thiết bị kỹ thuật và công nghệ. Đồng thời sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào những tình huống thực tế của các doanh nghiệp.	3	30	15	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
38	KTKH2511	Nghiệp vụ hải quan	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan bao gồm các nội dung sau: phân tích sự cần thiết khách quan của ngành hải quan, nhiệm vụ chung, sự ra đời, phát triển của Hải quan Việt Nam và các công ước, hiệp định quốc tế về Hải quan; giới thiệu những kiến thức về thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và trị giá hải quan; xuất xứ hàng hoá và phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu bao gồm khái niệm, vai trò, giấy chứng nhận xuất xứ, thủ tục xác nhận và kiểm tra xuất xứ hàng hoá; nguyên tắc, trách nhiệm phân loại hàng hoá và danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam; khái quát về thủ tục hải quan, quy trình thông quan hàng hoá, nghiệp vụ kiểm tra hải quan, nghiệp vụ giám sát hải quan, phúc tập hồ sơ hải quan, kiểm tra sau thông quan, vi phạm và xử lý vi phạm hành chính	3	30	15	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			trong hải quan và nghiệp vụ hải quan điện tử.					
39	KTKH2512	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hoá như: lý thuyết về giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế; lý thuyết về cơ sở pháp lý, nguyên tắc và tổ chức việc giao nhận hàng hoá quốc tế; lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật và các phương thức thuê tàu chuyên chở trong vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường biển; lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật và việc tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường sắt; lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật và việc tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường hàng không, lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật và việc tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường ô tô; lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật, việc tổ chức vận tải, dịch vụ gom hàng và hiệu quả kinh tế xã hội của vận tải	3	33	12	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			hàng hoá quốc tế bằng container; lý thuyết về đặc điểm hình thức và việc tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đa phương thức; thực tiễn hoạt động giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế tại Việt Nam.					
40	KTKH2513	Tiếng Anh chuyên ngành	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về tiếng Anh chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng như: giới thiệu các thuật ngữ chuyên ngành và các văn bản, hoạt động giao tiếp bằng Tiếng Anh trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành các kỹ năng ngôn ngữ trên ngữ cảnh hoặc văn bản, báo cáo, tài liệu về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và nắm được các khái niệm và kiến thức cơ bản về vai trò của Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh. Học phần đồng thời tạo cơ hội để sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt	2	8	22	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			động trên lớp như thảo luận, bài tập tình huống, đóng vai, thuyết trình..					
41	KTKH2514	Địa lý vận tải	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về địa lý vận tải như: lý thuyết về địa lý vận tải; quá trình hình thành của hệ thống vận tải, tổ chức vận tải theo không gian và xu hướng của vận tải trong tương lai; các phương thức vận tải và vận tải đa phương thức; sự toàn cầu hoá và việc phân phối hàng hoá trong thương mại quốc tế; cung và cầu vận tải trong nền kinh tế; những tác động của vận tải đến môi trường và sự liên quan giữa vận tải và năng lượng; chính sách quy hoạch vận tải; lý thuyết đồ thị và hệ thống thông tin địa lý trong vận tải (GIS-T). Đồng thời, sinh viên nắm được tình hình thực tiễn địa lý vận tải tại Việt Nam.	3	33	12	90	
42	KTKH2601	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ năng phát triển nghề	2	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			<p>nghiệp như: nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp. Cách thức để sắp xếp và quản lý thời gian làm việc đạt hiệu quả. Khả năng tư duy logic tốt và áp dụng vào công việc một cách hiệu quả. Kỹ năng lập kế hoạch và ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Giải quyết các tình huống phát sinh trong công việc với tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp.</p>					
43	KTKH2701	Kiến tập nghề nghiệp	<p>Sau khi kết thúc học phần người học hoàn thành những công việc cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập: Giới thiệu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập; Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ kinh tế); Cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động. - Tìm hiểu thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập 	4		6 tuần	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. - Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập					
44	KTKH2702	Thực hành nghề nghiệp	Sau khi kết thúc học phần người học hoàn thành những công việc cụ thể như sau: - Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được phân công đến thực hành: Giới thiệu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp; Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng); Cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động. - Tìm hiểu thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. - Đánh giá thực trạng các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp. - Viết báo cáo sau quá trình đi thực hành tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp.	4		6 tuần	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
II.3 Thực tập và khoá luận tốt nghiệp								
45	KTKH2703	Thực tập tốt nghiệp	<p>Sau khi kết thúc học phần người học hoàn thành những công việc cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập - Tìm hiểu thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. - Đánh giá thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được kiến tập về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. - Phân tích những bất cập, vướng mắc cần giải quyết tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập đó. - Thực tập các công việc, nhiệm vụ được đơn vị thực tập phân công. 	6		8 tuần	80	
46	KTKH2801	Khoá luận tốt nghiệp	<p>Sau khi kết thúc học phần người học trình bày được những nội dung cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan đề tài nghiên cứu. - Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý 	6		8 tuần	80	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			<p>luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. - Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp. 					
III Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn								
III.1 Khối kiến thức tự chọn								
1	KTTM2301	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên và môi trường nghiên cứu các vấn đề tài nguyên, môi trường dưới góc độ phân tích của kinh tế học. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững...	2	22	8	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
2	KTQU2601	Quản lý dự án	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản lý dự án như các kiến thức về dự án đầu tư, giúp người học hiểu được cách thức quản lý dự án, biết cách lập kế hoạch thực hiện dự án, vận dụng kiến thức đã học để quản lý thời gian, tiến độ thực hiện dự án. Từ đó người học có thể vận dụng trong thực tiễn để biết cách phối hợp các nguồn lực của dự án, đưa ra các dự toán ngân sách, dự đoán các rủi ro trong dự án để có cách quản lý tốt.	2	20	10	60	
3	KTKH2602	Quản lý mua hàng	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ năng mua hàng bao gồm kiến thức cơ bản về vai trò, trách nhiệm và yếu tố cốt lõi, giá trị của mua hàng mang lại cho tổ chức, cách thức xây dựng và thực hiện chính sách và quy trình mua hàng.	2	25	5	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
4	KTQU2559	Quản trị kênh phân phối	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị kênh phân phối như: Tổng quan về phân phối sản phẩm; phân tích môi trường từ đó phân tích hành vi trong kênh phân phối. Học phần cũng đưa ra các bước xây dựng, quản lý và đánh giá hoạt động phân phối; các vấn đề chiến thuật về sản phẩm, giá và xúc tiến hỗn hợp trong quản trị kênh phân phối.	2	24	6	60	
5	KTQU2545	Marketing quốc tế	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về marketing quốc tế, môi trường marketing, giúp người học hiểu được các phân khúc thị trường, từ đó có thể hiểu được các chiến lược được áp dụng trong marketing quốc tế như chiến lược thâm nhập thị trường, chiến lược định giá, chiến lược phân phối sản phẩm..... Người học có thể vận dụng các kiến thức đã	2	20	10	60	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			học để áp dụng trong thực tế công việc trong tương lai.					
6	KTQU2646	Quản trị bán hàng	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị bán hàng, nhận thức về nhà quản trị bán hàng bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty. Phân tích và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng, nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng.	3	35	10	90	
7	KTQU2502	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh như khởi tạo doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục pháp lý có liên quan đến thành lập doanh nghiệp. Học phần giúp phân tích môi trường kinh doanh từ đó xây dựng kế	3	36	9	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			hoạch kinh doanh, đồng thời người học triển khai áp dụng vào công việc kinh doanh trong tương lai.					
8	KTKH2601	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ năng phát triển nghề nghiệp như nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp. Cách thức để sắp xếp và quản lý thời gian làm việc đạt hiệu quả. Khả năng tư duy logic tốt và áp dụng vào công việc một cách hiệu quả; Kỹ năng lập kế hoạch và ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Giải quyết các tình huống phát sinh trong công việc với tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp.	2	20	10	60	
9	KTKH2603	Logistics trong thương mại điện tử	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về logistics trong thương mại điện tử giới thiệu những vấn đề cơ bản về dịch vụ logistics gồm dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ giao nhận, và các dịch vụ khác, các hoạt	3	35	10	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			động logistics trong sản xuất kinh doanh. Sinh viên có thể trình bày các vấn đề mà các doanh nghiệp gặp phải khi vận dụng dịch vụ logistics trong thương mại điện tử; đồng thời gợi mở các giải pháp nâng cao năng lực logistics trong thương mại điện tử.					
10	KTKN2608	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính chuỗi cung ứng như: Chuỗi cung ứng và quản trị tài chính chuỗi cung ứng; vốn, nguồn tài trợ vốn, chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động chuỗi cung ứng; các hoạt động quản trị vốn bằng tiền, các khoản phải thu, vốn về hàng tồn kho của chuỗi cung ứng; phân tích hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng	3	29	16	90	
11	KTQU2604	Quản trị điều hành sản xuất	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị điều hành sản xuất trình bày các vấn đề như: Tổng quan về quản trị sản xuất; Dự báo nhu cầu sản phẩm, quyết	3	36	9	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			định về sản phẩm, dịch vụ - quá trình sản xuất và hoạch định; Xác định địa điểm xây dựng doanh nghiệp; Bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; Hoạch định tổng hợp; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp; Quản trị hàng dự trữ; Quản trị chất lượng.					
III.2 Khối kiến thức bổ trợ								
1	KTKH2802	Quản trị doanh nghiệp Logistics	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp Logistics bao gồm các nội dung sau: giới thiệu những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, các trường phái quản trị doanh nghiệp; đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp logistics trong nền kinh tế quốc dân; phân tích ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến doanh nghiệp logistics, từ đó đề xuất biện pháp khai thác môi trường kinh doanh hiệu quả; nghiên cứu cách thức tổ chức bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp logistics như vai trò, nội dung, nguyên tắc, yêu cầu và mô hình tổ chức bộ máy;	3	27	18	90	

TT	Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				Tổng số tín chỉ	LT	TH	Tự học	
			quy trình xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp logistics, các chỉ tiêu và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần nghiên cứu quản trị các nghiệp vụ kinh doanh logistics và quản trị các yếu tố trong doanh nghiệp logistics.					
2	KTKH2803	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	Sau khi nghiên cứu xong học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin nói chung, hệ thống thông tin quản trị chuỗi cung ứng và hệ thống thông tin dịch vụ logistics như: Tổng quan về hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản trị chuỗi cung ứng, Tổng quan mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, Hệ thống thông tin dịch vụ Logistics, Ứng dụng công nghệ vào Logistics và chuỗi cung ứng trong nhà kho, vận tải.	3	33	12	90	

6.3 Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK	H	H	H	H	H	H	H
				1	2	3	4	5	6	7	8
I	Khởi kiến thức giáo dục đại cương		28								
1	Triết học Mác – Lênin	LCML2101	3	3							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LCML2102	2		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103	2			2					
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LCLS2105	2					2			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104	2				2				
6	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2			2					
7	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2	2							
8	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3	3							
9	Tiếng Anh 2	NNTA2102	3		3						
10	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2			2					
11	Toán cao cấp	KDTO2108	3	3							
12	Tin học đại cương	CTKH2151	2	2							
	<i>Giáo dục thể chất</i>										
	<i>Giáo dục quốc phòng-An ninh</i>										
II.	Khởi kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		105								
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>		20								
13	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3	3							
14	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302	3		3						
15	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301	2		2						
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	KTPT2301	2		2						
17	Nguyên lý kế toán	KTKE2501	3			3					
18	Quản trị học	KTQU2101	2	2							
19	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	KTPT2304	3				3				
20	Tài chính - Tiền tệ	KTTC2304	2		2						
II.2	<i>Kiến thức ngành</i>		73								
21	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	KTQU2616	3				3				
22	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	KTQU2602	3					3			

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK	H	H	H	H	H	H	H
				1	2	3	4	5	6	7	8
23	Quản trị chất lượng	KTQU2526	3			3					
24	Quản trị nguồn nhân lực	KTQU2534	3			3					
25	Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng	KTKH2501	3		3						
26	Quản trị chuỗi cung ứng	KTQU2531	3				3				
27	Quản lý kho hàng bến bãi	KTKH2502	3			3					
28	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	KTKH2503	3						3		
29	Logistics trong thương mại điện tử	KTKH2603	3						3		
30	Vận hành Dịch vụ Logistics	KTKH2504	3							3	
31	Kinh doanh logistics	KTQU2533	3						3		
32	Logistics quốc tế	KTKH2505	3							3	
33	Vận tải đa phương tiện	KTKH2506	3					3			
34	Quản trị điều hành sản xuất	KTQU2604	3						3		
35	Quản trị mua hàng toàn cầu	KTKH2507	3							3	
36	Kinh doanh quốc tế	KTKH2508	3					3			
37	Nghiệp vụ ngoại thương	KTKH2509	3					3			
38	Nghiệp vụ hải quan	KTKH2511	3				3				
39	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	KTKH2512	3						3		
40	Tiếng anh chuyên ngành	KTKH2513	2				2				
41	Địa lý vận tải	KTKH2514	3				3				
42	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTKH2601	3						3		
43	Kiên tập nghề nghiệp	KTKH2701	4					4			
44	Thực hành nghề nghiệp	KTKH2702	4							4	
II.3	<i>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</i>		12								
45	Thực tập tốt nghiệp	KTKH2703	6								6
46	Khóa luận tốt nghiệp	KTKH2801	6								6
	Tổng số tín chỉ mỗi kỳ học		133	18	17	18	19	18	18	13	12
III.	Khởi kiến thức bổ trợ, tự chọn										
III.1	<i>Khởi kiến thức tự chọn (14/28)</i>		14								
1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2301	2	2/10							

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				HK	H	H	H	H	H	H	H
				1	2	3	4	5	6	7	8
2	Quản lý dự án	KTQU2601	2								
3	Quản lý mua hàng	KTKH2602	2								
4	Quản trị kênh phân phối	KTQU2559	2								
5	Marketing quốc tế	KTQU2545	2								
6	Quản trị bán hàng	KTQU2646	3								
7	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	KTQU2502	3								
8	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTKH2601	3								
9	Logistics trong thương mại điện tử	KTKH2603	3								
10	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	KTKN2608	3								
11	Quản trị điều hành sản xuất	KTQU2604	3								
III.2	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (6TC)</i>		6								
1	Quản trị doanh nghiệp Logistics	KTKH2802	3								3
2	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	KTKH2803	3								3
Tổng tín chỉ			133								

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học

kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Triết học Mác - Lênin**
 - * Tiếng Anh: **Philosophy of Marxism Leninism**
- Mã học phần: LCML2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày và giải thích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin

+ Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin

- Về kỹ năng: Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo, (tháng 8/2019), *Giáo trình triết học Mác-Lênin*(sử dụng trong các trường đại học- hệ không chuyên lý luận chính trị) - Tài liệu dùng tập huấn giảng dạy năm 2019.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Sanh, *Hỏi đáp về thế giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác- Lênin: Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.

2. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

3. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	07		03	10	20	Đọc TLC chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	4		2	6	12	
1. Khái lược về triết học <i>a. Nguồn gốc triết học</i> <i>b. Khái niệm triết học</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử</i></p> <p><i>d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan</i></p>						
<p>2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p><i>a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học</i></p> <p><i>b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm</i></p> <p><i>c. Thuyết có thể biết (Thuyết Khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết Bất khả tri)</i></p>	2		2	4	8	
<p>3. Biện chứng và siêu hình</p> <p><i>a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử</i></p> <p><i>b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</i></p>	1			1	2	
<p>II. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội</p>	3		1	4	8	
<p>1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin</p> <p><i>a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác</i></p> <p><i>b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác</i></p> <p><i>c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do</i></p>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện</i>						
<i>d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác</i>						
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin <i>a. Khái niệm triết học Mác - Lênin</i> <i>b. Đối tượng của triết học Mác – Lênin</i> <i>c. Chức năng của triết học Mác - Lênin</i>	1			1	2	
3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay <i>a. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn</i> <i>b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.</i> <i>c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</i>						
Chương 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	12		6	18	36	Đọc TLC chương 2, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Vật chất và ý thức	3		1	4	8	
1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất	1			1	2	
<i>a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất</i>						
<i>b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất</i>						
<i>c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất</i>						
<i>d. Các hình thức tồn tại của vật chất</i>						
<i>e. Tính thống nhất vật chất của thế giới</i>						
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức	1			1	2	
<i>a. Nguồn gốc của ý thức</i>						
<i>b. Bản chất của ý thức</i>						
<i>c. Kết cấu của ý thức</i>						
3. Mối quan hệ giữa vật chất và	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ý thức <i>a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình</i> <i>b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng</i>						
II. Phép biện chứng duy vật	6		3	9	18	
1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật <i>a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan</i> <i>b. Khái niệm phép biện chứng duy vật</i>	1			1	2	
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật <i>a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật</i> <i>b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</i> <i>c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</i>	5		3	8	16	
III. Lý luận nhận thức	3		2	5	10	
1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng	0.5			0.5	1	
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	0.5		1	3.5	3	
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức</i>	0.5			0.5	1	
<i>5. Tính chất của chân lý</i>	0.5			0.5	1	
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	11		5	16	32	Đọc TLC chương 3, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội	3		2	5	10	
<i>1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</i>	0.5			0.5	1	
<i>2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</i> <i>a. Phương thức sản xuất</i> <i>b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i>	1		1	2	4	
<i>3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i> <i>a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i> <i>b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i>	1			1	2	
<i>4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</i> <i>a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</i>	0.5		1	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người</i> <i>c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng</i>						
II. Giai cấp và dân tộc	2			3	6	
1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp <i>a. Giai cấp</i> <i>b. Đấu tranh giai cấp</i> <i>c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản</i>	1			1	2	
2. Dân tộc <i>a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</i> <i>b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay</i>	0.5			0.5	1	
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại <i>a. Quan hệ giai cấp- dân tộc</i> <i>b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại</i>	0.5			0.5	1	
III. Nhà nước và cách mạng xã hội	2			2	4	
1. Nhà nước <i>a. Nguồn gốc của nhà nước</i> <i>b. Bản chất của nhà nước</i> <i>c. Đặc trưng cơ bản của nhà</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nước</i> <i>d. Chức năng cơ bản của nhà nước</i> <i>e. Các kiểu và hình thức nhà nước</i>						
2. Cách mạng xã hội <i>a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội</i> <i>b. Bản chất của cách mạng xã hội</i> <i>c. Phương pháp cách mạng</i> <i>d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay</i>	1			1	2	
IV. Ý thức xã hội	2		1	3	6	
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội <i>a. Khái niệm tồn tại xã hội</i> <i>b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</i>	1			1	2	
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội <i>a. Khái niệm ý thức xã hội</i> <i>b. Kết cấu của ý thức xã hội</i> <i>c. Tính giai cấp của ý thức xã hội</i> <i>d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>e. Các hình thái ý thức xã hội</i>						
V. Triết học về con người	2		2	4	8	
1. Khái niệm con người và bản chất con người <i>a. Con người là thực thể sinh học - xã hội</i> <i>b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người</i> <i>c. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử</i> <i>d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội</i>	0.5			0.5	1	
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người <i>a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa</i> <i>b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức</i> <i>c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người</i>	0.5		1	1.5	3.0	
3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử.	0.5			0.5	1.0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</i>						
<i>b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</i>						
4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	0.5		1	1.5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30		15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin**
 - * Tiếng Anh: **Political Economy Marxist Leninism**
- Mã học phần: LCML2102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay
- Về kỹ năng: Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội của người lao động trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin
- Chương 2,3,4 trình bày các nội dung về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và sự vận động của các vấn đề đó trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.
- Chương 5, 6 trình bày những nội dung về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*, tài liệu phục vụ tập huấn chuyên ngành tháng 8 – 2019, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin: Dành cho các khối ngành không chuyên Kinh tế- Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

3. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊN IN	2				2	Đọc TLC từ trang 7- 20, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác Lênin.	0.5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin Hàng hoá <i>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin</i> <i>1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lênin</i>	1			1	2	
1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác Lênin Tiền tệ <i>1.3.1. Chức năng nhận thức</i> <i>1.3.2. Chức năng tư tưởng</i> <i>1.3.3. Chức năng thực tiễn</i> <i>1.3.4. Chức năng phương pháp luận</i>	0,5			0,5	1	
Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG	4		2	6	30	
2.1. Lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa <i>2.1.1. Sản xuất hàng hóa</i> <i>2.1.2. Hàng hóa</i> <i>3.1.3. Tiền</i> <i>3.1.4. Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt</i>	2		1	3	6	Đọc TLC từ trang 21- 52, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên TLTK số 3
2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường <i>2.2.1. Thị trường</i>	2		1.0	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. <i>Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường</i>						
Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 53- 79 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư <i>3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư</i> <i>3.1.2. Bản chất giá trị thặng dư</i> <i>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa</i>	2,0		1.0	3.0	6	TLTK số 2, số 3
3.2. Tích lũy tư bản <i>3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản</i> <i>3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy tư bản</i>	1,5		0,5	2	4	
3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường <i>3.3.1. Lợi nhuận</i> <i>3.3.2. Lợi tức</i> <i>3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa</i>	1,5		0,5	2	4	
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	3		1	4	8	Đọc TLC từ trang 80 - 106, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn
4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường <i>4.2.1. Lý luận của Lê Nin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường</i> <i>4.2.2. Lý luận của Lê Nin về độc quyền nhà nước trong CNTB</i>	2		1	3	6	của giảng viên TLTK số 2
Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 107- 140, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên TLTK số 2, số 4
5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam <i>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i>	1		0.5	1.5	3	
5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam <i>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i>	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam <i>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</i> <i>5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích</i>	1		1.0	2	4	
Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 141- 184, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam <i>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</i> <i>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</i> <i>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4</i>	1,5		1	2,5	5	
6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>6.2.1. Khái niệm và các nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</i> <i>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</i> <i>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</i>	1.5		1	2.5	5	
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
 - * Tiếng Anh: **Science socialism**
- Mã môn học: LCML2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết /học trước: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị học Mác – Lênin.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, tài liệu phục vụ tập huấn giảng dạy tháng 8 – 2019, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trịnh Quốc Tuấn, *Giáo trình Chủ nghĩa Xã Hội Khoa học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	2			2	4	Đọc TLC trang 7-26 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1. Sự ra đời của Chủ nghĩa Xã hội khoa học <i>1.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>1.2 Vai trò của Các Mác và Phridrich Ăngghen</i>	1			1	2	
2. Các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>2.1 Các Mác và Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>2.2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</i> <i>2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học khi Lênin qua đời đến nay</i>	0.5			0.5	1	
3. Đối tượng, phương pháp ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>3.1 Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>3.2 Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>3.3. Ý nghĩa việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	3		1	4	8	
1. Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân <i>1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</i> <i>1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> <i>1.3 Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i>	1			1	2	
2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay <i>2.1 Giai cấp công nhân hiện nay</i> <i>2.2 Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</i> <i>2.3 Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</i>	1		1	2	4	Đọc TLC trang 27- 47 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam <i>3.1 Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</i> <i>3.2 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng</i> <i>3.3 Định hướng xây dựng giai cấp</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>công nhân Việt Nam hiện nay</i>						
Chương 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		1	4	8	
1. Chủ nghĩa xã hội <i>1.1 Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa</i> <i>1.2 Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội</i> <i>1.3 Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội</i>	1			1	2	Đọc TLC trang 48- 67
2. Thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội <i>2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>2.1. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>	1			1	2	Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa</i> <i>3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay</i>	1		1	2	4	
Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC	3		1	4	8	Đọc TLC trang

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA						68-88
1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa <i>1.1 Dân chủ và sự ra đời phát triển của dân chủ</i> <i>1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa</i>	1			1	2	Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2. Nhà Nước Xã hội chủ nghĩa <i>2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</i> <i>2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</i>	1			1	2	
3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam <i>3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i> <i>3.2. Nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	1		1	2	4	
Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	2		2	4	8	Đọc TLC trang 89 -104 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>1.1. Khái niệm và vị trí của cơ</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</i>						
<i>1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>						
2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	0.5			0.5	1	
3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						
<i>3.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	0.5		1	1.5	3	
<i>3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>						
Chương 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		2	5	10	
1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam						
<i>1.1 Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc</i>	1			1	2	
<i>1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay	1		1	2	4	
3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	1		1	2	4	
Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	4		2	6	12	
1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 1.1. Khái niệm gia đình 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 1.3. Chức năng cơ bản của gia đình	1			1	2	Đọc TLC trang 128- 144; Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Cơ sở kinh tế xã hội 2.2. Cơ sở chính trị - xã hội	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.3. Cơ sở văn hóa 2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ						
3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2		1	3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**
- Mã học phần: LCLS2105
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
<input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng

Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng và việc vận dụng vào thực tiễn hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- *Đề cương chi tiết học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;*

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Sử dụng trong các trường đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị), Tài liệu tập huấn hè 2019, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội (Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn).

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, bản đồ tư duy.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương nhập môn. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	- Đọc TLC, Chương nhập môn - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu						
II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của môn học						viên
III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể						
Chương 1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	4		2	6	12	
I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2		1	3	6	- Đọc TLC, Chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) 1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	2		1	3	6	
Chương 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG	7		2	9	18	- Đọc TLC,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)						Chương 2;
I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	3		1	4	8	- Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975 3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975	4		1	5	10	
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	<i>Ôn tập kiến thức đã học ở chương 1 và 2</i>
Chương 3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ	9		4	13	26	- Đọc TLC,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TIỀN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)						Chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986	3		1	4	8	
II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	6		3	9	18	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: **LCTT2104**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên bậc đại học khóa 9
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết / học trước: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế Chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/ tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, tài liệu phục vụ tập huấn tháng 8 – 2019, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS. Song Thành (2016), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Thế giới.
2. GS. Song Thành (2012), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẩu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH						
II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh <i>a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học</i> <i>b. Thống nhất lý luận và thực tiễn</i> <i>c. Quan điểm lịch sử- cụ thể</i> <i>d. Quan điểm toàn diện và hệ thống</i> <i>e. Quan điểm kế thừa và phát triển</i> 2. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận. 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác	1			1	2	Đọc TLC trang 5-18 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3		1	4	8	
I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn <i>a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> <i>b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu</i>	1	1		2	4	Đọc TLC trang 19-41 Chuẩn bị bài

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>thế kỷ XX</p> <p>2. Cơ sở lý luận</p> <p><i>a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i></p> <p><i>b. Tinh hoa văn hóa nhân loại</i></p> <p><i>c. Chủ nghĩa Mác-Lênin</i></p> <p>3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p><i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i></p> <p><i>b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận.</i></p> <p>II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>1. Thời kỳ trước ngày 5/6/1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới.</p> <p>2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.</p> <p>3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam.</p> <p>4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua sóng gió, thử thách, kiên định giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo.</p> <p>5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9/1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân</p>	1			1	2	theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
ta. III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối với cách mạng Việt Nam <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay.</i> 2. Đối với sự phát triển tiên bộ của nhân loại. <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.</i>	1			1	2	
Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc <i>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.</i> <i>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân</i>	2		1	3	6	Đọc TLC trang 57- 95 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để.</p> <p>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.</p> <p>2. Về cách mạng giải phóng dân tộc.</p> <p>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</p> <p>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng công sản lãnh đạo.</p> <p>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng.</p> <p>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.</p> <p>e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng.</p> <p>II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p> <p>b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan.</p> <p>c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa.</p>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i></p> <p><i>b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</i></p>						
<p>3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p><i>a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ.</i></p> <p><i>b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.</i></p>	0.5			0.5	1	
<p>III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc.</p> <p>3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.</p>						
<p>IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.</p> <p>1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</p> <p>2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>3. Cùng cố, kiên toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống</p>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.						
Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh. <i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i> <i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i> <i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.</i>	2		1	3	6	Đọc TLC trang 72-98 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM 1. Nhà nước dân chủ <i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i> <i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i> 2. Nhà nước pháp quyền <i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i> <i>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</i> <i>c. Pháp quyền nhân nghĩa</i> 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>a. Kiểm soát quyền lực nhà nước</p> <p>b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước.</p> <p>III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC</p> <p>1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>2. Xây dựng Nhà nước</p>	1			1	2	
Kiểm tra 1 tiết			1	1	2	Ôn tập các kiến thức của môn học từ Chương 1 đến hết chương 4
Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
<p>I TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC</p> <p>1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.</p> <p>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</p> <p>2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p>	1		1	2	4	Đọc TLC trang 99 - 118 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc</p> <p>4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p><i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p><i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</i></p> <p><i>c. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.</i></p> <p>II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ</p> <p>1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế</p> <p><i>a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng</i></p> <p><i>b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.</i></p> <p>2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p> <p><i>a. Các lực lượng cần đoàn kết</i></p> <p><i>b. Hình thức tổ chức</i></p> <p>3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p> <p><i>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình</i></p> <p><i>b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.</i></p> <p>III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.</p>	1			1	2	
<p>III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.</p>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng.</p> <p>2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế</p>						
Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	4		2	6	12	
<p>I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA</p> <p>1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</p> <p><i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</i></p> <p><i>b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</i></p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò văn hóa</p> <p><i>a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</i></p> <p><i>b. Văn hóa là một mặt trận</i></p> <p><i>c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân</i></p> <p>3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới</p>	1		1	2	4	Đọc TLC trang 119 - 151 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng</p> <p><i>a. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng</i></p> <p><i>b. Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội</i></p> <p>2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng</p> <p><i>a. Trung với nước, hiếu với dân</i></p> <p><i>b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư</i></p> <p><i>c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa</i></p> <p><i>d. Tinh thần quốc tế trong sáng</i></p> <p>3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng</p> <p><i>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</i></p> <p><i>b. Xây đi đôi với chống</i></p> <p><i>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</i></p> <p>III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI</p> <p>1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người</p> <p>2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người</p> <p>3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người</p> <p>IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p>						
	1			1	2	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Về xây dựng đạo đức cách mạng						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm

việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.

4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.
5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.
6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm **Vấn đáp** Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3		10	20	
2.1. Giao tiếp <i>2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp</i> <i>2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp</i> <i>2.1.3. Chức năng của giao tiếp</i> <i>2.1.4. Phân loại giao tiếp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Các phương tiện giao tiếp <i>2.2.1. Ngôn ngữ</i> <i>2.2.2. Phi ngôn ngữ</i>	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp <i>2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp</i> <i>2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản <i>2.4.1. Kỹ năng lắng nghe</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết						
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức (Tình huống)		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp <i>4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân</i> <i>4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp</i>	1			1	2	
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm <i>4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới</i> <i>4.2.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc <i>4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc</i> <i>4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc</i> <i>4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc</i> <i>4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân</i>	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng <i>4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phỏng vấn</i> 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng vấn 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn						
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra (thảo luận nhóm)			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;

+ Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

+ So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;

+ Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.

NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;

- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;

- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015, *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Minh Đuan (2016), *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội

3. Vũ Quang (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lệ Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), **Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật** (*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;

4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;

5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;

6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;

7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;

8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;

9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;

10. Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2012*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tình huống

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước <i>1.1.1. Nguồn gốc</i> <i>1.1.2. Bản chất</i> <i>1.1.3. Hình thức</i> <i>1.1.4. Chức năng</i>	02		01	03	06	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật <i>1.2.1. Nguồn gốc và bản chất</i> <i>1.2.2. Thuộc tính</i> <i>1.2.3. Hình thức</i>	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật <i>2.1.1. Khái niệm, đặc điểm</i> <i>2.1.2. Các thành phần cấu thành</i>	01	01		1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Quan hệ pháp luật <i>2.2.1. Khái niệm, đặc điểm</i> <i>2.1.2. Các thành phần cấu</i>	01			1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thành</i>						VIII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.3. Vi phạm pháp luật <i>2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu</i> <i>2.3.2. Các yếu tố cấu thành</i>	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Trách nhiệm pháp lý <i>2.4.1. Khái niệm</i> <i>2.4.2. Phân loại</i>	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp <i>3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh</i> <i>3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013</i>	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Luật Hành chính	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính</p>						<p>V</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<p>3.3. Luật Dân sự</p> <p>3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.3.2. Quyền sở hữu</p> <p>3.3.3. Quyền thừa kế</p>	01	02		03	06	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<p>3.4. Luật Hình sự</p> <p>3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.4.2. Tội phạm</p> <p>3.4.3. Hình phạt</p>	01			01	02	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<p>3.5. Luật lao động</p> <p>3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh</p> <p>3.5.2. Hợp đồng lao động</p> <p>3.5.3. Bảo hiểm xã hội</p>	01			01	02	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	01			01	02	- Đọc TLĐT 1, Chương 6 - Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng	04		01	05	10	- Đọc TLĐT 2 - Đọc TLĐT 10 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
Tiếng Việt: Tiếng Anh 1
Tiếng Anh: English 1
- Mã học phần: NNTA2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
<input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
 - Bài tập : 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 21 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

Về kiến thức:

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kĩ năng:

*** Kỹ năng đọc:**

1. Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
2. Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

*** Kỹ năng nghe:**

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

*** Kỹ năng nói:**

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

*** Kỹ năng viết:**

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: People and places

Module 2: Everyday Life

Module 3: Loves and Hates

Module 4: Eating and Drinking

Module 5: Extraordinary Lives

Module 6: Buying and Selling

Module 7: The world around us

4. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính: Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). *New Cutting Edge, Elementary*. Harlow: Pearson Longman.
- Tài liệu tham khảo:
 - Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2015). *Life (Vietnam Edition)*. National Geographic Learning. Cengage Learning. A1/A1-A2
 - Thomson, A.J., & Martinet, A.V. (1992). *A practical English Grammar*. Oxford University Press.
 - Memarzadeh, A. (2007). *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
 - Esol examinations. (2013). *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.
 - Department of Foreign Language. (2014). *Practice Exercise 1*. Internal circulation. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: People and places	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
<ul style="list-style-type: none"> Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2-1e. Viết về thông tin cá nhân (p.17) Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2-1c. Đọc thông tin về con người trên thế giới (p.14,15) Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16) 						<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng của động từ To Be Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) Số đếm trong TA <p>Tự học: Module 2: You and Yours (p20-25)</p>
Module 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) Tham khảo: Unit 8 - Life A1-8a. Đọc và nghe thông tin về cuộc sống hàng ngày của 1 nhà văn ở Trung Quốc (p.94,95) Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31) 						<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn Cách nói thời gian trong TA (p.30) Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Module 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) • Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) • Tham khảo: Unit 6 - Life A1-6b. Từ vựng và bài đọc về sở thích (p.72,73) • Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) • Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) • Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40) 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích • Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn • Nói về sở thích cá nhân
Module 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) • Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) • Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 5 - Life A1-A2-5b. Đọc về top 5 chợ ẩm thực trên thế giới (p.60) • Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) • Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn • Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt <i>some</i> và <i>any</i> • Cấu trúc <i>How much / How many</i> • Nói về thói quen ăn uống của bản thân. <p>Tự học: <i>Module 5: Getting from A to B</i> (p.42-49)</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
dẫn (p.58)						
Module 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) Tham khảo: Unit 11 - Life A1-11b. Đọc và nghe một đoạn phỏng vấn người phiêu lưu mạo hiểm (p.132,133) Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66) 						<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6 Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Module 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các 						<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về chủ đề mua sắm Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
<p>nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) • Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84) • Tham khảo: Unit 5- Life A1-5b. Từ vựng và nghe nói về giá cả (p.64) 						<ul style="list-style-type: none"> • • • <p>sánh bất quy tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm • Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) • Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam <p>Tự học: <i>Module 10: Street life (p.86-93)</i></p>
Module 7: The world around us	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) • Tham khảo: Unit 8- Life A1-8c. Đọc bài về loài hổ (p.98,99) • Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) • Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) • Viết : Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn 						<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng • Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh- questions) • Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE • Nói về một loài vật yêu thích <p>Tự học: <i>Module 13: Learning for the</i></p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						<i>future</i> (p.86-93)
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	
<p>Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129)</p> <ul style="list-style-type: none"> Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng Tham khảo: Unit 3- Life A1-A2- 3e. Viết về 1 địa danh (p.41) 						<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu <i>Have to/don't have to và Can/can't</i> Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) Các cách hỏi và chỉ đường Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích <p>Tự học: <i>Module 12: A weekend away</i> (p.104-110)</p>
Consolidation Modules 7 -15			2	2	8	
Revision 2						
Progress Test 2		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		4	1	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần
Tiếng Việt: Tiếng anh 2
 - Tiếng Anh: English 2
- Mã học phần: NNTA2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 5 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 20 tiết
 - Thảo luận : 18 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của môn học

Về kiến thức: Sau khi học xong môn học sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiên trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.

Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu bắt buộc: New cutting Edge (Pre- Intermediate)

4.2. Tài liệu bổ trợ:

- A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
- Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
- Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
- Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Vấn đáp

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2		4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13) 							<ul style="list-style-type: none"> - củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Important Firsts	1	1	2		4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21) - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn 							<ul style="list-style-type: none"> - Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà)</p> <p>- Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc</p> <p>Từ vựng: Các tính từ miêu tả.</p>							trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1		4	8	
<p>- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25)</p> <p>- Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26)</p> <p>- Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27)</p> <p>- Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29)</p> <p>- Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29)</p> <p>- Từ vựng: Hoạt động thường nhật</p>							<p>- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO</p> <p>- Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp</p>
Module 4: Speacial Occassions		2	2		4	8	
- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh							- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33)</p> <p>- Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37)</p> <p>- Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39)</p> <p>- Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà)</p> <p>- Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.</p>							<p>tại tiếp diễn</p> <p>- Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai</p> <p>- Từ vựng về Ngày , tháng, năm</p> <p>- Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt.</p>
<p>Consolidation Modules 1-4</p> <p>Progress Test 1: Written test</p>		3			4		
<p>Module 5: Appearances</p>	1	1	2		4	8	
<p>- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43)</p> <p>- Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45)</p> <p>- Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47)</p> <p>- Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính</p>							<p>- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh</p> <p>- Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
cách)							
Module 6: Ambitions and Dreams	1	2	1		4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai 							<ul style="list-style-type: none"> Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ.
Module 7: Countries and cultures		2	2		4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu về các thông tin địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời 							<ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Consolidation Modules 5-8		3	1		4	8	
Progress test 2 – Oral Test			4		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2				Preparation for the final exam
Cộng	5	20	20		45	90	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tiếng Anh 3**
▪ Tiếng Anh: **English 3**
- Mã học phần: NNTA2103
- Số tín chỉ: 02
- **Đối tượng học: Hệ đại học, các ngành.**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 05 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 11 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận: 12 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức ngôn ngữ

- * *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.
- * *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.
- * *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

Về các kỹ năng ngôn ngữ

**** Kỹ năng đọc:***

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.
- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.
- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

**** Kỹ năng nói:***

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.
- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể có thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

**** Kỹ năng viết***

- Viết về một chủ đề với những gợi ý
- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ
- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

**** Kỹ năng nghe***

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

**** Các nhóm kỹ năng khác***

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.
- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.

- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, Pearson Longman

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.

2. Alireza Memarzadeh(2007),*IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.

3. Esol examinations (2013),*Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input checked="" type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.84-85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i>						-Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc... -Từ vựng: Hiện đại và truyền

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
						thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	
- Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khoẻ và tai nạn
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
-Đọc: <i>The World's Most Popular</i> (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huống nhất định) (p.112)						-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày, các cấu trúc câu dung để đưa ra lời gợi ý -Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121) 						<ul style="list-style-type: none"> - củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> - Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P. 125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý. 						<ul style="list-style-type: none"> - Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

10. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Toán cao cấp.**
 - Tiếng Anh: **Advanced Mathematics for Economics.**
- Mã học phần: KDTO2108
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistic và Quản trị chuỗi cung.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - Bài tập: 18 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương.

11. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất

động sản, quản trị du lịch, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.

- Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

12. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.
- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.
- Các kiến thức về hàm số một biến số.
- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về phương trình vi phân.

13. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2018, *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

14. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

15. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến; tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; hoàn thành các qui định đúng thời hạn, chuẩn bị chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet),...
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

16. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

17. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi¹:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

18. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC	5	3		8	16	
1.1. Ma trận <i>1.1.1. Các định nghĩa</i> <i>1.1.2. Các phép toán đối với ma trận</i> <i>1.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp đối với ma trận. Hạng của ma trận</i>	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận.
1.2. Định thức của ma trận vuông. <i>1.2.1. Khái niệm định thức của ma trận</i> <i>1.2.2. Các tính chất của định thức</i>	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về định thức.
1.3. Ma trận nghịch đảo	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe

1.3.1. Khái niệm và cách tính ma trận nghịch đảo						giảng và làm bài tập về ma trận nghịch đảo.
1.3.2. Tính chất của ma trận nghịch đảo						
CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH	5	2		7	14	
2.1. Định nghĩa	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình tuyến tính.
2.2. Hệ phương trình Cramer	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ Cramer.
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	2	1		3	6	Giải thành thạo hệ phương trình tổng quát
2.4. Hệ phương trình thuần nhất	1	1		2	4	Khắc sâu hệ thuần nhất
CHƯƠNG 3. HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ	5	5	1	12	23	
3.1. Các hàm số lượng giác ngược	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các hàm số lượng giác ngược
3.2. Quy tắc Lôpitan	1	1		2	4	Nắm được Quy tắc Lôpitan và vận dụng được vào việc giải bài tập
3.3. Tích phân suy rộng	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng tích phân suy rộng
3.4. Chuỗi số	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi số
3.5. Chuỗi hàm	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về

						chuỗi hàm
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
4.1. Các khái niệm cơ bản	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các khái niệm của hàm số nhiều biến số
4.2. Giới hạn và tính liên tục	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về giới hạn và tính liên tục.
4.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng và vi phân toàn phần.
CHƯƠNG 5. CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
5.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị không có điều kiện ràng buộc
5.2. Cực trị có điều kiện ràng buộc	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị có điều kiện ràng buộc
CHƯƠNG 6. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN	4	4	1	8	17	
6.1. Phương trình vi phân cấp 1	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 1
6.2. Phương trình vi phân cấp 2	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 2
Kiểm tra			1	1	2	

Cộng	25	18	2	45	90	
-------------	-----------	-----------	----------	-----------	-----------	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

– Tên học phần:

Tiếng Việt: **Tin học đại cương**

• Tiếng Anh: **General Informatics**

– Mã học phần: CTKH2151

– Số tín chỉ: 02

– Đối tượng học: Hệ đại học, năm thứ nhất, ngành: Không chuyên công nghệ thông tin.

– Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

– Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp

– Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết

▪ Thực hành trên lớp: 9 tiết

▪ Kiểm tra : 2 tiết

▪ Tự học: 60 giờ

– Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được những kiến thức chung về công nghệ thông tin, áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính, Internet.
- *Về kỹ năng*: Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông tin như: mạng máy tính, hệ điều hành và các ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,...
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Sách, giáo trình chính

1. Phạm Thị Anh Lê (2014), *Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
2. Phạm Quang Huy (2019), *Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu*, Nhà xuất bản Thanh niên.
3. Phạm Quang Hiến (2019), Phạm Phương Hoa, *Giáo trình thực hành Excel*, Nhà xuất bản Thanh niên.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Phạm Quang Dũng (2015), *Giáo trình Tin học đại cương*, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
2. Lê Lan Anh (2009), *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Nhiều tác giả (2012), *Tự học Windows 7*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, dạy học thực hành, đàm thoại và tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1				1	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC [1], TLĐT [1] - SV chuẩn bị các kiến thức cơ bản để nhận biết các thiết bị của máy tính.
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0.5				0.5	1	
1.4. Virus tin học và cách phòng chống	0.5				1.5	3	
1.5. Mạng máy tính và Internet				1			

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin							
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung	1				1	2	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC [1], TLĐT [1] - SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows
2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành							
2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành							
2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành							
2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến							
2.2. Hệ điều hành Windows	1			1	2	4	
2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows							
2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục							
2.2.3. Quản lý đĩa từ							
2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)							
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc	0.5				0.5	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.2. Các thao tác cơ bản							
3.3. Thực hiện định dạng văn bản	2			1	3	6	
3.3.1. Định dạng ký tự (Font)							
3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph)							
3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn							
3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering)							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.3.5. Chia cột văn bản (Columns) 3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap) 3.3.7. Định dạng Tab							
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản 3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol) 3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art) 3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh 3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học (Equation)	1.5			1	2.5	5	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng 3.5.3. Tính toán trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động	0.5			0.5	1	2	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.6.6. Trộn thư							
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu 4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một Worksheet 4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử	0.5				0.5	1	
4.2. Các thao tác cơ bản	0.5			0.5	1	2	
4.2.1. Xử lý trên vùng 4.2.2. Thao tác trên cột và dòng 4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin 4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel							
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel	3			1.5	4.5	9	- Đọc TLC [3], TLĐT [3] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
4.3.1. Cách sao chép công thức							
4.3.2. Cú pháp chung của hàm							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.3.3. Cách sử dụng các hàm 4.3.4. Các hàm thông dụng							
4.4. Cơ sở dữ liệu 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu 4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu	1			0.5	1.5	3	
4.5. Biểu đồ trong Excel 4.5.1. Các thành phần của biểu đồ 4.5.2. Các bước dựng biểu đồ 4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ	0.5			0.5	1	2	
4.6. In ấn 4.6.1. Định dạng trang in 4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn							- Đọc TLC [1] - SV thao tác
	0.5				0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	KT	T H	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							trên máy theo hướng dẫn của GV
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng 5.4.1. Cửa sổ trong các Slide	1.5			0.5	2	4	
5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình							
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0.5				0.5	1	
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô**

▪ Tiếng Anh: **Microeconomics**

- Mã học phần: KTKH2301
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
 - Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.

+ Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic

+ Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh

+ Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

+ Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Đình, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), GT Kinh tế vi mô, Nhà xuất bản xây dựng.

2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), *GT Nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2013), *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Dần (2011), *Kinh tế vi mô 1*, NXB Tài chính.
5. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (2015), *Kinh tế học vi mô*, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Đinh Phi Hồ (2013), *Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2008), *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Vũ Kim Dũng và Đinh Thiện Đức (2010), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB văn hóa thông tin.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục.
4. Viện Đại học Mở HN (2009), *GT Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.
5. Robert C. Guell, dịch giả: Nguyễn Văn Dung (2009), *Kinh tế vi mô*, NXB Đồng Nai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Tập trung nghe giảng và tham gia các hoạt động trên lớp;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết để làm bài tập;
- Làm tất cả các bài kiểm tra.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỌC	3,5			3,5	7	
1.1. Khái niệm về kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Phân loại kinh tế học <i>1.2.1. Phân loại kinh tế học theo cách thức nghiên cứu</i> <i>1.2.2. Phân loại kinh tế học theo phạm vi nghiên cứu</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Mười nguyên lý của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất <i>1.5.1. Chi phí cơ hội</i> <i>1.5.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.6. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CẦU - CUNG HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	8	2,5		10,5	21	
2.1. Thị trường <i>2.1.1. Khái niệm</i> <i>2.1.2. Phân loại thị trường</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Cầu 2.2.1. Một số khái niệm 2.2.2. Luật cầu 2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu 2.2.4. Hàm số cầu và đường cầu 2.2.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Cung 2.3.1. Một số khái niệm 2.3.2. Luật cung 2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung 2.3.4. Hàm số cung và đường cung 2.3.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.4. Trạng thái thị trường 2.4.1. Trạng thái cân bằng và sự thay đổi của trạng thái cân bằng 2.4.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.5. Hệ số co giãn 2.5.1. Hệ số co giãn của cầu 2.5.2. Hệ số co giãn của cung theo giá	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2; Làm bài tập chương 2
2.6. Một số ứng dụng lý thuyết cung cầu trong việc hoạch định chính sách	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
của chính phủ 2.6.1. Chính sách thuế và trợ cấp 2.6.2. Chính sách kiểm soát giá						Làm bài tập chương 2
Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	4	2	1,5	7,5	15	
3.1. Lợi ích 3.1.1. Một số khái niệm 3.1.2. Thặng dư tiêu dùng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
3.2. Đường bàng quan 3.2.1. Khái niệm về đường bàng quan 3.2.2. Tỷ lệ thay thế biên 3.2.3. Mối quan hệ giữa lợi ích biên và tỷ lệ thay thế biên 3.2.4. Đường bàng quan với các sở thích khác nhau	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4
3.3. Đường ngân sách 3.3.1. Khái niệm về đường ngân sách 3.3.2. Tác động của sự thay đổi về thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.4. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng 3.4.1. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp hình học 3.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp số nhân Lagrange 3.4.3. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp trực quan	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.5. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.1. Ảnh hưởng của thu nhập đến sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.5.2. Ảnh hưởng của giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng	0,5	0,5	0,5	1,5	3	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
3.6. Đường cầu thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NHÀ SẢN XUẤT	6,5	2,5		9	18	
4.1. Lý thuyết sản xuất 4.1.1. Sản xuất và hàm sản xuất 4.1.2. Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi 4.1.3. Sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất 4.2.1. Chi phí kinh tế và chi phí kế toán 4.2.2. Chi phí ngắn hạn 4.2.3. Chi phí dài hạn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.3. Lý thuyết lợi nhuận 4.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định lợi nhuận 4.3.2. Doanh thu biên, chi phí biên và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận tổng quát	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4. Tối đa hóa doanh thu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 5, chương 5; Làm bài tập chương 4
4.5. Thặng dư sản xuất 4.5.1. Khái niệm và phương pháp xác định thặng dư sản xuất 4.5.2. Mối quan hệ giữa thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và hiệu quả xã hội	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 4
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	4	1		5	10	
5.1. Khái niệm thị trường cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.3. Quyết định cung của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.3.1. Đường cung ngắn hạn 5.3.2. Đường cung dài hạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4. Đường cung của ngành 5.4.1. Đường cung ngắn hạn của ngành 5.4.2. Đường cung dài hạn của ngành	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
5.5. Cân bằng dài hạn của ngành cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	5	1	0,5	6,5	13	
6.1. Thị trường độc quyền 6.1.1. Khái niệm thị trường độc quyền 6.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của nhà độc quyền 6.1.3. Các cách định giá của nhà độc quyền 6.1.4. Sức mạnh độc quyền và vấn đề phân bổ tài nguyên 6.1.5. Chính sách hạn chế độc quyền	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6 Làm bài tập chương 6
6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Cân bằng trong ngắn hạn và dài hạn 6.2.3. Cạnh tranh độc quyền và hiệu quả kinh tế	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
6.3. Độc quyền tập đoàn 6.3.1. Cân bằng trong thị trường độc quyền tập đoàn 6.3.2. Lý thuyết trò chơi	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
Chương 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	2		0	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1. Những thất bại của kinh tế thị trường <i>7.1.1. Cạnh tranh không hoàn hảo</i> <i>7.1.2. Ngoại ứng</i> <i>7.1.3. Hàng hóa công cộng</i> <i>7.1.4. Bất bình đẳng về kinh tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
7.2. Vai trò của chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33	09	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô**
 - Tiếng Anh: **Macroeconomic**
- Mã học phần: KTKH2302
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31,5 tiết
 - Bài tập: 11,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi học nghiên cứu học phần Kinh tế vĩ mô, sinh viên phải hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô. Cụ thể, trình bày được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Giải thích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. Áp dụng các công thức để tính toán trong những tình huống cụ thể.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp và định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Vận dụng và lý giải được các vấn đề của nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn hiện nay.

+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá, nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế,

hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên, Tống Thị Thu Hòa (2018), *GT Kinh tế vĩ mô*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Văn Công (2008), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục
3. Nguyễn Văn Ngọc (2013), *Bài giảng Kinh tế vĩ mô*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục;
2. Nguyễn Văn Dân (2008), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính;
3. Tổng cục thống kê (2017), Công văn số 325/TCTK-TKQG V/v biên soạn số liệu GDP.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;
- Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;
- Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN	6,5	2,5		9	18	
1.1. Kinh tế vĩ mô là gì ?	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.4. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.5. Mối quan hệ giữa GDP, GNP, NNP, NI, Yd	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.6. GDP và phúc lợi kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
1.7. Chỉ số giá hàng tiêu dùng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, phần 2; Làm bài tập chương 1
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	4	0,5		4,5	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Làm bài tập chương 2
2.2. Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế dài hạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.4. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG	3			3	6	
3.1. Tổng cầu của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.2. Tổng cung của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6;
3.4. Biến động kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	4	4		8	16	
4.1. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu theo cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu <i>4.1.1. Cách tiếp cận thu</i>	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 7; Làm bài tập chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nhập – chi tiêu</i>						4
4.1.2. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn	1,5			1,5	3	
4.1.3. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế đóng	0,5	1		1,5	3	
4.1.4. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở	0,5	1		1,5	3	
	0,5	1		1,5	3	
4.2. Chính sách tài khoá	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7;
Chương 5. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4	3		7	14	
5.1. Khái niệm, chức năng và phân loại tiền	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;
5.2. Hệ thống ngân hàng	0,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Cung tiền	1	1,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.4. Cầu tiền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8;
5.5. Cân bằng thị trường tiền tệ	0,5	1		1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.6. Chính sách tiền tệ	0,5	0,5		0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, phần 3
5.7. Sự tương tác giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6	1,5		7,5	15	
6.1. Lạm phát	2,5	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 9; Làm bài tập chương 6
6.1.1. Khái niệm và đo lường lạm phát	0,5	1		1	2	
6.1.2. Phân loại lạm phát	0,5			0,5	1	
6.1.3. Nguyên nhân gây ra lạm phát	1			1	2	
6.1.4. Tác động của lạm phát	0,5			0,5	1	
6.2. Thất nghiệp	2,5	0,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 6
6.2.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp	0,5	0,5		1	2	
6.2.2. Phân loại thất nghiệp	1,5			1,5	3	
6.2.3. Tác động của thất nghiệp	0,5			0,5	1	
6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	1			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	4			4	8	
7.1. Cán cân thanh toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.2. Tỷ giá hối đoái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10;
7.4. Tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.5. Các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, phần 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31,5	11,5	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý thống kê kinh tế**
 - Tiếng Anh: **Principles of Statistics**
- Mã học phần: KTPT2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 70 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu những kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Trình bày và hiểu được quá trình thu thập dữ liệu thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê; có khả năng vận dụng phân tích, đánh giá các hiện tượng, quá trình kinh tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc vận dụng những kiến thức đã học tính toán, phân tích các thông tin kinh tế đơn giản tại doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế được phân bổ thành 5 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê.

Chương 2. Thu thập dữ liệu thống kê: giới thiệu những kiến thức về dữ liệu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập dữ liệu thống kê, phương pháp chọn mẫu.

Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện điển hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng.

Chương 5. Dự báo thống kê: giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và phương pháp chỉ số trong phân tích sự biến động của các hiện tượng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), *Giáo trình Thống kê kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

(2) Trần Thị Kim Thu, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, *Giáo trình Lý thuyết thống kê* (2016), NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

(3) Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê,

(2) Chu Văn Tuấn, Phạm Thị Kim Vân (2008), *Lý thuyết thống kê và phân tích dữ báo*, NXB Tài chính.

(3) Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2009), *Bài tập & Bài giải Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê...

(4) Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	3			3	8	
<p>1.1 Khái niệm về thống kê</p> <p><i>1.1.1 Định nghĩa về thống kê</i></p> <p><i>1.1.2 Nhiệm vụ của thống kê</i></p> <p>1.2 Giới thiệu về học phần nguyên lý thống kê</p> <p><i>1.2.1 Khái niệm về nguyên lý thống kê</i></p> <p><i>1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê</i></p> <p><i>1.2.3 Phương pháp nghiên cứu của nguyên lý thống kê</i></p>	1			1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 1</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>
<p>1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê</p> <p><i>1.3.1 Tổng thể thống kê, đơn vị tổng thể, mẫu, đơn vị mẫu, quan sát</i></p> <p><i>1.3.2 Tiêu thức thống kê, lượng biến, tần số, tần suất</i></p> <p><i>1.3.3 Chỉ tiêu thống kê</i></p> <p><i>1.3.4 Các loại thang đo</i></p>	1			1	3	<p>Đọc TLC 1, chương 1</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>
<p>1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê</p> <p><i>1.4.1 Điều tra thống kê</i></p> <p><i>1.4.2 Xử lý và tổng hợp thống kê</i></p>	1			1	3	<p>Đọc TLC 1, chương 1</p> <p>Đọc TLC 2, chương</p>

<p><i>1.4.3 Phân tích và dự đoán thống kê</i></p> <p>1.5 Một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê</p> <p><i>1.5.1 Phần mềm SAS</i></p> <p><i>1.5.2 Phần mềm STATA</i></p> <p><i>1.5.3 Phần mềm Microsoft Excel</i></p> <p><i>1.5.4 Phần mềm SPSS</i></p>						1
CHƯƠNG 2. THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	1		4	10	
<p>2.1 Khái niệm về dữ liệu thống kê</p> <p><i>2.1.1 Định nghĩa về dữ liệu thống kê</i></p> <p><i>2.1.2 Phân loại dữ liệu thống kê</i></p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 2
<p>2.2 Thu thập dữ liệu thống kê</p> <p><i>2.2.1 Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê</i></p> <p><i>2.2.2 Hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thống kê</i></p> <p><i>2.2.3 Phương pháp thu thập dữ liệu thống kê</i></p> <p><i>2.2.4 Sai số trong thu thập dữ liệu thống kê</i></p>	1	0,5		1,5	5	Đọc TLC 2, chương 2
<p>2.3 Phương pháp chọn mẫu</p> <p><i>2.3.1 Khái niệm về chọn mẫu</i></p> <p><i>2.3.2 Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên</i></p> <p><i>2.3.3 Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên</i></p> <p><i>2.3.4 Phương pháp tổ chức điều tra chọn mẫu</i></p> <p><i>2.3.5 Sai số trong điều tra chọn mẫu</i></p>	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 2, chương 2, 5

CHƯƠNG 3. TỔNG HỢP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ	3	2		5	10	
3.1 Phân tổ thống kê <i>3.1.1 Khái niệm về phân tổ thống kê</i> <i>3.1.2 Tiêu thức phân tổ thống kê</i> <i>3.1.3 Các phương pháp phân tổ thống kê</i>	1	1		2	2	Đọc TLC 2, chương 3
3.2 Bảng thống kê <i>3.2.1 Khái niệm về bảng thống kê</i> <i>3.2.2 Phân loại bảng thống kê</i> <i>3.2.3 Yêu cầu và quy ước xây dựng bảng thống kê</i> <i>3.2.4 Thao tác trình bày bảng thống kê trên SPSS</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
3.3 Đồ thị thống kê <i>3.3.1 Khái niệm về đồ thị thống kê</i> <i>3.3.2 Phân loại đồ thị thống kê</i> <i>3.3.3 Yêu cầu khi xây dựng đồ thị thống kê</i> <i>3.3.4 Thao tác vẽ đồ thị thống kê trên SPSS</i>	1			1	4	Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG	5	3		8	20	
4.1 Các chỉ tiêu so sánh <i>4.1.1 Số tuyệt đối</i> <i>4.1.2 Số tương đối</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4
4.2 Các chỉ tiêu thể hiện điển hình <i>4.2.1 Số bình quân cộng</i> <i>4.2.2 Số bình quân nhân</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 4

4.2.3 Trung vị						
4.2.4 Mốt						
4.3 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân						
4.3.1 Khoảng biến thiên						
4.3.2 Độ lệch tuyệt đối bình quân	1,5	1		2,5	7	Đọc TLC 2, chương 4
4.3.3 Phương sai						
4.3.4 Độ lệch chuẩn						
4.3.5 Hệ số biến thiên						
4.4 Thao tác tính toán một số chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng trên SPSS						
4.4.1 Mô tả dữ liệu <i>Frequencies</i>	0,5	0		0,5	3	Đọc TLC 3, chương 3
4.4.2 Mô tả dữ liệu <i>Descriptives</i>						
CHƯƠNG 5. DỰ BÁO THỐNG KÊ	5	3		8	22	
5.1 Phân tích dãy số thời gian và dự báo						
5.1.1 Khái niệm và phân loại dãy số thời gian						
5.1.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian	2	1,5		3,5	11	Đọc TLC 2, chương 13
5.1.3 Một số mô hình dự báo theo dãy số thời gian						
5.2 Phương pháp chỉ số						
5.2.1 Khái niệm và phân loại chỉ số						
5.2.2 Chỉ số cá thể	3	1,5		4,5	11	Đọc TLC 2, chương 14
5.2.3 Chỉ số tổng hợp						
5.2.4 Một số chỉ số thường gặp trong thực tế						
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	19	9	2	30	70	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**
 - Tiếng Anh: **Accounting Theory**
- Mã học phần: KTKE2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng về nhận thức:* Nắm được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

+ *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.

+ *Kỹ năng tư duy:* Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- *Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:*

+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán.
- Tổ chức bộ máy kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018) *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ tài chính, *Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC*

2. Phan Đức Dũng (2012), *Bài tập và Bài giải Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội

3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thi Hồng Vân (2014), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 1
1.1. Khái niệm và phân loại kế toán 1.1.1 Khái niệm kế toán 1.1.2 Phân loại kế toán						
1.2 Ý nghĩa, yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán trong đơn vị 1.2.1. Ý nghĩa và vị trí của thông tin kế toán trong đơn vị 1.2.2. Yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán trong đơn vị						
1.3. Nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị						
1.4. Các nguyên tắc và khái niệm chung được thừa nhận 1.4.1. Các khái niệm và giả định kế toán 1.4.2. Các nguyên tắc kế toán						Đọc TLC (1) Chương 1
1.5. Đối tượng nghiên cứu của kế toán 1.5.1. Khái quát chung về đối tượng của kế toán 1.5.2. Tài sản và nguồn vốn của đơn vị 1.5.3. Tuần hoàn vốn trong kinh doanh						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.6. Hệ thống phương pháp kế toán 1.6.1. Phương pháp chứng từ kế toán 1.6.2. Phương pháp tính giá 1.6.3. Phương pháp đối ứng tài khoản kế toán 1.6.4. Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán						
1.7. Chu trình kế toán trong đơn vị						
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 2
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp chứng từ kế toán						
2.2. Hệ thống bản chứng từ kế toán 2.2.1. Khái niệm chứng từ kế toán 2.2.2. Các yếu tố của chứng từ kế toán 2.2.3. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng hệ thống bản chứng từ 2.2.4 Phân loại chứng từ kế toán 2.2.4.1. Phân loại theo nghiệp vụ kinh tế phản ánh trên chứng từ 2.2.4.2. Phân loại theo công dụng của chứng từ 2.2.4.3. Phân loại theo thời điểm lập chứng từ 2.2.4.4. Phân loại theo địa điểm lập chứng từ 2.2.4.5. Phân loại theo tính cấp bách của thông tin phản ánh trên chứng từ						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán						
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	3	2		5	10	Đọc TLC (1) Chương 3
3.1. Khái niệm và vai trò của phương pháp tính giá 3.1.1. Khái niệm phương pháp tính giá 3.1.2. Vai trò của phương pháp tính giá						
3.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp tính giá 3.2.1. Yêu cầu của phương pháp tính giá 3.2.2. Nguyên tắc của phương pháp tính giá						
3.3. Nội dung và trình tự tính giá tài sản mua vào 3.3.1. Nội dung tính giá tài sản mua vào 3.3.2. Trình tự tính giá tài sản mua vào						
3.4. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 3.4.1. Nội dung tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 3.4.2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
vụ sản xuất						
<p>3.5. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất kho sử dụng cho sản xuất – kinh doanh</p> <p>3.5.1. Nội dung tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất</p> <p>3.5.2. Trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất kho sử dụng cho sản xuất – kinh doanh.</p>						
<p>CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN</p> <p>4.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản</p> <p>4.1.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản</p> <p>4.1.2. Vị trí và tác dụng của phương pháp đối ứng tài khoản</p>	4	1		5	10	Đọc TLC (1) Chương 4
<p>4.2. Tài khoản kế toán</p> <p>4.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về nội dung, kết cấu tài khoản</p> <p>4.2.2. Kết cấu các tài khoản kế toán cơ bản</p> <p>4.2.3. Chức năng của tài khoản kế toán</p>						
<p>4.3. Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép</p> <p>4.3.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản</p>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.2. Phương pháp ghi sổ kép						
4.4. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích						
4.4.1. Tài khoản tổng hợp						
4.4.2. Tài khoản phân tích						
4.5 Hệ thống tài khoản kế toán						
4.5.1. Đặc trưng cơ bản của hệ thống tài khoản kế toán						
4.5.2. Đánh số hiệu và tên gọi các tài khoản						
4.5.3. Mô hình sắp xếp tài khoản kế toán						
4.5.2. Phân loại tài khoản kế toán						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP – CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 5
5.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán						
5.1.1. Khái niệm và cơ sở hình thành phương pháp tổng hợp cân đối kế toán						
5.1.2. Ý nghĩa, tác dụng của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán 5.2.1. Bảng cân đối kế toán 5.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 5.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 5.2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính 5.2.5. Các Báo cáo kế toán khác						
CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU	8	4		12	24	Đọc TLC (1) Chương 6
6.1. Khái quát về quá trình kinh doanh trong các đơn vị và nhiệm vụ của kế toán 6.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh trong các đơn vị 6.1.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình kinh doanh						
6.2 Kế toán quá trình mua hàng 6.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.2.2. Phương pháp kế toán quá trình mua hàng						
6.3. Kế toán quá trình sản xuất 6.3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.3.2. Phương pháp kế toán quá trình sản xuất						
6.4. Kế toán quá trình tiêu thụ 6.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.4.2. Phương pháp kế toán tiêu thụ						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ 6.4.3. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong các đơn vị						
CHƯƠNG 7: SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN	2	1		3	6	Đọc TLC (1) Chương 7
7.1. Sổ kế toán 7.1.1. Khái niệm sổ kế toán 7.1.2. Các loại sổ kế toán 7.1.3. Các quy tắc về sổ kế toán						
7.2. Hình thức ghi sổ kế toán 7.2.1. Khái niệm hình thức ghi sổ kế toán 7.2.2. Các hình thức ghi sổ kế toán						
CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TRONG ĐƠN VỊ	2	1		3	6	Đọc TLC (1) Chương 8
8.1. Ý nghĩa và nội dung của tổ chức bộ máy kế toán 8.1.1. Ý nghĩa tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị 8.1.2. Nội dung tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị						
8.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị 8.2.1. Các Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị 8.2.2. Nhiệm vụ kế toán các phần						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hành chủ yếu trong đơn vị						
CHƯƠNG 9: ỨNG DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN	2	1		3	6	Đọc TLC (1) Chương 9
9.1 Tổng quan về phần mềm kế toán						
9.1.1 Khái niệm và vai trò của phần mềm kế toán						
9.1.2 Các điều kiện tiêu chuẩn của phần mềm kế toán						
9.1.3 Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán						
9.2 Lựa chọn phần mềm kế toán						
9.2.1 Tiêu chuẩn lựa chọn phần mềm kế toán						
9.2.2 Thực hành trên phần mềm kế toán						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị học**
 - Tiếng Anh: **Management**
- Mã học phần: KTQU2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hải Hà (2015), *Giáo trình Quản lý học*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Trần Anh Tài (2009), *Giáo trình quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Võ Phước Tâm, Nguyễn Thị Nhung (2008), *Giáo trình quản trị học*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUẢN TRỊ	3			3	6	
1.1. Bản chất của quản trị <i>1.1.1. Khái niệm quản trị</i> <i>1.1.2. Vai trò của quản trị</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
1.2. Chức năng của quản trị	0,5			0,5	1	
1.3. Quản trị là khoa học, là một nghệ thuật và là một nghề	0,5			0,5	1	
1.4. Quản trị theo mục tiêu <i>1.4.1. Khái niệm quản trị theo mục tiêu</i> <i>1.4.2. Vai trò của quản trị theo mục tiêu</i> <i>1.4.3. Quá trình quản trị theo</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>mục tiêu</i>						
1.5. Nhà quản trị <i>1.5.1. Khái niệm nhà quản trị</i> <i>1.5.2. Vai trò của nhà quản trị</i> <i>1.5.3. Cấp bậc của quản trị</i> <i>1.5.4. Các kỹ năng và năng lực cần thiết của nhà quản trị</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
Chương 2. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
2.1. Trường phái quản trị cổ điển <i>2.1.1. Trường phái quản trị kiểu thư lại</i> <i>2.1.2. Trường phái quản trị khoa học</i> <i>2.1.3. Trường phái quản trị hành chính</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
2.2. Trường phái quản trị hành vi <i>2.2.1. Tư tưởng quản trị của Mary Parker</i> <i>2.2.2. Lý thuyết về bản chất con người của Douglas Mc Gregor</i> <i>2.2.3. Học thuyết của Elton Mayo</i> <i>2.2.4. Lý thuyết về hệ thống nhu cầu con người của Maslow</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
2.3. Trường phái định lượng trong quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Học thuyết quản trị hiện đại 2.4.1. Trường phái “Quá trình Quản trị” 2.4.2. Thuyết Z 2.4.3. Những khuynh hướng hiện đại về quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
Chương 3. MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3
3.1. Khái niệm môi trường quản trị 3.2. Phân loại môi trường quản trị	0,5			0,5	1	
3.3. Ảnh hưởng của môi trường quản trị đối với hoạt động của tổ chức 3.3.1. Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hoạt động của tổ chức 3.3.2. Ảnh hưởng của môi trường vi mô đến hoạt động của tổ chức	2	1		3	6	
Chương 4. THÔNG TIN QUẢN TRỊ	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4, TLC 2, chương 5
4.1. Khái niệm và vai trò của thông tin quản trị 4.1.1. Khái niệm thông tin quản trị 4.1.2. Vai trò của thông tin quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5
4.2. Phân loại thông tin quản trị	0,5			0,5	1	
4.3. Nội dung và chất lượng của	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thông tin quản trị <i>4.3.1. Nội dung thông tin quản trị</i> <i>4.3.2. Chất lượng của thông tin quản trị</i>						4 TLC 2, chương 5
4.4. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin và phổ biến thông tin <i>4.4.1. Phương pháp thu thập</i> <i>4.4.2. Phương pháp xử lý thông tin</i> <i>4.4.3. Phương pháp phổ biến thông tin</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
5.1. Khái niệm, vai trò của quyết định quản trị <i>5.1.1. Khái niệm quyết định và ra quyết định</i> <i>5.1.2. Vai trò của ra quyết định</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc ra quyết định <i>5.2.1. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định</i> <i>5.2.2. Nguyên tắc của việc ra quyết định</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5
5.3. Nội dung và hình thức ra quyết định <i>5.3.1. Nội dung của việc ra quyết định</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>5.3.2. Hình thức của việc ra quyết định</i>						
5.4. Quá trình ra quyết định <i>5.4.1. Quá trình ra quyết định</i> <i>5.4.2. Quá trình thực hiện quyết định</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 6. HOẠCH ĐỊNH	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6
6.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định <i>6.1.1. Khái niệm hoạch định</i> <i>6.1.2. Vai trò của hoạch định</i>	0,5	0,5		1	2	
6.2. Phân loại hoạch định <i>6.2.1. Hoạch định chiến lược</i> <i>6.2.2. Hoạch định chiến thuật</i> <i>6.2.3. Hoạch định tác nghiệp</i>	0,5	0,5		1	2	
6.3. Quy trình hoạch định	1	1		2	4	
Chương 7. TỔ CHỨC	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 7
7.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức <i>7.1.1. Khái niệm tổ chức</i> <i>7.1.2. Vai trò tổ chức</i>	0,5			0,5	1	
7.2. Cơ cấu tổ chức <i>7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của cơ cấu tổ chức</i> <i>7.2.2. Các nguyên tắc của cơ cấu tổ chức</i> <i>7.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng</i>	0,5	1		1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>đến cơ cấu tổ chức</p> <p>7.2.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức</p>						
<p>7.3. Phân quyền trong quản trị</p> <p>7.3.1. Quyền hạn và một số khái niệm liên quan</p> <p>7.3.2. Quá trình ủy quyền</p>	0,5			0,5	1	
<p>7.4. Tầm hạn quản trị</p> <p>7.4.1. Khái niệm tầm hạn quản trị</p> <p>7.4.2. Phân loại</p> <p>7.4.3. Các yếu tố quyết định tầm hạn quản trị</p> <p>7.5. Hệ thống tổ chức không chính thức</p> <p>7.5.1. Khái niệm hệ thống tổ chức không chính thức</p> <p>7.5.2. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống tổ chức không chính thức</p> <p>7.5.3. Những vấn đề cần lưu ý của hệ thống tổ chức không chính thức</p>	0,5	0,5		1	2	
Chương 8. LÃNH ĐẠO	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 8
<p>8.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo</p> <p>8.1.1. Khái niệm lãnh đạo</p> <p>8.1.2. Vai trò của lãnh đạo</p>	0,5			0,5	1	
8.2. Các phong cách lãnh đạo	1	0,5		1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>8.2.1. Phong cách lãnh đạo dựa trên quan điểm sử dụng quyền lực</p> <p>8.2.2. Phong cách lãnh đạo dựa trên tiêu chí mức độ tham gia của người dưới quyền</p>						
<p>8.3. Động cơ thúc đẩy</p> <p>8.3.1. Khái niệm của động cơ thúc đẩy</p> <p>8.3.2. Các học thuyết và động cơ thúc đẩy</p> <p>8.3.3. Hành vi cá nhân và hành vi nhóm</p> <p>8.4. Các phương pháp lãnh đạo</p> <p>8.4.1. Phương pháp giáo dục</p> <p>8.4.2. Các phương pháp hành chính</p> <p>8.4.3. Các phương pháp kinh tế</p> <p>8.4.4. Các phương pháp lãnh đạo khác</p>	0,5	1		1,5	3	
Chương 9. KIỂM TRA	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 9
<p>9.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra trong quản trị</p> <p>9.1.1. Khái niệm kiểm tra trong quản trị</p> <p>9.1.2. Vai trò của kiểm tra trong quản trị</p>	0,5			0,5	1	
<p>9.2. Phân loại kiểm tra</p> <p>9.2.1. Căn cứ theo quá trình hoạt động</p> <p>9.2.2. Căn cứ theo tần suất</p>	0,25			0,25	0,5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>9.2.3. Căn cứ theo mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng</i>						
9.3. Tiến trình kiểm tra <i>9.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn</i> <i>9.3.2. Đo lường và thực hiện</i> <i>9.3.3. Điều chỉnh các hoạt động</i>	0,5	1		1,5	3	
9.4. Các nguyên tắc và phương pháp kiểm tra <i>9.4.1 Các nguyên tắc kiểm tra</i> <i>9.4.2 Các phương pháp kiểm tra</i>	0,25	0,5		0,75	1,5	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	19	9	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Research Methods in Management and Business**
- Mã học phần: KTPT2304
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế vĩ mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - Bài tập: 4,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 12,5 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 93 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Phân tích định lượng, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: nắm được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong nghiên cứu phục vụ phát triển, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và quy trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử

lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính.
3. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục
2. Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Lao động – xã hội
3. Nguyễn Văn Song (2012), *Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Đại học Nông nghiệp
4. Ethridge (2004), *Research Methodology in Applied Economics*, 2nd edition, Blackwell Publishing.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	5			5	12	
1.1 Nghiên cứu khoa học <i>1.1.1 Định nghĩa nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.2 Các nhân tố cấu thành hoạt động nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.3 Mức độ nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.4 Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.5 Các loại hình nghiên cứu khoa học</i>	2			2	6	Đọc TLC 1, chương 2; 3 Đọc TLC2, chương1 Đọc TLC3, chương1 Đọc TLĐT2, chương1
1.2 Nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh <i>1.2.1 Định nghĩa nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</i> <i>1.2.2 Phân loại nghiên cứu trong quản lý</i>	3			3	6	Đọc TLC2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,K T	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>và kinh doanh</p> <p>1. 2.3 Vai trò của nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</p> <p>1. 2.4 Quy trình nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</p>						
CHƯƠNG 2 XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU TRONG QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH	4		4	8	12	
<p>2.1 Khái niệm vấn đề nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</p> <p>2.1.1 Định nghĩa vấn đề nghiên cứu</p> <p>2.1.2 Một số vấn đề nghiên cứu thường gặp trong quản lý và kinh doanh</p>	2		2	4	5	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2
<p>2.2 Xác định vấn đề nghiên cứu</p> <p>2.2.1 Phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu</p> <p>2.2.2 Xây dựng cây vấn đề và cây mục tiêu</p> <p>2.2.3 Xác định vấn đề nghiên cứu ưu tiên</p>	2		2	4	7	Đọc TLC 2, chương 2 Đọc TLĐT 2, chương 2
CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	4	1, 5	3,5	9	19	
3.1 Khái niệm về thiết kế nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4
<p>3.2 Quy trình thiết kế nghiên cứu</p> <p>3.2.1 Đặt tên đề tài nghiên cứu</p> <p>3.2.2 Tổng quan vấn đề nghiên cứu</p>	2	1		4	10	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4 Đọc TLC3, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.2.3 Xác định phương pháp luận nghiên cứu</p> <p>3.2.4 Xây dựng khung logic nghiên cứu</p> <p>3.2.5 Xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu</p>			2			2; 3; 4; 9 Đọc TLĐT 2, chương 3
3.3 Thiết kế công cụ thu thập dữ liệu	1	0,5	0,5	2	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC3, chương 2; 3; 4; 9
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4 CHỌN MẪU VÀ TỔ CHỨC THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	3		4	7	12	
<p>4.1 Chọn mẫu nghiên cứu</p> <p>4.1.1 Lý do phải chọn mẫu với nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh</p> <p>4.1.2 Phương pháp chọn mẫu xác suất</p> <p>4.1.3 Phương pháp chọn mẫu phi xác suất</p> <p>4.1.4 Hạn chế của điều tra chọn mẫu</p>	2		3	5	8	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5 Đọc TLC3, chương 7 Đọc TLĐT 2, chương 4
<p>4.2 Tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu</p> <p>4.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp</p> <p>4.2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp</p>	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 5 XỬ LÝ, PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	7	1		8	23	
5.1 Phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu	3	1		3	9	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,K T	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.1.1 Khái niệm về xử lý dữ liệu</p> <p>5.1.2 Quy trình xử lý dữ liệu</p> <p>5.1.3 Một số phần mềm xử lý dữ liệu thông dụng trong quản lý và kinh doanh</p>						<p>Đọc TLC 2, chương 6</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 5</p>
<p>5.2 Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu</p> <p>5.2.1 Khái niệm về phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu</p> <p>5.2.2 Phương pháp phân tích định tính</p> <p>5.2.3 Phương pháp phân tích định lượng</p>	2,5			2,5	7	<p>Đọc TLC 1, chương 4</p> <p>Đọc TLC 2, chương 6</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 5</p>
<p>5.3 Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu</p> <p>5.3.1 Trình bày dạng văn viết</p> <p>5.3.2 Trình bày bảng</p> <p>5.3.3 Trình bày hình</p>	2,5			2,5	7	<p>Đọc TLC 1, chương 4</p> <p>Đọc TLC 2, chương 6</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 5</p>
CHƯƠNG 6 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU	3	2	3	8	15	
<p>6.1 Báo cáo nghiên cứu</p> <p>6.1.1 Khái niệm báo cáo nghiên cứu</p> <p>6.1.2 Nguyên tắc trình bày báo cáo nghiên cứu</p>	1			1	5	<p>Đọc TLC 1, chương 5</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 6</p>
<p>6.2 Đề cương nghiên cứu</p> <p>6.2.1 Mục đích của việc xây dựng đề cương nghiên cứu</p> <p>6.2.2 Cấu trúc của đề cương nghiên cứu</p>	1	1	1	3	5	<p>Đọc TLC 1, chương 5</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 6</p>
6.3 Báo cáo khoa học	1			3	5	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3.1 Cấu trúc của báo cáo khoa học 6.3.2 Định dạng báo cáo khoa học		1	1			Đọc TLC3, chương 10
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	26	4,5	14,5	45	93	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Tài chính – Tiền tệ**

Tiếng Anh: **Theory Of Money And Finance**

Mã học phần: KTTC2304

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

Bài tập: 03 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, ngân sách nhà nước. Khái quát được các

loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính, hệ thống ngân hàng và quan hệ thanh toán, tín dụng quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính; Phân tích các loại hình tổ chức trung gian, hoạt động tín dụng, hoạt động của thị trường tài chính; Xây dựng mối liên hệ giữa doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ. Từ đó đánh giá sự tác động của thị trường tài chính đối với nền kinh tế. Ngoài ra, người học vận dụng tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho các chủ thể trong nền kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về tài chính – tiền tệ. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Ngọc Dũng (2014), *Tài chính – Tiền tệ*, NXB Tài chính.
2. Lê Thị Mận (2014), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Lao động Xã hội.

3. Nguyễn Hữu Tài (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phan Thị Cúc (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

2. Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), *Giáo trình thị trường tài chính*, Tài chính.

3. Nguyễn Hòa Nhân, (2012), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.

4. Lê Văn Tề (2011), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

5. *Luật NSNN 2015*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	2			2	4	
1.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ <i>1.1.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ</i> <i>1.1.2. Bản chất của tiền tệ</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.2. Các chức năng của tiền tệ <i>1.2.1. Chức năng đơn vị định giá</i> <i>1.2.2. Chức năng phương tiện trao đổi</i> <i>1.2.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị</i>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.3. Các khối tiền tệ <i>1.3.1. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông</i> <i>1.3.2. Khối lượng tiền trong lưu thông</i>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.4. Cung và cầu tiền tệ <i>1.4.1. Cầu tiền tệ</i> <i>1.4.2. Cung tiền cho lưu thông</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 9;
1.5. Khái niệm và chức năng tài chính <i>1.5.1. Khái niệm tài chính</i> <i>1.5.2. Các chức năng của tài chính</i>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
1.6. Hệ thống tài chính <i>1.6.1. Khái niệm về hệ thống tài chính</i> <i>1.6.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính</i>						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1;
Chương 2. TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TÍN DỤNG	2	1		3	6	
2.1. Sự ra đời và phát triển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>của tín dụng</p> <p>2.1.1. Cơ sở ra đời của tín dụng</p> <p>2.1.2. Khái niệm tín dụng</p> <p>2.1.3. Sự phát triển của quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường</p> <p>2.1.4. Phân loại tín dụng</p>						2; Đọc TLC 2, chương 10;
<p>2.2. Các hình thức tín dụng</p> <p>2.2.1. Tín dụng thương mại</p> <p>2.2.2. Tín dụng Nhà nước</p> <p>2.2.3. Tín dụng ngân hàng</p>						Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
<p>2.3. Vai trò của tín dụng</p> <p>2.3.1. Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển</p> <p>2.3.2. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước</p> <p>2.3.3. Tín dụng góp phần quan trọng vào việc làm giảm thấp chi phí sản xuất và lưu thông</p> <p>2.3.4. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách xã hội và nâng cao đời sống dân cư</p>						Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
<p>2.4. Các chức năng của tín dụng</p> <p>2.4.1. Tập trung và phân phối lại tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc hoàn trả</p> <p>2.4.2. Kiểm soát các hoạt động kinh tế bằng tiền</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 10;
<p>2.5. Lãi suất tín dụng</p> <p>2.5.1. Khái niệm lợi tức tín dụng và lãi suất tín dụng</p>						Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5.2. Phân loại lãi suất tín dụng 2.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng						10;
Chương 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2			2	4	
3.1. Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Ngân sách Nhà nước 3.1.2. Vai trò của Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.2. Thu Ngân sách Nhà nước 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm thu Ngân sách Nhà nước 3.2.2. Nội dung thu Ngân sách Nhà nước						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.3. Chi Ngân sách Nhà nước 3.3.1 Khái niệm, đặc điểm chi Ngân sách Nhà nước 3.3.2 Nội dung chi Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.4. Cân đối ngân sách						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
3.5. Phân cấp quản lý ngân sách 3.5.1. Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách 3.5.2. Nội dung phân cấp quản lý ngân sách 3.5.3. Nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách						Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 3;
Chương 4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3	2	1	6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp <i>4.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp</i> <i>4.1.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.2. Cấu trúc tài chính của doanh nghiệp <i>4.2.1. Cấu trúc về vốn kinh doanh</i> <i>4.2.2. Cấu trúc về nguồn vốn kinh doanh</i>						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.3. Chi phí, doanh thu của doanh nghiệp <i>4.3.1. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm</i> <i>4.3.2. Doanh thu của doanh nghiệp</i>						Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
4.4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp <i>4.4.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp</i> <i>4.4.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 4;
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	3			3	6	
5.1. Sự hình thành thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 15;
5.2. Cấu trúc thị trường tài chính <i>5.2.1. Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu</i> <i>5.2.2. Thị trường sở cấp và thị trường thứ cấp</i>						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.3. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn 5.2.4. Thị trường tập trung và phi tập trung						
5.3. Công cụ của thị trường tài chính 5.3.1. Công cụ của thị trường tiền tệ 5.3.2. Công cụ của thị trường vốn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính 5.4.1. Nhà phát hành 5.4.2. Nhà đầu tư 5.4.3. Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ 5.4.4. Nhà quản lý thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
5.5. Chức năng, vai trò của thị trường tài chính 5.5.1. Chức năng của thị trường tài chính 5.5.2. Vai trò của thị trường tài chính						Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 5;
Chương 6. CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRUNG GIAN	2			2	4	
6.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian 6.1.2. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian 6.1.3. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 6;
6.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.1. Các tổ chức nhận tiền gửi 6.2.2. Các công ty tài chính 6.2.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng 6.2.4. Các trung gian đầu tư						Đọc TLC 3, chương 6;
Chương 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	2			2	4	
7.1. Quá trình ra đời và phát triển của ngân hàng thương mại	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.2. Khái niệm và phân loại ngân hàng thương mại 7.2.1. Khái niệm ngân hàng thương mại 7.2.2. Phân loại ngân hàng thương mại						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.3. Chức năng của ngân hàng thương mại 7.3.1. Chức năng trung gian tín dụng 7.3.2. Chức năng trung gian thanh toán 7.3.3. Chức năng tạo tiền						Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8;
7.4. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại 7.4.1. Hoạt động huy động vốn 7.4.2. Hoạt động sử dụng vốn 7.4.3. Các hoạt động khác	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLC 3, chương 8, chương 9;
Chương 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	3			3	6	
8.1. Ngân hàng Trung ương	1			1	2	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>8.1.1. Khái niệm Ngân hàng Trung ương</p> <p>8.1.2. Chức năng của Ngân hàng Trung ương</p> <p>8.1.3. Vai trò của Ngân hàng Trung ương</p>						5; Đọc TLC 3, chương 10;
<p>8.2. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương</p> <p>8.2.1. Định nghĩa</p> <p>8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ</p> <p>8.2.3. Nội dung cơ bản chính sách tiền tệ</p> <p>8.2.4. Công cụ của chính sách tiền tệ</p>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 10;
Chương 9. LẠM PHÁT	3		2	5	10	
<p>9.1. Khái niệm và phân loại lạm phát</p> <p>9.1.1. Khái niệm</p> <p>9.1.2. Phân loại lạm phát</p>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 12;
<p>9.2. Nguyên nhân của lạm phát</p> <p>9.2.1. Lạm phát do nhu cầu tiền tăng</p> <p>9.2.2. Lạm phát do chi phí tăng</p> <p>9.2.3. Hệ thống chính trị không ổn định</p>						Đọc TLC 3, chương 12;
<p>9.3. Tác động của lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội</p> <p>9.3.1. Tác động của lạm phát vừa phải</p> <p>9.3.2. Tác động của lạm phát phi mã và siêu lạm phát</p>	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 12;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.4. Các biện pháp khắc phục lạm phát <i>9.4.1. Giải pháp tác động vào tổng cầu</i> <i>9.4.2. Giải pháp tác động vào tổng cung</i> <i>9.4.3. Cải cách tiền tệ</i>						Đọc TLC 3, chương 12;
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 10. QUAN HỆ THANH TOÁN VÀ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	2			2	4	
10.1. Cán cân thanh toán quốc tế <i>10.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.2. Nội dung cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.3. Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 18; Đọc TLC 3, chương 11;
10.2. Tỷ giá hối đoái <i>10.2.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá hối đoái</i> <i>10.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái</i>						Đọc TLC 2, chương 16; Đọc TLC 3, chương 11;
10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng <i>10.3.1. Các phương tiện thanh toán quốc tế</i> <i>10.3.2. Các phương thức thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 19; Đọc TLC 3, chương 11;
10.4. Tín dụng quốc tế <i>10.4.1. Khái niệm tín dụng quốc tế</i>						Đọc TLC 2, chương 19; Đọc TLC 3, chương 11;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TK, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>10.4.2. Các hình thức tín dụng quốc tế</i>						
Cộng	24	3	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp**

Tiếng Anh: **Business ethics and corporate culture**

- Mã học phần: KTQU2616

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: đại học chính quy, Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 37 tiết

Bài tập: 06 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: người học nắm và hiểu rõ các kiến thức về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực, triết lý đạo đức kinh doanh, các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh doanh. Ngoài ra, còn phải trình bày được các kiến thức xoay quanh vấn đề văn hóa trong môi trường doanh nghiệp và nội dung của xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động của các doanh nghiệp.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp nghiên cứu các vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người ứng xử, xác lập các quan điểm, quy tắc ứng xử, các hành vi, nghĩa vụ, giải quyết các mâu thuẫn; từ đó đề ra những qui định, những chính sách nhằm tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để quản lý doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), *Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Dương Thị Liễu (2013), *Văn hóa kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Đỗ Thị Phi Hoài (2009), *Văn hóa doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH	6	1		7	14	Đọc TLC (1). Trang: 10 – 37.
1.1 Khái niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh <i>1.1.1. Khái niệm đạo đức kinh doanh, vai trò của đạo đức kinh doanh</i> <i>1.1.2. Vai trò của đạo đức kinh doanh</i>	2			2	4	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2 Vấn đề đạo đức trong kinh doanh <i>1.2.1 Nguồn gốc của vấn đề đạo đức trong kinh doanh</i>	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2 Nhận diện các vấn đề đạo đức trong kinh doanh						
1.3. Các chuẩn mực của đạo đức kinh doanh	1			1	2	
1.4 Các triết lý đạo đức trong kinh doanh <i>1.4.1 Khái niệm triết lý đạo đức</i> <i>1.4.2 Các triết lý đạo đức chủ yếu</i>	1			1	2	
1.5 Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội <i>1.5.1 Khái niệm trách nhiệm xã hội</i> <i>1.5.2 Các khía cạnh của trách nhiệm xã hội</i> <i>1.5.3 Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội</i>	1			1	2	
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC KINH DOANH	6	1		7	14	Đọc TLC (1). Trang: 45 – 78.
2.1 Phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh <i>2.1.1 Ra quyết định về các vấn đề liên quan tới đạo đức trong kinh doanh</i> <i>2.1.2 Các tác nhân của đạo đức</i> <i>2.2.2 Phân tích hành vi: Algorithm đạo đức và phương pháp phân tích vấn đề - giải</i>	2			2	4	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>pháp</i>						
2.2 Đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu	2			2	4	
2.3 Các tình huống điển hình về đạo đức kinh doanh <i>2.3.1 Quan hệ với người lao động</i> <i>2.3.3 Quan hệ với đối tượng bên ngoài</i>	2	1		3	6	
CHƯƠNG 3. ĐẠO ĐỨC ĐA VĂN HÓA	4	1		5	10	Đọc TLC (2). Trang: 391 – 443. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Khái niệm, đặc điểm đạo đức đa văn hóa <i>3.1.1. Khái niệm</i> <i>3.1.2. Đặc điểm</i>	1			1	2	
3.2. Đạo đức đa văn hóa	1			1	2	
3.3. Một số lời khuyên kinh doanh trong môi trường đa văn hóa	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP	8	2		10	20	Đọc TLC (2). Trang: 301 – 361. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1 Khái niệm, vai trò của văn hoá doanh nghiệp	2			2	4	
4.2 Biểu hiện của văn hoá doanh nghiệp <i>4.2.1 Các biểu trưng trực quan của văn hoá doanh nghiệp</i>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.2 Các biểu trưng phi trực quan của văn hoá doanh nghiệp						
4.3 Các dạng văn hoá doanh nghiệp 4.3.1 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Harrison/Hand 4.3.2 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Deal và Kennedy 4.3.3 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Quinn và McGrath 4.3.4 Các mô hình văn hoá doanh nghiệp của Scholz 4.3.5 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Daft 4.3.6 Các dạng văn hoá doanh nghiệp của Sethia và Klinow	2	1		3	6	
4.4 Nhân tố tạo lập văn hoá doanh nghiệp 4.4.1 Phong cách lãnh đạo mang triết lý văn hoá 4.4.2 Quản lý hình tượng 4.4.3 Các hệ thống trong tổ chức	2	1		3	6	
CHƯƠNG 5. XÂY DỰNG VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP	7	0		7	14	
5.1. Xây dựng bản sắc văn hóa doanh nghiệp 5.1.1. Khái niệm bản sắc văn hóa doanh nghiệp 5.1.2. Tạo lập bản sắc văn hóa	1			1	2	Đọc TLC (2). Trang: 71 – 300. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>doanh nghiệp</i>						giảng viên
5.2. Xây dựng phong cách quản lý định hướng đạo đức <i>5.2.1. Các quan điểm về vai trò của quản lý</i> <i>5.2.2. Định hình phong cách quản lý mang triết lý đạo đức</i>	2			2	4	
5.3. Xây dựng hệ thống tổ chức <i>5.3.1. Các quan điểm tổ chức định hướng môi trường</i> <i>5.3.2. Các quan điểm tổ chức định hướng con người</i>	2			2	4	
5.4 Xây dựng hệ thống triển khai đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp <i>5.4.1 Hệ thống các chuẩn mực hành vi đạo đức</i> <i>5.4.2 Hệ thống các tiêu chuẩn giao ước về đạo đức</i> <i>5.4.3 Các chương trình đạo đức trong văn hóa doanh nghiệp</i> <i>5.4.4 Hệ thống thanh tra đạo đức</i>	2			2	4	
CHƯƠNG 6. MỘT SỐ KHÍA CẠNH VĂN HOÁ TRONG DOANH NGHIỆP	6	1		7	14	Đọc TLC (2). Trang: 483 – 533.
6.1 Văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp	2			2	2	Chuẩn bị bài, tự học và

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.1.1 Vai trò và biểu hiện của văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp</p> <p>6.1.2 Tác động của văn hoá ứng xử trong nội bộ</p> <p>6.1.3 Những điều cần tránh về văn hoá ứng xử trong nội bộ doanh nghiệp</p>						thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<p>6.2 Văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng</p> <p>6.2.1 Biểu hiện của văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng</p> <p>6.2.2 Tác động của văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng</p> <p>6.2.3 Những điều cần tránh về văn hoá ứng xử trong đàm phán và thương lượng</p>	2	1		3	6	
<p>6.3 Văn hoá trong hoạt động marketing</p> <p>6.3.1 Văn hoá trong lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường</p> <p>6.3.2 Văn hoá trong quyết định về sản phẩm</p>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.3.3. Văn hóa trong xây dựng và phát triển thương hiệu</p> <p>6.3.4 Văn hoá trong định hướng với khách hàng</p> <p>6.3.5 Văn hoá trong hoạt động truyền thông marketing</p>						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	37	6	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chất lượng**
 - Tiếng Anh: **Quality management**
- Mã học phần: KTQU2526
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị chất lượng và vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp. Từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về quản lý chất lượng vào công việc thực tế, nâng cao chất lượng, uy tín cho doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Phan (2012), *Giáo trình Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Văn Chiên (2014), *Quản lý chất lượng sản xuất ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ Thuật

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Kim Định (2008), *Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.

2. Tạ Thị Kiều An (2004), *Quản trị chất lượng trong các tổ chức*, NXB Thống kê

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	7			7	14	Đọc TLC (1). Trang: 10 – 45. Chuẩn bị bài, tự học và
1.1. Sản phẩm	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.1.1. Khái niệm sản phẩm</p> <p>1.1.2. Sản phẩm mới</p> <p>1.1.3. Tính hữu dụng của sản phẩm</p> <p>1.1.4. Các thuộc tính của sản phẩm</p>						thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<p>1.2. Chất lượng sản phẩm</p> <p>1.2.1. Khái niệm chất lượng sản phẩm</p> <p>1.2.2. Đặc điểm cơ bản của chất lượng sản phẩm</p> <p>1.2.3. Một số yếu tố tổng quát về chất lượng sản phẩm</p> <p>1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm</p> <p>1.2.5. Vai trò, ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng sản phẩm</p> <p>1.2.6. Một số chỉ tiêu chất lượng đặc trưng</p>	2			2	4	
<p>1.3. Quản lý chất lượng sản phẩm</p> <p>1.3.1 Khái niệm</p> <p>1.3.2. Các chức năng cơ bản của Quản lý chất lượng sản phẩm</p>	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.3.3. Các nguyên tắc Quản lý chất lượng sản phẩm</p> <p>1.3.4. Đặc điểm của Quản lý chất lượng sản phẩm</p>						
CHƯƠNG 2. CÁC KỸ THUẬT VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	7	3		10	20	Đọc TLC (1). Trang: 50 – 93. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Các bước giải quyết vấn đề chất lượng	1			1	2	
2.2. Nhóm chất lượng <p>2.2.1 Nhóm chất lượng là gì?</p> <p>2.2.2 Nền tảng, mục tiêu và bí quyết thành công của nhóm chất lượng</p> <p>2.2.3 Tổ chức nhóm chất lượng</p> <p>2.2.4 Hoạt động của nhóm chất lượng</p>	3	1		4	8	
2.3. Các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng <p>2.3.1 Mẫu thu thập dữ liệu</p> <p>2.3.2 So sánh theo chuẩn mức</p> <p>2.3.3 Biểu đồ quan hệ</p> <p>2.3.4 Biểu đồ cây</p> <p>2.3.5 Biểu đồ nhân quả</p>	3	2		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.3.6 Biểu đồ kiểm soát</p> <p>2.3.7 Biểu đồ cột</p> <p>2.3.8 Biểu đồ PARETO</p>						
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	8	2		10	20	Đọc TLC (2). Trang: 65 – 97. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Đảm bảo chất lượng	2			2	4	
<p>3.2 Một số phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm</p> <p>3.2.1. Kiểm tra chất lượng – sự phù hợp</p> <p>3.2.2. Phương pháp kiểm tra chất lượng toàn diện</p> <p>3.2.3. Phương pháp quản lý chất lượng tổng thể (TQM)</p> <p>3.2.4 Một số phương pháp khác</p>	3	1		4	8	
3.3. Chương trình 5S	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. TIÊU CHUẨN HOÁ VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	8	2		10	20	Đọc TLC (2). Trang: 120 – 175. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<p>4.1. Tiêu chuẩn hoá</p> <p>4.1.1. Khái quát về tiêu chuẩn hoá</p>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.2. Tác dụng của tiêu chuẩn hoá						viên
4.2. Bộ tiêu chuẩn Quốc tế về quản lý chất lượng ISO 9000 4.2.1. Giới thiệu chung về bộ tiêu chuẩn ISO 9000 4.2.2. Nội dung cơ bản của hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000 4.2.3. Tầm quan trọng của hệ thống ISO 9000 4.2.4. Lựa chọn tiêu chuẩn ISO 9000 4.2.5. Thực hiện hệ thống ISO 9000 4.2.6. Các thủ tục và hướng dẫn làm việc của ISO 9000 4.2.7. Tiến hành cải tiến hệ thống	4	2		6	12	
4.3. Một số hệ thống quản lý chất lượng khác	2			2	4	
CHƯƠNG 5. VĂN HÓA CHẤT LƯỢNG TRONG DOANH NGHIỆP	6			6	12	Đọc TLC (1). Trang: 115 – 150. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Khái niệm văn hóa chất lượng	2			2	4	
5.2. Mô hình văn hóa chất lượng	2			2	4	
5.3. Tạo lập và phát triển văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị nguồn nhân lực**
 - Tiếng Anh: **Human resources management**
- Mã học phần: KTQU2534
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bậc đại học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng sáng tạo những vấn đề cơ bản của quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), *Giáo trình quản trị nhân lực căn bản*, NXB Thống kê.

2. Nguyễn Ngọc Quân (2012), *Quản trị nhân lực*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. Trần Kim Dung (2015), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp TPHCM.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. John. M. Ivancevich (2010), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh.

2. Lưu Trọng Tuấn (2014), *Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn*, NXB Lao động.

3. Nhiều tác giả (2012), *Quản lý nhân sự*, NXB Tài chính.

4. Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý (2008), *Quản lý nguồn lực trong doanh nghiệp*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>

- Dạy học theo dự án Dạy học thực hành Thu thập số liệu
 Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

- Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

- Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	3			3	6	
1.1. Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ của quản trị nguồn nhân lực <i>1.1.1. Khái niệm nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.2. Các chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực</i> <i>1.1.3. Nhiệm vụ của quản trị</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nguồn nhân lực</i>						
1.2. Các nội dung cơ bản của quản trị nguồn nhân lực <i>1.2.1. Nội dung của quản trị nhân lực tiếp cận theo quá trình</i> <i>1.2.2. Nội dung của quản trị nhân lực tiếp cận theo tác nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1
1.3. Các học thuyết và tư tưởng quản trị nhân lực <i>1.3.1. Học thuyết quản trị nguồn nhân lực phương đông</i> <i>1.3.2. Học thuyết quản trị nguồn nhân lực phương tây</i> <i>1.3.3. Tư tưởng quản trị nhân lực Việt Nam.</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 1
CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH NHÂN LỰC	6	1		7	14	
2.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định nhân lực. <i>2.1.1. Khái niệm hoạch định nhân lực</i> <i>2.1.2. Vai trò của hoạch định nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
2.2. Nguyên tắc, yêu cầu và căn cứ hoạch định nguồn nhân lực	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.2.1. Nguyên tắc hoạch định nguồn nhân lực</p> <p>2.2.2. Yêu cầu hoạch định nguồn nhân lực</p> <p>2.2.3. Căn cứ hoạch định nguồn nhân lực.</p> <p>2.2.4. Các phương pháp phân tích công việc.</p>						
<p>2.3. Nội dung hoạch định nguồn nhân lực</p> <p>2.3.1. Hoạch định chiến lược nhân lực</p> <p>2.3.2. Hoạch định chiến thuật nhân lực</p> <p>2.3.3. Hoạch định tác nghiệp nhân lực</p>	3	1		4	8	
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC	7	2		9	18	
<p>3.1. Công việc và chức danh công việc</p> <p>3.1.1. Công việc</p> <p>3.1.2. Chức danh công việc.</p>	1			1	2	<p>Đọc TLC 3, chương 3</p> <p>Đọc TLC 1, chương 3</p>
<p>3.2. Khái niệm vai trò của phân tích công việc</p> <p>3.2.1. Khái niệm phân tích công việc</p> <p>3.2.2. Mối quan hệ giữa phân tích và thiết kế công việc</p> <p>3.2.3. Các trường hợp cần tiến hành phân tích công việc</p> <p>3.2.4. Vai trò của phân tích công việc</p>	2	1		3	6	<p>Đọc TLC 3, chương 3</p> <p>Đọc TLC 1, chương 3</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.5. Một số vấn đề thường gặp trong quá trình phân tích công việc						
3.3. Sản phẩm của phân tích công việc 3.3.1. Bản mô tả công việc 3.3.2. Bản tiêu chuẩn công việc	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3 Đọc TLC 1, chương 3
3.4. Quy trình phân tích công việc 3.4.1. Xác định sự phù hợp của cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của bộ phận với chiến lược kinh doanh 3.4.2. Lập danh sách các chức danh cần phân tích 3.4.3. Xác định đối tượng tham gia phân tích công việc 3.4.4. Thu thập thông tin phân tích 3.4.5. Xây dựng sản phẩm phân tích công việc 3.4.6. Ban hành và sử dụng kết quả phân tích công việc 3.4.7. Điều chỉnh phân tích công việc.	3		1	4	8	
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	5	1		6	12	
4.1. Khái niệm, vai trò tổ chức bộ máy quản trị nhân lực 4.1.1. Khái niệm tổ chức bộ máy quản trị nhân lực 4.1.2. Vai trò tổ chức bộ máy quản trị nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2 Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản trị nhân lực <i>4.2.1. Chức năng của bộ máy quản trị nhân lực</i> <i>4.2.2. Nhiệm vụ của bộ máy quản trị nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.3 Hình thức tổ chức của bộ máy quản trị nhân lực <i>4.3.1. Theo cấu trúc giản đơn</i> <i>4.3.2. Theo cấu trúc chức năng</i> <i>4.3.3. Theo cấu trúc hỗn hợp</i> <i>4.3.4. Theo cấu trúc HRBP</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực <i>4.4.1. Căn cứ lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực</i> <i>4.4.2. Nguyên tắc lựa chọn bộ máy quản trị nhân lực</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
4.5. Bộ máy chuyên trách hoạt động quản trị nhân lực <i>4.5.1. Quy mô và cơ cấu bộ phận chuyên trách hoạt động quản trị nhân lực</i> <i>4.5.2. Tiêu chuẩn đối với chức danh chuyên trách công tác nhân lực</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 1, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	8	2		10	20	
5.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.1.1. Khái niệm tổ chức hoạt động quản trị nhân lực</p> <p>5.1.2. Vai trò của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực</p>						
<p>5.2. Nội dung của tổ chức hoạt động quản trị nhân lực</p> <p>5.2.1. Tổ chức hoạt động tuyển dụng</p> <p>5.2.2. Tổ chức hoạt động bố trí và sử dụng nhân lực</p> <p>5.2.3. Tổ chức hoạt động đào tạo phát triển</p> <p>5.2.4. Tổ chức hoạt động đánh giá thực hiện công việc nhân lực</p> <p>5.2.5. Tổ chức hoạt động đãi ngộ nhân lực</p> <p>5.2.6. Tổ chức hoạt động khác</p>	6	2		8	16	Đọc TLC 1, chương 5
CHƯƠNG 6. TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC	3	1		4	8	
<p>6.1. Khái niệm và vai trò tạo động lực</p> <p>6.1.1. Khái niệm tạo động lực</p> <p>6.1.2. Vai trò của tạo động lực</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
<p>6.2. Các học thuyết tạo động lực</p> <p>6.2.1. Nhóm các học thuyết nhu cầu của người lao động</p> <p>6.2.2. Nhóm các học thuyết theo cách thức theo cách thức của tạo động lực làm việc</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
<p>6.3. Quy trình tạo động lực</p> <p>6.3.1. Xác định nhu cầu của người lao động</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.3.2. Phân loại nhu cầu của người lao động</p> <p>6.3.3. Thiết kế chương trình tạo động lực của người lao động</p> <p>6.3.4. Triển khai chương trình tạo động lực làm việc cho người lao động</p> <p>6.3.5. Đánh giá tạo động lực làm việc cho người lao động</p>						
CHƯƠNG 7. KIỂM SOÁT QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	4			4	8	
<p>7.1. Khái niệm vai trò kiểm soát quản trị nhân lực</p> <p>7.1.1. Khái niệm kiểm soát quản trị nhân lực</p> <p>7.1.2. Vai trò kiểm soát quản trị nhân lực</p> <p>7.1.3. Nguyên tắc kiểm soát quản trị nhân lực</p>	1			1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 7</p> <p>Đọc TLC 2, chương 6</p>
<p>7.2. Phân loại kiểm soát quản trị nhân lực</p> <p>7.2.1. Kiểm soát trước khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực</p> <p>7.2.2. Kiểm soát trong khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực</p> <p>7.2.3. Kiểm soát sau khi thực hiện hoạt động quản trị nhân lực</p>	1			1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 7</p> <p>Đọc TLC 2, chương 6</p>
<p>7.3. Nội dung kiểm soát quản trị nhân lực</p> <p>7.3.1. Theo cách tiếp cận quá</p>	1			1	2	<p>Đọc TLC 1, chương 7</p> <p>Đọc TLC 2,</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trình</i> 7.3.2. Theo cách tiếp cận tác nghiệp						chương 6
7.4. Quy trình kiểm soát quản trị nhân lực 7.4.1. Xác định tiêu chuẩn kiểm soát 7.4.2. Đo lường kết quả hoạt động quản trị nhân lực 7.4.3. Phân tích chênh lệch giữa tiêu chuẩn và kết quả thực hiện quản trị nhân lực 7.4.4. Tiến hành điều chỉnh hoạt động quản trị nhân lực	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nhập môn logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**
 - Tiếng Anh: **Introduction to Logistics and Supply Chain**

Management

- Mã học phần: KTKH2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 7 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Khái quát được một cách có hệ thống những nội dung cơ bản về logistics và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp, và các kỹ thuật logistics cũng như xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát về lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Vận dụng cơ sở lý thuyết về tổng quan về logistics và chuỗi cung ứng

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Hiểu được những hoạt động logistics bên trong doanh nghiệp. Hiểu được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ trong hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược logistics nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường

+ *Kỹ năng tư duy:* Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề logistics và quản lý chuỗi cung ứng

3. Tóm tắt nội dung học phần

Logistics là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức...

Môn học nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình chính yếu được tiến hành đúng mục tiêu. Trong sản xuất kinh doanh, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Văn Châu (2009), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

2. Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

3. An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái (2018), *Quản trị Logistics kinh doanh*, Nhà xuất bản Hà Nội

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Như Tiến (2011), *Giáo trình vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), *Logistics, những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Lao Động Xã hội.

3. Lambert, Douglas M.; Stock, James R. and Ellram, Lisa M. (1998), *Fundamentals of logistics management*, McGraw Hill, United States of America

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ LOGISTICS	6		2	8	16	
1.1. Nguồn gốc, khái niệm Logistics	1			1	2	Đọc TLC1 chương 1; Đọc TLC2 chương 1
1.2. Quá trình phát triển Logistics	1			1	2	
1.3. Phân loại hoạt động Logistics	0.5		0.5	1	2	
1.4. Mối quan hệ giữa Logistics- Chuỗi cung ứng	0.5		0.5	1	2	
1.5. Vai trò của Logistics	0.5		0.5	1	2	
1.6. Ngành dịch vụ Logistics	0.5		0.5	1	2	
1.7. Chi phí Logistics	1			1	2	
1.8. Các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển hệ thống Logistics quốc gia	1			1	2	
Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT	3		2	5	10	
2.1. Một số khái niệm cơ bản trong quản lý sản xuất	1			1	2	Đọc TLC1 chương 2

2.2. Quá trình lập kế hoạch sản xuất	1		1	2	4	
2.3. Bài toán lập kế hoạch sản xuất	1		1	2	4	
Chương 3. CUNG ỨNG VẬT TƯ	8		3	11	22	
3.1. Xác định nhu cầu vật tư	1			1	2	
3.2. Lựa chọn nhà cung cấp	1			1	2	
3.3. Lập đơn hàng, ký hợp đồng cung ứng	2		1	3	6	
3.4. Tổ chức thực hiện Đơn đặt hàng/ Hợp đồng cung ứng	2		1	3	6	
3.5. Nhập kho- Bảo quản- Cung cấp cho các bộ phận có nhu cầu	2		1	3	6	Đọc TLC1 chương 3
Chương 4. VẬN TẢI	8		3	11	22	
4.1. Khái quát về vận tải	1			1	2	Đọc TLC1 chương 4; Đọc TLC2 chương 5
4.2. Phân chia trách nhiệm vận tải trong mua bán quốc tế	1		1	2	4	
4.3. Các phương thức vận chuyển hàng hóa	2			2	4	
4.4. Đặc điểm chi phí theo các hình thức vận tải	2		1	3	6	
4.5. Các chứng từ trong vận chuyển quốc tế	2		1	3	6	
Chương 5. DỰ TRỮ	5		3	8	16	
5.1. Khái niệm dự trữ	1			1	2	Đọc TLC1 chương 5
5.2. Phân loại dự trữ	1			1	2	
5.3. Chi phí dự trữ	1		1	2	4	
5.4. Các mô hình quản trị dự trữ	1		1	2	4	

5.5. Quản lý tổng hợp hàng dự trữ	1		1	2	4	
Chương 6: KHO BÃI	6		3	9	18	
6.1. Kho bãi và vai trò của kho bãi	1			1	2	Đọc TLC1 chương 6
6.2. Chức năng của kho bãi	1		1	2	4	
6.3. Mối liên hệ giữa kho với các bộ phận khác	2		1	3	6	
6.4. Các loại kho	2		1	3	6	
Cộng	36		9	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị chuỗi cung ứng**
 - Tiếng Anh: **Supply Chain Management**
- Mã học phần: KTQU2531
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hiểu được cấu trúc bản chất chuỗi cung ứng, nắm các quá trình cơ bản kết nối giữa các tổ chức này và phương pháp để kết nối các quá trình thống nhất vào chuỗi cung ứng. Có kiến thức hệ thống về các quá trình cơ bản trong chuỗi cung ứng, nhận thức đúng về hệ thống thông tin trong quản lý chuỗi cung ứng, các mức độ liên kết, nguyên tắc phối hợp phổ biến trong chuỗi cung ứng. Nắm các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Giải thích và đánh giá được các vấn đề liên quan quản trị chuỗi cung ứng.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Đưa ra các quyết định thiết kế và lựa chọn mô hình quản trị chức năng phù hợp, có khả năng thích nghi linh hoạt về các quyết định vận hành chuỗi cung ứng trong những thị trường đặc thù và loại hình doanh nghiệp khác nhau

+ *Kỹ năng tư duy:* Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề quản lý chuỗi cung ứng

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học giới thiệu về các yếu tố cơ bản về chuỗi cung ứng, cấu trúc cung ứng, bản chất, mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng với 5 nhân tố quyết định mục tiêu quản trị chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, học phần khái quát các quá trình quản trị cơ bản liên kết các thành phần và tổ chức trong các cấu trúc chuỗi cung ứng đã thiết lập....Các vấn đề thông tin, tích hợp và đánh giá hoạt động quản trị chuỗi cung ứng

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Cao Hồng Đức, Phương Thúy (2010), Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng, Biên dịch từ nguyên bản “Essential of Supply Chain Management” của Michaels Hugo (2006), NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

2. Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

3. An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái (2018), *Quản trị Logistics kinh doanh*, Nhà xuất bản Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Như Tiến (2011), *Giáo trình vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), *Logistics, những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Lao Động Xã hội.

3. Lambert, Douglas M.; Stock, James R. and Ellram, Lisa M. (1998), *Fundamentals of logistics management*, McGraw Hill, United States of America

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG	6		2	8	16	
1.1 Khái quát về chuỗi cung ứng						
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và phạm vi chuỗi cung ứng						
1.1.2 Cấu hình và các thành phần cơ bản của CCU	2			2	4	
1.1.3 Các dòng chảy và liên kết trong CCU						
1.2 Khái niệm, bản chất và lợi ích quản trị chuỗi cung ứng						Đọc TLC1 chương 1; Đọc TLC2 chương 1
1.2.1 Khái niệm, mục tiêu và bản chất quản trị CCU						
1.2.2 Các nhân tố động năng trong QTCCU	2		1	3	6	
1.2.3 Lợi ích quản trị chuỗi cung ứng						
1.3 Các yếu tố thúc đẩy sự tăng trưởng các chuỗi cung ứng trên phạm vi toàn cầu						
1.3.1 Các dạng chuỗi cung ứng phổ biến						
1.3.2 Yếu tố thúc đẩy sự tăng trưởng CCU	2		1	3	6	
Chương 2: LẬP KẾ HOẠCH CHUỖI CUNG ỨNG VÀ ĐỊNH DẠNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT	6		2	8	16	
2.1 Lập kế hoạch chuỗi cung ứng, mô hình SCOR						Đọc TLC1 chương 2
	2			2	4	

2.1.1 Khái niệm và bản chất lập kế hoạch chuỗi cung ứng						
2.1.2 Mô hình SCOR						
2.2 Các phương án kế hoạch tổng hợp (Planning)						
2.2.1 Dự báo nhu cầu chuỗi cung ứng	2		1	3	6	
2.2.2 Năng lực lõi của doanh nghiệp						
2.2.3 Các phương án kế hoạch tổng hợp						
2.3 Định dạng các mô hình sản xuất (Make)						
2.3.1 Sản xuất để dự trữ	2		1	3	6	
2.3.2 Lắp ráp theo đơn hàng						
2.3.3 Sản xuất theo đơn hàng						
2.3.4 Thiết kế theo đơn hàng						
Chương 3: MUA HÀNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN THÔNG TIN	6		3	9	18	
3.1 Khái niệm và quy trình mua hàng						Đọc TLC1 chương 2,3
3.1.1 Khái niệm và quan điểm tiếp cận	2		1	3	6	
3.1.2 Quy trình mua hàng và tiêu thức lựa chọn nhà cung cấp						
3.2 Thuê ngoài trong chuỗi cung cấp						
3.2.1 Khái niệm, lợi ích và rủi ro thuê ngoài	2		1	3	6	
3.2.2 Căn cứ thuê ngoài						
3.2.3 Quy trình thuê ngoài						
3.3 Quản lý nguồn cung						
3.3.1 Chiến lược nguồn cung	2		1	3	6	
3.3.2 Quản lý quan hệ nhà cung cấp						
Chương 4: PHÂN PHỐI, THU HỒI VÀ QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG	6		2	8	16	

4.1 Phân phối và giao hàng trong chuỗi cung ứng						
4.1.1 Khái niệm, yêu cầu và nội dung của hoạt động giao hàng	2			2	4	
4.1.2 Các hình thức giao hàng						
4.1.3 Kho hàng và trung tâm phân phối						
4.2 Thu hồi trong chuỗi cung ứng						
4.2.1 Khái niệm, yêu cầu và nội dung của hoạt động thu hồi						
4.2.2 Quy trình thu hồi trong CCU						
4.2.3 Thiết kế các chuỗi cung ứng thu hồi trong chuỗi cung ứng						
4.3 Quản trị quan hệ khách hàng						Đọc TLC1 chương 3
4.3.1 Khái niệm QLQHKH và phân loại khách hàng						
4.3.2 Quy trình quản lý quan hệ khách hàng						
Chương 5: QUẢN LÝ THÔNG TIN VÀ CỘNG TÁC TRONG CHUỖI CUNG ỨNG	6		1	7	14	
5.1 Hiệu ứng Bullwhip						
5.1.1 Khái niệm và hệ quả	2			2	4	
5.1.2 Nguyên nhân và giải pháp						
5.2 Cộng tác trong chuỗi cung ứng						Đọc TLC1 chương 4
5.2.1 Khái niệm, vai trò và yêu cầu cộng tác trong CCU	2			2	4	
5.2.2 Các mô hình cộng tác trong chuỗi cung ứng						
5.3 Quản lý thông tin trong chuỗi cung ứng						
5.3.1 Vai trò và chức năng hệ thống thông tin CCU	2		1	3	6	
5.3.2 Cấu trúc hệ thống thông tin chuỗi cung ứng						
5.3.3 Hạ tầng hệ thống thông tin chuỗi cung ứng						

Các ứng dụng CNTT trong chuỗi cung ứng						
Chương 6: ĐO LƯỜNG QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG	4		1	5	10	
6.1 Các quan điểm và quan điểm đo lường chuỗi cung ứng						Đọc TLC1 chương 5
6.1.1 Sự cần thiết và quan điểm đo lường chuỗi cung ứng	1			1	2	
6.1.2 Các mô hình đo lường chuỗi cung ứng						
6.2 Các nhóm chỉ số đo lường chuỗi cung ứng						
6.2.1 Chỉ số Logistic	1			1	2	
6.2.2 Chỉ số tích hợp chuỗi cung ứng						
6.3 Đo lường chuỗi cung ứng trong tương quan thị trường						
6.3.1 Mô hình tương quan thị trường	2		1	3	6	
6.3.2 Khung đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng						
6.3.3 Báo cáo đánh giá						
Cộng	34		11	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý kho hàng bến bãi**
 - Tiếng Anh: **Warehouse management**
- Mã học phần: KTKH2502
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết

Bài tập: 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý kho hàng bến bãi; tổ chức xếp dỡ tại kho hàng bến bãi; kỹ thuật xếp dỡ hàng hoá; thể thức xuất nhập tại kho hàng bến bãi; quản lý hành chính kho hàng bến bãi; kiểm kê và bảo quản hàng hoá tại kho hàng bến bãi; kế hoạch phục vụ phương tiện tại kho hàng bến bãi và tổ chức khai thác bến cảng container

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những hoạt động có liên quan đến quản lý kho hàng bến bãi.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản lý kho hàng bến bãi.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.

+ Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic

+ Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh

+ Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu về quản lý kho hàng bến bãi phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

+ Hiểu được tầm quan trọng của việc quản lý kho hàng bến bãi đối với mỗi doanh nghiệp và nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về những vấn đề chung về quản lý kho hàng bến bãi; hoạt động trong việc tổ chức xếp dỡ tại kho hàng bến bãi; các nguyên tắc, quy tắc và kỹ thuật xếp dỡ hàng hoá; các công việc trong nhập hàng và xuất hàng tại kho hàng bến bãi; các hoạt động quản lý hành chính tại kho hàng bến bãi như sổ sách; phương pháp lưu trữ; tổ chức hệ thống phòng cháy, chữa cháy; kiểm kê và bảo quản hàng hoá tại kho hàng bến bãi. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu về kế hoạch phục vụ phương tiện tại kho hàng bến bãi như về kế hoạch tiếp nhận phương tiện vận tải, kế hoạch làm hàng. Đặc biệt học phần đi sâu nghiên cứu việc tổ chức khai thác tại bến cảng container.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS Phan Thanh Lâm (2014), *Cẩm nang quản trị kho hàng*, Nhà xuất bản phụ nữ.

2. TS Nguyễn Thị Phương (2010), *Khai thác cảng đường thủy*, NXB Giao thông vận tải.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Creed H. Jenkins (1968), *Modern Warehouse Management*. Me Graw Hill Book.
2. David E. Mulcahy (1999), *Warehouse Distribution & Operations Handbook*. McGraw-Hill. 1st edition
3. David J. Piasecki (2009), *Inventory Management Explained: a focus on Forecasting, Lot Sizing, Safety Stock, and Ordering Systems*. Ops Publishing, 1st edition
4. Dương Kim Thanh, *Giáo trình Quản trị Kho*. Đại học Hoa Sen
5. Mark S. Doriman. *Introduction to risk management and insurance*, Prentice Hall. 6th edition,
6. Phan Thanh Lâm. *Giáo trình Cung ứng Vật tư & Quản trị Kho hàng*. VCCI Việt Nam.
7. Phan Thanh Lâm. *Giáo trình Quản trị Logistic trong SCM*. Viện Logistics Việt Nam
8. S. O. Kaylin (1968). *Understanding Today's Food Warehouse*. Chain Storage Age Books. New York.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Tập trung nghe giảng và tham gia các hoạt động trên lớp;
- Làm tất cả các bài kiểm tra.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ KHO HÀNG BẾN BÃI	3			3	6	
1.1. Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của việc quản lý kho hàng bến bãi	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.2. Lựa chọn địa điểm và cấu trúc nhà kho <i>1.2.1. Các yếu tố lựa chọn địa điểm thuê kho hay xây nhà kho</i> <i>1.2.2. Cấu trúc nhà kho và chi phí</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.3. Các dạng hàng hoá <i>1.3.1. Dạng hàng chứa trong kho</i> <i>1.3.2. Dạng hàng chứa trong bãi</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.4. Các dạng kho bãi	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
1.5. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của quản lý kho hàng bến bãi	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. TỔ CHỨC XẾP DỠ TẠI KHO HÀNG BẾN BÃI	6		1	7	14	
2.1. Hàng hoá trong vận tải <i>2.1.1. Phân loại và đặc điểm của hàng hoá</i> <i>2.1.2. Bao gói hàng hoá</i> <i>2.1.3. Nhãn hiệu hàng hoá</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2.
2.2. Hệ thống thiết bị xếp dỡ <i>2.2.1. Thiết bị xếp dỡ chính</i> <i>2.2.2. Thiết bị xếp dỡ phụ</i> <i>2.2.3. Các công cụ mang hàng</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2.
2.3. Tổ chức xếp dỡ hàng hoá <i>2.3.1. Các phương pháp xếp dỡ hàng hoá</i> <i>2.3.2. Sơ đồ cơ giới hoá xếp dỡ, các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn sơ đồ</i> <i>2.3.3. Các lược đồ tính toán năng suất thiết bị xếp dỡ</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 2, chương 2; Sinh viên tiến hành thảo luận.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Các yêu cầu lựa chọn trang thiết bị xếp dỡ 2.4.1. Yêu cầu lựa chọn thiết bị chính 2.4.2. Yêu cầu lựa chọn thiết bị phụ	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 2.
Chương 3. KỸ THUẬT XẾP DỠ HÀNG	5		1	6	12	
3.1. Nguyên tắc xếp dỡ hàng hoá	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3.
3.2. Những quy tắc trong vận hành kho hàng 3.2.1. Các quy tắc khi vào kho làm việc 3.2.2. Các quy tắc khi đưa hàng vào và ra khỏi kho hàng 3.2.3. Quy tắc khi hoàn thành việc đưa hàng vào hay ra khỏi kho 3.2.4. Các quy tắc trong quản trị cát trữ 3.2.5. Các quy tắc trong bốc xếp, xếp dỡ 3.2.6. Các quy tắc lau dọn trong và ngoài kho hàng 3.2.7. Các quy tắc khi kiểm tra xung quanh kho hàng	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4.
3.3. Kỹ thuật xếp dỡ hàng hoá 3.3.1. Xếp dỡ hàng rời – hàng đống đóng 3.3.2. Xếp dỡ hàng bách hoá 3.3.3. Xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng 3.3.4. Xếp dỡ hàng lỏng 3.3.5. Xếp dỡ hàng chuyển tải 3.3.6. Xếp dỡ hàng nguy hiểm	1,5		1	2,5	5	Đọc TLC 2, chương 4; Sinh viên tiến hành thảo luận.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. THỂ THỨC XUẤT NHẬP KHO HÀNG BẾN BÃI	4			4	8	
4.1. Công việc nhập hàng 4.1.1. Chuẩn bị thực hiện nhập hàng 4.1.2. Các trường hợp nhập hàng 4.1.3. Thủ tục nhập hàng	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.4. Nguyên tắc nhập hàng 4.1.5. Quy trình nhập kho						
4.2. Công việc xuất hàng 4.2.1. Chuẩn bị thực hiện xuất hàng 4.2.2. Các trường hợp xuất hàng 4.2.3. Thủ tục xuất hàng 4.2.4. Nguyên tắc xuất hàng 4.2.5. Quy trình xuất hàng	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5.
Chương 5. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH KHO HÀNG BẾN BÃI	3		2	5	10	
5.1. Sổ sách ở kho hàng bến bãi 5.1.1. Lưu trữ hồ sơ 5.1.2. Thẻ kho và cách ghi thẻ kho 5.1.3. Báo cáo xuất nhập hàng ngày	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Sinh viên tiến hành thảo luận.
5.2. Phương pháp lưu trữ 5.2.1. Quy ước mục lục 5.2.2. Phương thức lưu trữ	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Sinh viên tiến hành thảo luận.
5.3. Tổ chức hệ thống phòng cháy, chữa cháy 5.3.1. Phòng cháy 5.3.2. Thiết bị chống cháy 5.3.3. Tập luyện chữa cháy	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6.
Chương 6. KIỂM KÊ VÀ BẢO QUẢN HÀNG HOÁ TẠI KHO HÀNG BẾN BÃI	3		2	5	10	
6.1. Kiểm kê hàng hoá 6.1.1. Kiểm kê định kỳ và thường kỳ 6.1.2. Một số phương pháp kiểm kê	1,5		1	2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7; Sinh viên tiến hành thảo luận.
6.2. Bảo quản hàng hoá 6.2.1. Bảo quản hàng hoá 6.2.2. Tính chất một số vật liệu chính của bao bì 6.2.3. Tiêu chuẩn sức khoẻ, an toàn, an ninh và môi trường	1,5		1	2,5	5	Đọc TLC 1, chương 8; Sinh viên tiến hành thảo luận.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 7. KẾ HOẠCH PHỤC VỤ PHƯƠNG TIỆN TẠI KHO HÀNG BẾN BÃI	4		2	6	12	
7.1. Tổng quan về kế hoạch phục vụ 7.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và yêu cầu của kế hoạch khai thác 7.1.2. Trách nhiệm đối với công tác làm kế hoạch 7.1.3. Kế hoạch khai thác phục vụ phương tiện	1,5			1,5	3	Đọc TLC 2, chương 6.
7.2. Kế hoạch tiếp nhận phương tiện vận tải 7.2.1. Mục tiêu, phân loại và yêu cầu của kế hoạch 7.2.2. Nội dung kế hoạch tiếp nhận phương tiện	1		1	2	4	Đọc TLC 2, chương 6; Sinh viên tiến hành thảo luận.
7.3. Kế hoạch làm hàng 7.3.1. Chuẩn bị danh mục kiểm đếm hàng hoá 7.3.2. Lịch trình làm hàng 7.3.3. Kế hoạch kho bãi phục vụ phương tiện vận tải 7.3.4. Dự kiến thời gian phục vụ phương tiện vận tải	1,5		1	2,5	5	Đọc TLC 2, chương 6; Sinh viên tiến hành thảo luận.
Chương 8. TỔ CHỨC KHAI THÁC BẾN CẢNG CONTAINER	4		3	7	14	
8.1. Tổng quan về bến cảng container 8.1.1. Khái niệm, phân loại và tiêu chuẩn của cảng container 8.1.2. Cơ cấu khu bến cảng container 8.1.3. Hệ thống trang thiết bị xếp dỡ container	2		1	3	6	Đọc TLC 2, chương 7; Sinh viên tiến hành thảo luận.
8.2. Quản lý hoạt động khai thác bến cảng container 8.2.1. Giao nhận container tại cảng 8.2.2. Xếp dỡ container tại bãi 8.2.3. Xếp dỡ container dưới tàu 8.2.4. Kỹ thuật chất xếp container dưới tàu	2		2	4	8	Đọc TLC 2, chương 7; Sinh viên tiến hành thảo luận.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.2.5. Kế hoạch phục vụ tàu container 8.2.6. Khai thác kho						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng**
 - Tiếng Anh: **Managing risks and safety in supply**
- Mã học phần: KTKH2503
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận: 05 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng, quản lý chuỗi cung ứng và quản lý rủi ro đối với các hoạt động cụ thể của chuỗi cung ứng, bao gồm: quản lý rủi ro hoạt động dự trữ, quản lý rủi ro hoạt động vận chuyển, quản lý rủi ro hoạt động kho bãi, quản lý rủi ro hoạt động đóng gói và xếp dỡ hàng hóa.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Trình bày và hiểu được chuỗi cung ứng, nội dung quản lý rủi ro hoạt động dự trữ, nội dung quản lý rủi ro hoạt động vận chuyển, nội dung quản lý rủi ro hoạt động kho bãi, nội dung quản lý rủi ro hoạt động đóng gói và xếp dỡ hàng hóa.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết chuỗi cung ứng và quản lý rủi ro các hoạt động trong chuỗi cung ứng vào thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Có khả năng nhận định và phân tích các loại rủi ro thực tiễn phát sinh liên quan đến các hoạt động của chuỗi cung ứng, ra các quyết định về quản lý rủi ro và chịu trách nhiệm về kết quả, thực hiện các quyết định đó.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng giới thiệu những vấn đề cơ bản về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng hiện đại.

Trình bày nội dung lý quản lý rủi ro đối với các hoạt động cụ thể của chuỗi cung ứng, bao gồm: quản lý rủi ro hoạt động dự trữ, quản lý rủi ro hoạt động vận chuyển, quản lý rủi ro hoạt động kho bãi, quản lý rủi ro hoạt động đóng gói và xếp dỡ hàng hóa.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Nguyễn Thành Hiếu (2015), *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

(2) Gregory L. Schlegel, Robert J. Trent (2014), *Supply Chain Risk Management: An Emerging Discipline (Resource Management)*, CRC Press.

(3) Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Như Tiến (2011), *Giáo trình vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

(2) Nguyễn Kim Anh (2006), *Quản lý chuỗi cung ứng*, NXB Đại học Mở - Bán công TP Hồ Chí Minh.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHUỖI CUNG ỨNG	6		1	7	15	
1.1 Quá trình phát triển chuỗi cung ứng	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 1,2
1.2 Tổng quan mô hình chuỗi cung ứng	1			1	3	
1.3 Toàn cầu hóa và quản trị chuỗi cung ứng	2			2	4	
1.4 Hoạt động giao vận tích hợp	2		1	3	5	
CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG DỰ TRỮ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG	6	2	1	9	20	
2.1 Khái niệm quản lý rủi ro hoạt động dự trữ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
2.2 Chi phí dự trữ	1	1		2	5	
2.3 Lập kế hoạch dự trữ	1			1	4	
2.4 Quản lý sự bất biến	2	1		3	6	
2.5 Chính sách dự trữ	1		1	2	3	
CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN TRONG CHUỖI CUNG ỨNG	7	2	1	10	20	
3.1 Tổng quan về dịch vụ vận tải	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5
3.2 Quản lý rủi ro vận tải	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6
3.3 Chứng từ vận tải	2			2	4	
3.4 Giá cả	1	1	1	3	6	
Kiểm tra			1	1		

4.2 Nghiệp vụ nhà kho	1	1		2	4	7
4.3 Tổ chức kho hàng hóa	2			2	4	
4.4 Các quyết định kho hàng	1		1	2	3	
CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG ĐÓNG GÓI VÀ XẾP DỠ HÀNG HÓA TRONG CHUỖI CUNG ỨNG	7	1	1	9	20	
5.1 Hoạt động đóng gói						Đọc TLC 1, chương 8
5.2 Xếp dỡ hàng						
5.3 Các vấn đề về môi trường						
5.4 Xử lý hàng bị trả lại						
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	32	6	7	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Logistics trong thương mại điện tử**
 - Tiếng Anh: **Logistics in e-commerce**
- Mã học phần: KTKH2603
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản trị chuỗi cung.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghề <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Thảo luận: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu những kiến thức cơ bản về dịch vụ logistics, ứng dụng Logistics vào sản xuất, kinh doanh, những vấn đề cơ bản về thương mại điện tử và Logistics trong thương mại điện tử.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Trình bày và hiểu được các dịch vụ logistics, các hoạt động Logistics trong sản xuất, kinh doanh, đặc trưng của thương mại điện tử, nhu cầu dịch vụ logistics trong thương mại điện tử.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết về các hoạt động Logistics trong sản xuất, kinh doanh vào thực tiễn sản xuất.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Có khả năng nhận định và phân tích các các dịch vụ logistics và hoạt động logistics các xu hướng thương mại điện tử, ra các quyết định về vận dụng logistics trong thương mại điện tử và chịu trách nhiệm về kết quả, thực hiện các quyết định đó.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Logistics trong thương mại điện tử giới thiệu những vấn đề cơ bản về dịch vụ logistics gồm dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ giao nhận, và các dịch vụ khác, các hoạt động logistics trong sản xuất kinh doanh.

Trình bày các vấn đề mà các doanh nghiệp gặp phải khi vận dụng dịch vụ logistics trong thương mại điện tử; đồng thời gợi mở các giải pháp nâng cao năng lực logistics trong thương mại điện tử.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

(1) Vũ Đình Nghiêm Hùng (2010), *Logistics*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.

(2) Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Văn Thoan (2013), *Giáo trình thương mại điện tử*, NXB Bách Khoa – Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

(1) Nguyễn Như Tiến (2011), *Giáo trình vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

(2) Bộ Công thương (2018), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2018*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>

Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. DỊCH VỤ LOGISTICS	8		2	10	20	
1.1. Tổng quan về dịch vụ logistics	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1,2
1.2. Dịch vụ vận tải	1			1	2	
1.3. Dịch vụ kho bãi	1			1	2	
1.4. Dịch vụ giao nhận	2		1	3	6	
1.5. Các dịch vụ khác	1			1	2	
1.6. Phát triển thị trường dịch vụ logistics Việt Nam	1		1	2	4	
CHƯƠNG 2. ỨNG DỤNG LOGISTICS TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH	9	0	2	11	23	

2.1. Hoạt động logistics trong mua hàng	2		2	5	Đọc TLC 1, chương 4	
2.2. Hoạt động logistics trong sản xuất	2	1	3	6		
2.3. Hoạt động kiểm soát hàng tồn kho	3		3	6		
2.4. Năng lực quản lý và nhân sự logistics	2	1	3	6		
Kiểm tra		1	1			
CHƯƠNG 3. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	9		2	11	22	
3.1. Khái niệm về thương mại điện tử	2	1	3	6	Đọc TLC 2, chương 1 2	
3.2. Các đặc trưng của thương mại điện tử	3	1	4	8		
3.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển thương mại điện tử	2		2	4		
3.4. Xu hướng thương mại điện tử	2		2	4		
CHƯƠNG 4. LOGISTICS VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	9		2	11	23	
4.1. Nhu cầu dịch vụ logistics trong thương mại điện tử	1	1	2	5	Đọc TLC 2, chương 3, 4	
4.2. Một số mô hình dịch vụ tiêu biểu	2		2	4		
4.3. Một số doanh nghiệp logistics phục vụ TMĐT ở Việt Nam	2		2	4		
4.4. Những vấn đề mà các doanh nghiệp phải đối diện	2		2	4		
4.5. Nâng cao năng lực dịch vụ logistics cho TMĐT	2	1	3	6		
Kiểm tra		1	1			
Tổng cộng	35		10	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Vận hành Dịch vụ Logistics**
 - Tiếng Anh: **Operating Logistics Services**
- Mã học phần: KTKH2504
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Ngành Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế vĩ mô, Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 4 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 5 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 77 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Giải thích được những kiến thức cơ bản về dịch vụ logistics, các loại hình trong dịch vụ logistics và cách thức vận hành các dịch vụ logistics.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng vận hành các dịch vụ logistics như: các thủ tục liên quan đến hải quan, hàng hóa, vận chuyển và kho bãi. Bên cạnh đó, nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc liên quan đến dịch vụ logistics

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong phát triển ngành dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 5 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về vận hành dịch vụ logistics như: (1) Tổng quan về ngành dịch vụ logistics (2) Vận hành dịch vụ logistics cho hàng xuất – nhập khẩu (3) Vận hành dịch vụ phân phối hàng hóa thiết bị xuất nhập khẩu và nội địa (4) Vận hành dịch vụ vận chuyển (5) Vận hành dịch vụ cung cấp cho hãng tàu – dịch vụ cảng

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. GS.TS. Hoàng Văn Châu (2009), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, NXB Thông tin và Truyền thông.

2. GS.TS. NGUYỄN ĐẶNG ĐÌNH ĐÀO, PGS.TS. TẠ VĂN LỢI, TS. NGUYỄN MINH SƠN, TS. ĐẶNG THỊ THÚY HẰNG (2019), *Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, NXB Dân Trí

3. PGS.TS. Hoàng Trần Hậu & PGS.TS Nguyễn Thị Thương Huyền (2011), *Giáo trình Hải quan cơ bản*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. PGS.TS. Nguyễn Như Tiến (2011), *Giáo trình Vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2. TS Đỗ Quốc Dũng, ThS Trần Hoàng Giang, ThS Nguyễn Thành Long (2015), *Giao nhận vận tải và bảo hiểm*, NXB Tài chính.

3. GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, ThS Kim Ngọc Đạt (2010), *Giáo trình Logistics – Những vấn đề cơ bản*, NXB Lao động – Xã hội, 2010.

4. PGS.TS Từ Sỹ Sùa (2018), *Quản lý Logistics quốc tế*, NXB Giao thông vận tải.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DỊCH VỤ LOGISTICS	6	0	0	6	12	
1.1 Logistics	2			4	6	Đọc TLC 2, chương 1
1.1.1 Định nghĩa logistics		0	0			

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2 Các đặc điểm của logistics 1.1.3 Các tác dụng của logistics						
1.2 Dịch vụ logistics 1.2.1 Định nghĩa dịch vụ logistics 1.2.2 Phân loại dịch vụ logistics 1.2.3 Một số nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển của dịch vụ logistics	4	0	0	6	6	Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. VẬN HÀNH DỊCH VỤ LOGISTICS CHO HÀNG XUẤT – NHẬP KHẨU	10	3	0	13	20	
2.1 Tổng quan về dịch vụ logistics cho hàng xuất – nhập khẩu 2.1.1 Định nghĩa về dịch vụ logistics cho hàng xuất – nhập khẩu 2.1.2 Phân loại dịch vụ logistics cho hàng xuất – nhập khẩu	3	0	0	3	5	Đọc TLC 3, chương 1
2.2 Vận hành các dịch vụ liên quan đến thủ tục Hải quan 2.2.1 Khai thuế Hải quan 2.2.2 Thủ tục xuất nhập khẩu 2.2.3 Tư vấn xuất nhập khẩu 2.3.4 Thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa 2.3.5 Xuất/ nhập khẩu ủy thác	4	2	0	6	8	Đọc TLC 3, chương 2,3,4,5
2.3 Vận hành dịch vụ liên quan đến giao nhận hàng hóa 2.3.1 Giao nhận hàng triển lãm và công trình 2.3.2 Giao nhận hàng hóa tận nhà 2.3.3 Đóng gói bao bì/ đóng kiện hàng hóa 2.3.4 Bảo hiểm hàng hóa	3	1	1	4	7	Đọc TLC 3, chương 6
CHƯƠNG 3. VẬN HÀNH DỊCH VỤ	4	0	2	7	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHÂN PHỐI HÀNG HÓA THIẾT BỊ XUẤT NHẬP KHẨU VÀ NỘI ĐỊA						
3.1 Tổng quan về dịch vụ phân phối hàng hóa thiết bị xuất nhập khẩu và nội địa <i>3.1.1 Định nghĩa về dịch vụ phân phối hàng hóa thiết bị xuất nhập khẩu và nội địa</i> <i>3.1.2 Vai trò của dịch vụ phân phối hàng hóa thiết bị xuất nhập khẩu và nội địa</i>	2	0	0	0	3	Đọc TLC 3, chương 1
3.2 Vận hành dịch vụ giao nhận vận chuyển	1	0	2	0	7	Đọc TLC 3, chương 2,3,4,5
Kiểm tra	0	0	1	1	0	
CHƯƠNG 4 VẬN HÀNH DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN	6	0	2	8	18	
4.1 Tổng quan về dịch vụ vận chuyển <i>4.1.1 Định nghĩa về dịch vụ vận chuyển</i> <i>4.1.2 Vai trò của dịch vụ vận chuyển</i>	2	0	0	2	3	Đọc TLC 2, chương 1 1
4.2 Vận hành dịch vụ vận chuyển container và hàng rời	2	0	1	3	7	Đọc TLC 1, chương 3
4.3 Vận hành dịch vụ vận chuyển hàng hóa quá cảnh	2	0	1	3	8	Đọc TLC 1, chương 2,4,5
CHƯƠNG 5. VẬN HÀNH DỊCH VỤ CUNG CẤP CHO HÃNG TÀU – DỊCH VỤ TẠI CẢNG	8	1	1	10	17	
5.1 Tổng quan về dịch vụ cung cấp cho hãng tàu – dịch vụ tại cảng <i>5.1.1 Khái niệm về dịch vụ cung cấp cho hãng tàu – dịch vụ tại cảng</i> <i>5.1.2 Vai trò của dịch vụ cung cấp cho hãng tàu – dịch vụ tại cảng</i>	2	0	0	3	2	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
5.2 Vận hành dịch vụ đại lý thủ tục cho các hãng tàu	2	0	1	3	5	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
5.3 Vận hành dịch vụ kiểm kiện, gom hàng	2	1	0	3	5	Đọc TLC 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
lễ xuất khẩu và chia hàng lẻ nhập khẩu qua kho CFS <i>5.3.1 Dịch vụ kiểm kiện</i> <i>5.3.2 Gom hàng lẻ xuất khẩu và chia hàng lẻ nhập khẩu qua</i>						Đọc TLC3, chương 10
5.4 Vận hàng dịch vụ cho tàu và thuyền viên khi cập cảng	2	0	0	2	5	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC3, chương 9
Kiểm tra	0	0	1	1	0	
Tổng cộng	34	4	7	45	77	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh doanh Logistics**
 - Tiếng Anh: **Logistics business**
- Mã học phần: KTQU2533
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu biết các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát các hoạt động logistics một cách hệ thống nhằm đạt hiệu quả cao nhất tại các doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng*: vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng và triển khai kế hoạch Logistics cho doanh nghiệp như: xây dựng chiến lược quản lý hệ thống các chuỗi bố trí kho bãi và các điểm kết nối kho bãi, các phương thức vận tải một cách tối ưu nhằm tiết kiệm chi phí và thời gian trong cung ứng hàng hóa; lập kế hoạch, tổ chức, điều hành dịch vụ vận tải đa phương thức cũng như thực hành nghiệp vụ giao nhận vận tải đa phương thức, có khả năng phân tích luồng hàng, xác định nhu cầu khách hàng, qui hoạch trung tâm phân phối và quản trị qui trình phân phối từ trung tâm đến khách hàng.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực logistics; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Logistics là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức...

Môn học nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình chính yếu được tiến hành đúng mục tiêu. Trong sản xuất kinh doanh, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Lê Công Hoa (2012), *Logistics management*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân
2. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), *Logistics, những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Lao Động Xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Hoàng Văn Châu (2009), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

2. Lambert, Douglas M.; Stock, James R. and Ellram, Lisa M. (1998), *Fundamentals of logistics management*, McGraw Hill, United States of America.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN	7			7	14	Đọc TLC (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
VỀ LOGISTICS						(2). Chương 1 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Khái niệm và vai trò của Logistic	1			1	2	
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển Logistics	1			1	2	
1.3. Phân loại hoạt động Logistics	1			1	2	
1.4. Mối quan hệ giữa Logistics-Chuỗi cung ứng	1			1	2	
1.5. Ngành dịch vụ Logistics	1			1	2	
1.6. Các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển hệ thống Logistics quốc gia	2			2	4	
Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT	3		1	4	8	
2.1. Một số khái niệm cơ bản trong quản lý sản xuất 2.1.1. Chu kỳ sản xuất 2.1.2. Khối lượng tại chế phẩm 2.1.3. Thời gian giao hàng	1			1	2	Đọc TLC (1) (2). Chương 2 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Quá trình lập kế hoạch sản xuất 2.2.1. Tính toán sơ bộ	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Lập kế hoạch tổng thể 2.2.3. Lập lịch trình sản xuất chi tiết 2.2.4. Phát đơn hàng/ lệnh sản xuất cho từng bộ phận sản xuất trực tiếp 2.2.5. Giám sát việc thực hiện kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch						
Chương 3. CUNG ỨNG VẬT TƯ	7		2	9	18	Đọc TLC (1) (2). Chương 3 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Xác định nhu cầu vật tư 3.1.1. Xác định nhu cầu vật tư của từng bộ phận thuộc tổ chức/ công ty 3.1.2. Tổng hợp nhu cầu vật tư của toàn thể tổ chức/ công ty 3.1.3. Dự báo nhu cầu vật tư	2			2	4	
3.2. Lựa chọn nhà cung cấp 3.2.1. Phương pháp đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp 3.2.2. Nguồn thông tin về các nhà cung cấp	2			2	4	
3.3. Lập đơn hàng, ký hợp đồng	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
cung ứng						
3.4. Tổ chức thực hiện Đơn đặt hàng/ Hợp đồng cung ứng	1		1	2	4	
3.5. Nhập kho- Bảo quản- Cung cấp cho các bộ phận có nhu cầu	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. VẬN TẢI	8		2	10	20	Đọc TLC (2). Chương 4 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
<i>4.1. Khái quát về vận tải</i>	2			2	4	
<i>4.1.1. Khái niệm về vận tải</i>						
4.1.2. Đặc điểm của vận tải						
4.1.3. Các loại hình vận tải						
4.2. Các đặc trưng của chi phí và giá cước vận chuyển hàng hoá	2			2	4	
4.3. Quyết định điều kiện giao hàng	2		1	3	6	
4.4. Lựa chọn phương thức vận tải	2		1	3	6	
Chương 5. Quản trị các hoạt động hỗ trợ	6		1	7	14	Đọc TLC (1) Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của
5.1. Quản trị mua hàng trong các doanh nghiệp	2			2	4	
5.1.2 Nghiên cứu và chọn nhà						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
cung ứng 5.1.3 Quá trình nghiệp vụ mua						giảng viên
5.2. Quản trị kho 5.2.1. Khái niệm, vai trò và chức năng kho 5.2.2 hệ thống bảo quản và các loại kho hàng hóa 5.2.3 Các quyết định cơ bản của quản trị kho và quá trình nghiệp vụ kho	2			2	4	
5.3. Quản lý hàng dự trữ 5.3.1 Khái niệm và phân loại dự trữ 5.3.2. Các mô hình quản trị dự trữ 5.3.3 quản lý tổng hợp hàng dự trữ	2		1	3	6	
Chương 6: Tổ chức và kiểm soát Logistics	5		1	6	12	Đọc TLC (2). Chương 1 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Tổ chức Logistics	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2 Kiểm soát hoạt động Logistics 6.3.1. Mô hình kiểm soát Logistics 6.3.2. Các hệ thống kiểm soát Logistics	2			2	4	
6.3. Các chỉ tiêu đo lường kết quả hoạt động Logistics	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	0	9	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Logistics Quốc tế**
 - Tiếng Anh: **International Logistics**
- Mã học phần: KTKH2505
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 7 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 7 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần Logistics quốc tế, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Khái quát được về logistics quốc tế và giải thích được vai trò của logistics quốc tế, quản lý chuỗi cung ứng quốc tế trong hoạt động thương mại toàn cầu; phân loại được các hình thức vận tải quốc tế, vấn đề đóng gói, bảo hiểm, thủ tục hải quan và an ninh trong hoạt động logistics quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Vận dụng cơ sở lý thuyết về logistics quốc tế để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát hoạt động logistics quốc tế một cách hệ thống nhằm đạt hiệu quả cao nhất tại doanh nghiệp và tiếp cận thị trường quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động logistics quốc tế.

+ *Kỹ năng tư duy:* Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề logistics trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần Logistics quốc tế bao gồm 6 chương, giới thiệu về các nghiệp vụ vận tải quốc tế, quy cách đóng gói hàng hoá vận tải quốc tế, bảo hiểm trong ngoại thương, thủ tục hải quan và an ninh logistics quốc tế; đồng thời, nhấn mạnh vai trò của logistics quốc tế và quản lý chuỗi cung ứng. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về Logistics quốc tế: giới thiệu chung về khái niệm, đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu Logistics quốc tế; trình bày những vấn đề cơ bản về Logistics quốc tế như lịch sử phát triển, đặc điểm, tầm quan trọng và cơ sở hạ tầng logistics quốc tế.

Chương 2. Các nghiệp vụ vận tải quốc tế: nghiên cứu các nghiệp vụ vận tải quốc tế bao gồm nghiệp vụ vận tải đường biển, vận tải đường hàng không, vận tải đường bộ và vận tải đa phương thức.

Chương 3. Đóng gói: giới thiệu những kiến thức về đóng gói hàng vận tải đường biển, đường hàng không, đường bộ và đóng gói cho một số loại hàng hoá khác.

Chương 4. Bảo hiểm: giới thiệu những kiến thức cơ bản về bảo hiểm trong hoạt động logistics quốc tế, các rủi ro và phương thức bảo hiểm, nghiệp vụ bảo hiểm hàng vận chuyển.

Chương 5. Thủ tục hải quan và an ninh logistics quốc tế: nghiên cứu quy trình thực hiện thủ tục hải quan và làm rõ một số nguy cơ an ninh, tác động của sự bất ổn an ninh và kiến nghị nhằm củng cố an ninh logistics quốc tế.

Chương 6. Logistics quốc tế - Cơ hội và thách thức: giới thiệu những kiến thức về thông tin liên lạc, hệ thống đo lường, độ nhạy văn hoá và một số lời khuyên trong hoạt động logistics quốc tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. GS.TS. Hoàng Văn Châu (2009), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, NXB Thông tin và Truyền thông.

2. TS. Trịnh Thị Thu Hương (2011), *Giáo trình vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương*, NXB Thông tin và Truyền thông.

3. Pierre A. David, Richard D. Stewart (2018), *International Logistics: The Management of International Trade Operations, 5th edition*, Cicero Books LLC.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS. Nguyễn Như Tiến (2011), *Giáo trình Vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

2. TS Đỗ Quốc Dũng, ThS Trần Hoàng Giang, ThS Nguyễn Thành Long (2015), *Giao nhận vận tải và bảo hiểm*, NXB Tài chính.

3. GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, ThS Kim Ngọc Đạt (2010), *Giáo trình Logistics – Những vấn đề cơ bản*, NXB Lao động – Xã hội, 2010.

4. PGS.TS. Hoàng Trần Hậu & PGS.TS Nguyễn Thị Thương Huyền (2011), *Giáo trình Hải quan cơ bản*, NXB Tài chính.

5. PGS.TS Từ Sỹ Sùa (2018), *Quản lý Logistics quốc tế*, NXB Giao thông vận tải.

6. GS.TS Đặng Đình Đào, PGS.TS Tạ Lợi, TS Nguyễn Minh Sơn, TS Đặng Thị Thuý Hồng, *Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, NXB Dân trí.

7. GS.TS Đặng Đình Đào, TS Vũ Thị Minh Loan, TS Nguyễn Minh Ngọc, TS Đặng Thu Hương, ThS, Phạm Thị Minh Thảo (2011), *Logistics: Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

8. GS.TS Đặng Đình Đào, TS Trần Chí Thiện, TS Nguyễn Đình Hiền (2011), *Xây dựng và phát triển hệ thống logistics quốc gia theo hướng bền vững ở nước ta*, NXB Lao động-Xã hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ LOGISTICS QUỐC TẾ	3		1	4	8	
1.1 Giới thiệu môn học Logistics quốc tế <i>1.1.1 Khái niệm và vị trí môn học</i> <i>1.1.2 Đối tượng, phương pháp và phạm vi nghiên cứu môn học</i> <i>1.1.3 Nhiệm vụ và nội dung môn học</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 2 Đọc TLĐT 3, chương 1, 2.
1.2 Giới thiệu về Logistics quốc tế <i>1.2.1. Lịch sử phát triển</i> <i>1.2.2 Logistics quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng quốc tế</i> <i>1.2.3 Các đặc điểm của logistics quốc tế</i> <i>1.2.4 Tầm quan trọng của logistics quốc tế</i> <i>1.2.5 Cơ sở hạ tầng logistics quốc tế</i>	2		1	3	6	
CHƯƠNG 2. CÁC NGHIỆP VỤ VẬN TẢI QUỐC TẾ	7	4	4	15	30	
2.1 Vận tải đường biển <i>2.1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò, khung pháp lý</i> <i>2.1.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật</i> <i>2.1.3 Các phương thức thuê tàu</i> <i>2.1.4 Một số vấn đề về nghiệp vụ</i>	2	1	1	4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 2.
2.2 Vận tải đường hàng không <i>2.2.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò, khung pháp lý</i> <i>2.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật</i> <i>2.2.3 Một số vấn đề về nghiệp vụ</i>	1,5	1	1	3,5	7	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4.
2.3 Vận tải đường bộ <i>2.3.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò, khung pháp lý</i>	1,5	1	1	3,5	7	Đọc TLC 1, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật 2.3.3 Một số vấn đề về nghiệp vụ						Đọc TLĐT 1, chương 5.
2.4. Vận tải đa phương thức 2.4.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò, khung pháp lý 2.4.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật 2.4.3 Một số vấn đề về nghiệp vụ	2	1	1	4	8	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 3. ĐÓNG GÓI	6	2		8	16	
3.1 Giới thiệu chung về đóng gói	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 14
3.2 Đóng gói hàng vận tải đường biển 3.2.1 Hàng nguyên container 3.2.2 Hàng lẻ 3.2.3 Hàng rời/hàng đóng 3.2.4 Ký mã hiệu	1	0,5		1,5	3	
3.3. Đóng gói hàng vận tải đường hàng không 3.3.1 Hàng hoá 3.3.2 Vật liệu đóng gói 3.3.3 Ký mã hiệu	1	0,5		1,5	3	
3.4. Đóng gói hàng vận tải đường bộ 3.4.1 Hàng hoá 3.4.2 Vật liệu đóng gói 3.4.3 Ký mã hiệu	1	0,5		1,5	3	
3.5. Đóng gói cho một số loại hàng hoá khác 3.5.1 Hàng nguy hiểm 3.5.2 Hàng đông lạnh 3.5.3 Hàng bán lẻ nội địa	1	0,5		1,5	3	
3.6 Đóng gói – một phương thức marketing	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 4. BẢO HIỂM	6	1		7	14	
4.1 Giới thiệu chung về bảo hiểm trong hoạt động logistics quốc tế <i>4.1.1 Khái niệm</i> <i>4.1.2 Bản chất</i> <i>4.1.3. Đối tượng</i> <i>4.1.4. Hệ thống các tổ chức bảo hiểm</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 6; Đọc TLC 3, chương 10
4.2 Các rủi ro và phương thức bảo hiểm	2	0,5		2,5	5	Đọc TLĐT 2, phần 2
4.3 Nghiệp vụ bảo hiểm hàng vận chuyển	2	0,5		2,5	5	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. THỦ TỤC HẢI QUAN VÀ AN NINH LOGISTICS QUỐC TẾ	4		1	5	10	
5.1 Quy trình thực hiện thủ tục hải quan <i>5.1.1 Quy trình chung</i> <i>5.1.2 Môi giới hải quan</i> <i>5.1.3 Yêu cầu về thuế, phí</i> <i>5.1.4. Yêu cầu về chứng từ</i> <i>5.1.5 Yêu cầu về ký mã hiệu</i> <i>5.1.6 Một số yêu cầu khác</i> <i>5.1.7 Những tồn tại của quy trình</i>	2		0,5	2,5	5	Đọc TLC 3, chương 16, 17; Đọc TLĐT 4, chương 2,3,6
5.2 An ninh logistics quốc tế <i>5.2.1 Một số nguy cơ an ninh trong hoạt động logistics quốc tế</i> <i>5.2.2 Tác động của sự bất ổn an ninh trong hoạt động logistics quốc tế</i> <i>5.2.3 Đề xuất và kiến nghị nhằm củng cố an ninh logistics quốc tế</i>	2		0,5	2,5	5	Đọc TLC 3, chương 16

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 6. LOGISTICS QUỐC TẾ - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC	3		1	4	8	
6.1 Thông tin liên lạc	0,5			0,5	1	Đọc TLC 3, chương 20; Đọc TLĐT 6, chương 2,5
6.2 Ngoại ngữ	0,5			0,5	1	
6.3 Hệ thống đo lường	0,5			0,5	1	
6.4 Độ nhạy văn hoá	0,5			0,5	1	
6.5 Một số lời khuyên <i>6.5.1 Về điều khoản và đồng tiền thanh toán</i> <i>6.5.2 Điều khoản thương mại</i> <i>6.5.3 Bộ chứng từ</i> <i>6.5.4 Đóng gói</i>	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	29	7	9	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Vận tải đa phương tiện**
 - Tiếng Anh: **Multimodal transport**
- Mã học phần: KTKH2506
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh doanh quốc tế
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
 - Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vận tải đa phương tiện; cơ sở pháp lý và tổ chức vận tải đa phương tiện; cơ sở vật chất phục vụ vận tải đa phương tiện; các mô hình vận tải đa phương tiện và vận tải đa phương tiện tại Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được vận tải đa phương tiện là gì; có khả năng liên hệ cho các học phần sau.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra phương thức hợp lý về công tác vận chuyển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.

+ Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic

+ Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh

+ Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu về vận tải đa phương tiện

+ Hiểu được tầm quan trọng của các phương thức vận tải đối với sự phát triển của nền kinh tế

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về vận tải đa phương tiện; cơ sở pháp lý quốc tế và Việt Nam về vận tải đa phương tiện; tổ chức vận tải đa phương tiện; cơ sở vật vât kỹ thuật bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng, phương tiện và hệ thống thông tin quản lý phục vụ vận tải đa phương tiện; nghiên cứu về các mô hình vận tải đa phương tiện. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu thực tiễn hoạt động vận tải đa phương tiện tại Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Nguyễn Như Tiến (2011), *Giáo trình vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, NXB Khoa học kỹ thuật.

2. TS Trần Nguyễn Hợp Châu (2018), *Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.TS Hoàng Văn Châu (2009), *Logistics và vận tải quốc tế*, NXB Thông tin và truyền thông

2. TS. Trịnh Thị Thu Hương (2011), *Giáo trình vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương*, NXB Thông tin và truyền thông

3. Slim Hammadi, Mekki Ksouri (2014), *Multimodal transport systems*, ISTE Wiley

4. Marian Hoeks (2010), *Multimodal Transport Law: The Law Applicable to Multimodal Contract for the Carriage of Goods*, Kluwer Law International

5. Bộ công Thương (2017), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2017*

6. Bộ công thương (2018), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2018*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Tập trung nghe giảng và tham gia các hoạt động trên lớp;
- Làm tất cả các bài kiểm tra;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG TIỆN VÀ MUA BÁN QUỐC TẾ	4,5			4,5	9	
1.1. Khái quát về vận tải đa phương tiện <i>1.1.1. Khái niệm về vận tải đa phương tiện</i> <i>1.1.2. Đặc điểm của vận tải đa phương tiện</i> <i>1.1.3. Phân loại vận tải đa phương tiện</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,7; Đọc TLC 2, chương 1,5.
1.2. Vận tải đa phương tiện với mua bán quốc tế <i>1.2.1. Mối quan hệ giữa vận tải đa phương tiện với mua bán quốc tế</i> <i>1.2.2. Tác dụng của vận tải đa phương tiện với mua bán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,7; Đọc TLC 2, chương 1,5.
1.3. Phân chia trách nhiệm vận tải đa phương tiện trong mua bán quốc tế <i>1.3.1. Cơ sở phân chia trách nhiệm vận tải đa phương tiện</i> <i>1.3.2. Quyền vận tải</i> <i>1.3.3. Ý nghĩa của việc giành quyền vận tải</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,7; Đọc TLC 2, chương 1,5.
1.4. Incoterms với các phương tiện vận tải	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của vận tải đa phương tiện	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TỔ CHỨC VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG TIỆN	6,5			6,5	13	
2.1. Cơ sở pháp lý vận tải đa phương tiện <i>2.1.1. Công ước quốc tế liên quan đến vận tải đa phương tiện</i> <i>2.1.2. Quy định pháp luật Việt Nam về vận tải đa phương tiện</i> <i>2.1.3. Áp dụng các quy định pháp lý trong tổ chức vận tải đa phương tiện</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5.
2.2. Tổ chức vận tải đa phương tiện <i>2.2.1. Người kinh doanh vận tải đa phương thức</i> <i>2.2.2. Trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức</i> <i>2.2.3. Thông báo tổn thất và khiếu nại người kinh doanh vận tải đa phương thức</i> <i>2.2.4. Chứng từ vận tải đa phương thức</i> <i>2.2.5. Vận tải đa phương thức theo quy định trong Incoterms và UCP</i>	3,5			3,5	7	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5.
Chương 3. CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ	10		2	12	24	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
THUẬT PHỤC VỤ VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG TIỆN						
3.1. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải đa phương tiện <i>3.1.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật của vận tải đường biển</i> <i>3.1.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật của vận tải đường bộ</i> <i>3.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật của vận tải đường sắt</i> <i>3.1.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật của vận tải đường hàng không</i>	3		1	4	8	Đọc TLC 1, chương 3,4,5; Sinh viên tiến hành thảo luận
3.2. Phương tiện phục vụ vận tải đa phương tiện <i>3.2.1. Vận tải bằng ô tô</i> <i>3.2.2. Vận tải bằng tàu hoả</i> <i>3.2.3. Vận tải bằng tàu biển</i> <i>3.2.4. Vận tải bằng máy bay</i>	3		1	4	8	Đọc TLC 1, chương 3,4,5; Sinh viên tiến hành thảo luận
3.3. Hệ thống quản lý thông tin phục vụ vận tải đa phương tiện <i>3.3.1. Hệ thống quản lý thông tin đường biển</i> <i>3.3.2. Hệ thống quản lý thông tin đường bộ</i> <i>3.3.1. Hệ thống quản lý thông tin đường sắt</i> <i>3.3.1. Hệ thống quản lý thông tin đường hàng không</i>	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 3,4,5; Sinh viên tiến hành thảo luận
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CÁC MÔ HÌNH TỔ CHỨC	9		2	11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG TIỆN						
4.1. Mô hình Land – Sea – Land	2		1	3	6	Đọc TLC 1, chương 3,4,5; Sinh viên tiến hành thảo luận
4.2. Mô hình cầu lục địa	2		1	3	6	Đọc TLC 1, chương 3,4,5; Sinh viên tiến hành thảo luận
4.3. Các mô hình phối hợp khác	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3,4,5; Sinh viên tiến hành thảo luận
4.4. Xây dựng phương án tổ chức vận tải đa phương thức	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3,4,5; Sinh viên tiến hành thảo luận
4.5. Đánh giá chi phí phương án tổ chức vận tải đa phương thức	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3,4,5; Sinh viên tiến hành thảo luận
Chương 5. VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM	3		6	9	18	
5.1. Sự ra đời và phát triển vận tải đa phương tiện tại Việt Nam	1		2	3	6	Sinh viên tiến hành thảo luận.
5.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật vận tải đa	1		2	3	6	Sinh viên tiến

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phương tiện tại Việt Nam						hành thảo luận.
5.3. Cơ sở pháp lý cho vận tải đa phương tiện tại Việt Nam	1		2	3	6	Sinh viên tiến hành thảo luận.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33		12	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị mua hàng toàn cầu**
 - Tiếng Anh: **Global Purchasing Management**
- Mã học phần: KTKH2507
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng, Kinh doanh quốc tế.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 8 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 8 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần Quản trị mua hàng toàn cầu, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu rõ vai trò của quản trị mua hàng toàn cầu trong một chuỗi cung ứng; nắm được cách phát triển cấu trúc tổ chức bộ phận mua hàng chiến lược; hiểu được tầm quan trọng và phương thức áp dụng hệ thống thông tin trong quy trình quản trị mua hàng toàn cầu; quản lý chi phí mua hàng tổng thể, kiểm soát chất lượng dịch vụ mua hàng, quản trị quan hệ với nhà cung ứng và phát triển nhà cung cấp chiến lược.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Vận dụng kiến thức cơ bản về quản trị mua hàng toàn cầu để tổ chức bộ phận thu mua với cấu trúc và quy trình thích hợp với hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng và thực hiện chính sách mua hàng toàn cầu, hướng dẫn quản lý hợp đồng, quy trình và thủ tục; có kỹ năng đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán về hợp đồng và phát triển các nhà cung cấp chiến lược; phân tích và đánh giá các xu hướng giá cả bên ngoài và sản phẩm mới để xác định các cơ hội giảm chi phí mua hàng tổng thể.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động mua hàng toàn cầu.

+ *Kỹ năng tư duy:* Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề liên quan đến mua hàng trong bối cảnh toàn cầu hoá.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương tập trung phát triển kỹ năng mua hàng chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ bản về vai trò, trách nhiệm và yếu tố cốt lõi, giá trị của mua hàng toàn cầu mang lại cho tổ chức, cách thức xây dựng và thực hiện chính sách và quy trình mua hàng. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về chuỗi cung ứng và mua hàng toàn cầu: giới thiệu những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng bao gồm cấu trúc, mục tiêu và chiến lược

chuỗi cung ứng; khái niệm, vai trò và trách nhiệm của mua hàng toàn cầu; nội dung và phương pháp nghiên cứu quản trị mua hàng toàn cầu.

Chương 2. Chiến lược mua hàng toàn cầu: giới thiệu những kiến thức về quản trị và phân tích chiến lược mua hàng toàn cầu, mô hình quy trình mua hàng toàn cầu và chuỗi cung ứng chiến lược.

Chương 3. Xây dựng và quản lý quan hệ với nhà cung cấp: giới thiệu những kiến thức về lựa chọn nhà cung cấp, hình thành, duy trì và cân nhắc mối quan hệ với nhà cung cấp trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

Chương 4. Đàm phán và thương lượng hợp đồng mua hàng: giới thiệu những kiến thức về hợp đồng và quản lý hợp đồng mua hàng quốc tế; phương pháp, các nhân tố ảnh hưởng và đạo đức đàm phán.

Chương 5. Quản lý giá mua và chi phí sử dụng lâu dài: giới thiệu những kiến thức về giá và giá chiến lược, cách tính giá và chi phí; quản lý giá, chi phí trong quá trình mua hàng toàn cầu.

Chương 6. Các xu hướng mới trong mua hàng toàn cầu: phân tích xu hướng mua hàng điện tử, cơ hội và thách thức mua hàng toàn cầu, đạo đức nghề nghiệp và chiến lược cung ứng bền vững.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, ThS Kim Ngọc Đạt (2016), *Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu*, NXB Kinh tế TP.HCM.

2. PGS.TS Ngô Kim Thanh (2012), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. TS Nguyễn Thành Hiếu (2015), *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. McGraw-Hill (2013), *Global Procurement & Sourcing*, McGraw-Hill Higher Education.

2. Kenneth Lyons, Brian Farrington (2016), *Procurement and supply chain management, 9th edition*, Trans-Atlantic Publications, Inc.

3. Victor H.Pooler, David J.Pooler, Samuel D.Farney (2004), *Global Purchasing and Supply Management: Fullfill the Vision – Second Edition*, Kluwer Academic Publishers.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>

- Dạy học theo dự án Dạy học thực hành Thu thập số liệu
 Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHUỖI CUNG ỨNG VÀ MUA HÀNG TOÀN CẦU	3		2	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1 Khái quát về chuỗi cung ứng <i>1.1.1 Khái niệm</i> <i>1.1.2 Cấu trúc của chuỗi cung ứng</i> <i>1.1.3 Mục tiêu của chuỗi cung ứng</i> <i>1.1.4 Chiến lược chuỗi cung ứng</i>	1		1	2	4	
1.2 Khái quát về mua hàng toàn cầu <i>1.2.1 Khái niệm mua hàng toàn cầu</i> <i>1.2.2 Vai trò, trách nhiệm và mục tiêu của mua hàng toàn cầu</i>	1,5		1	2,5	5	Đọc TLĐT 2, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.3 Giới thiệu môn học Quản trị mua hàng toàn cầu <i>1.3.1 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</i> <i>1.3.2 Nội dung</i>	0,5			0,5	1	
CHƯƠNG 2. CHIẾN LƯỢC MUA HÀNG TOÀN CẦU	7	2	1	10	20	
2.1 Khái niệm và cấp độ của chiến lược tổ chức <i>2.1.1 Chiến lược là gì?</i> <i>2.1.2 Cấp độ của chiến lược tổ chức</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 2, chương 2
2.2. Quản trị và phân tích chiến lược mua hàng toàn cầu <i>2.2.1 Các yếu tố môi trường quan trọng</i> <i>2.2.2 Giám sát nội bộ</i> <i>2.2.3 Xây dựng chiến lược</i> <i>2.2.4 Đánh giá các chiến lược thay thế</i> <i>2.2.5 Thực hiện chiến lược</i> <i>2.2.6 Kiểm soát và đánh giá sau thực hiện</i>	4	1	1	6	12	Đọc TLĐT 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3 Mô hình quy trình mua hàng toàn cầu và chuỗi cung ứng chiến lược <i>2.2.1 Mô hình quy trình mua hàng toàn cầu</i> <i>2.2.2 Chuỗi cung ứng chiến lược</i>	2	1		3	6	Đọc TLĐT 2, chương 2
CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ QUAN HỆ VỚI NHÀ CUNG CẤP	4	2	2	8	16	
3.1 Xây dựng quan hệ với nhà cung cấp <i>3.1.1 Lựa chọn nhà cung cấp</i> <i>3.1.2 Hình thành quan hệ với nhà cung cấp</i>	2	1		3	6	Đọc TLĐT 2, chương 6
3.2 Quản lý quan hệ với nhà cung cấp <i>3.2.1 Mô hình quan hệ với nhà cung cấp</i> <i>3.2.2 Cân nhắc thực tế về quản lý quan hệ nhà cung cấp</i> <i>3.2.3 Việc chấm dứt các mối quan hệ</i> <i>3.2.4 Rủi ro mối quan hệ trong dự án</i>	2	1	2	5	10	Đọc TLĐT 2, chương 6
CHƯƠNG 4. ĐÀM PHÁN VÀ THƯƠNG LƯỢNG HỢP ĐỒNG MUA HÀNG	6	2	2	10	20	
4.1 Hợp đồng và quản lý hợp đồng mua hàng toàn cầu <i>4.1.1 Hợp đồng mua bán hàng hoá</i> <i>4.1.2 Hợp đồng cung ứng dịch vụ</i> <i>4.1.3 Soạn thảo chi tiết các điều khoản hợp đồng</i> <i>4.1.4 Quản lý thực hiện hợp đồng</i>	3	2		5	10	Đọc TLĐT 2, chương 7, 15

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.5 Quyền chấm dứt hợp đồng 4.1.6 Mẫu hợp đồng tiêu chuẩn						
4.2 Đàm phán mua hàng toàn cầu 4.2.1 Khái niệm về đàm phán 4.2.2 Phương pháp đàm phán 4.2.3 Các yếu tố trong đàm phán 4.2.4 Quá trình đàm phán 4.2.5 Đạo đức đàm phán	3		2	5	10	Đọc TLĐT 2, chương 14
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ GIÁ MUA VÀ CHI PHÍ SỬ DỤNG LÂU DÀI	4	2		6	12	
5.1 Khái niệm và vai trò của quản lý giá trong mua hàng quốc tế 5.1.1 Giá và giá chiến lược 5.1.2 Vai trò của quản lý giá	1			1	2	Đọc TLĐT 2, chương 7
5.2 Quản lý giá mua và chi phí sử dụng lâu dài 5.2.1 Quyết định giá của nhà cung cấp 5.2.2 Phân tích giá và chi phí 5.2.3 Công thức biến đổi giá	3	2		5	10	Đọc TLĐT 2, chương 7
CHƯƠNG 6. CÁC XU HƯỚNG MỚI TRONG MUA HÀNG TOÀN CẦU	3		1	4	8	
6.1 E-sourcing: ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động mua hàng toàn cầu	3		1	4	8	Đọc TLĐT 3, chương 20
6.2 Xu hướng và thách thức của mua hàng						Đọc TLĐT 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
toàn cầu 6.2.1 Xu hướng mua hàng toàn cầu 6.2.2 Thách thức của mua hàng toàn cầu 6.3 Đạo đức nghề nghiệp và chiến lược cung ứng bền vững 6.3.1 Đạo đức nghề nghiệp 6.3.2 Chiến lược cung ứng bền vững						chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	27	8	10	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh doanh quốc tế**
 - Tiếng Anh: **International Business**
- Mã học phần: KTKH2508
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 6 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 9 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần Kinh doanh quốc tế, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, nhận thức được những động lực kinh doanh quốc tế của các công ty trong bối cảnh toàn cầu hoá, hiểu được bản chất và tác động của các rào cản thương mại, chính trị, luật pháp và văn hoá đối với hoạt động kinh doanh quốc tế, đồng thời nắm vững quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế để phân tích, giải quyết các vấn đề thực tế không những của các công ty trong nước khi thâm nhập vào thị trường nước ngoài mà còn của các công ty nước ngoài vào thị trường Việt Nam hay trên toàn thế giới.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả, ra quyết định; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ *Kỹ năng tư duy*: Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong kinh doanh quốc tế; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương trình bày những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế, ảnh hưởng của môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu đến kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế và các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về kinh doanh quốc tế: giới thiệu khái quát về kinh doanh quốc tế, các hoạt động kinh doanh quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hoá.

Chương 2. Sự khác biệt trong môi trường kinh doanh quốc gia: giới thiệu những kiến thức cơ bản về môi trường kinh tế, môi trường chính trị - luật pháp, môi trường văn hoá quốc tế ảnh hưởng đến kinh doanh quốc tế.

Chương 3. Môi trường thương mại và đầu tư quốc tế: giới thiệu những kiến thức cơ bản về thương mại và đầu tư quốc tế, trình bày một số lý thuyết thương mại và đầu tư quốc tế, sự can thiệp của chính phủ vào thương mại và đầu tư quốc tế.

Chương 4. Công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu: trình bày khái niệm, đặc điểm và ảnh hưởng của các công ty đa quốc gia; chiến lược kinh doanh toàn cầu và các quyết định khi kinh doanh quốc tế.

Chương 5. Các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế: giới thiệu những kiến thức chung về thâm nhập thị trường nước ngoài, các phương thức và cách thức lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường quốc tế.

Chương 6. Quản trị tại doanh nghiệp kinh doanh quốc tế: giới thiệu những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, quản trị marketing quốc tế, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính quốc tế trong doanh nghiệp kinh doanh quốc tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Tạ Lợi, PGS.TS Nguyễn Thị Hường (2017), *Giáo trình kinh doanh quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. TS. Phạm Thị Hồng Yến (2012), *Giáo trình kinh doanh quốc tế*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Phạm Duy Liên (2012), *Giáo trình giao dịch thương mại quốc tế*, NXB Thống kê.

2. PGS. TS Hà Nam Khánh Giao (2014), *Giáo trình cao học Quản trị kinh doanh quốc tế*, NXB Tổng hợp TPHCM.

3. PGS.TS Nguyễn Thừa Lộc, PGS.TS Trần Văn Bảo (2016), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. GS.TS Đỗ Đức Bình, PGS.TS Ngô Thị Tuyết Mai (2012), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.

- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH QUỐC TẾ	3			3	6	
1.1 Khái quát về kinh doanh quốc tế 1.1.1 Khái niệm kinh doanh quốc tế 1.1.2 Phạm vi, đặc điểm của hoạt động kinh doanh quốc tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương mở đầu; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2 Xu hướng toàn cầu hoá trong kinh doanh quốc tế</p> <p><i>1.2.1 Khái niệm toàn cầu hoá</i></p> <p><i>1.2.2 Nội dung, tác động của toàn cầu hoá</i></p> <p><i>1.2.3 Động lực thúc đẩy và triển vọng phát triển toàn cầu hoá</i></p>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương mở đầu; Đọc TLĐT 4 chương 1
<p>1.3 Đối tượng và nội dung nghiên cứu của môn học kinh doanh quốc tế</p> <p><i>1.3.1 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</i></p> <p><i>1.3.2. Nội dung nghiên cứu</i></p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương mở đầu; Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 2. SỰ KHÁC BIỆT TRONG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH QUỐC GIA	6	3		9	18	
<p>2.1 Môi trường kinh tế</p> <p><i>2.1.1 Tầm quan trọng của nghiên cứu môi trường kinh tế</i></p> <p><i>2.1.2 Phân tích môi trường kinh tế</i></p> <p><i>2.1.3 Các chỉ số đánh giá môi trường kinh tế</i></p>	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 2
<p>2.2 Môi trường chính trị - luật pháp</p> <p><i>2.2.1 Các hệ thống chính trị thế giới</i></p> <p><i>2.2.2 Hệ thống pháp luật</i></p> <p><i>2.2.3 Tác động của hệ thống chính trị và pháp luật quốc tế đến kinh doanh quốc tế</i></p>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2
<p>2.3. Môi trường văn hoá</p> <p><i>2.3.1 Khái niệm và sự cần thiết phải nghiên cứu vấn đề văn hoá trong kinh doanh</i></p>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>quốc tế</i> 2.3.2 Tác động của văn hoá đến kinh doanh quốc tế 2.3.3 Các thành tố của văn hoá 2.3.4 Phân loại các nền văn hoá 2.3.5 Vượt qua khác biệt văn hoá để thành công trong kinh doanh quốc tế						chương 2
CHƯƠNG 3. MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ	4	2		6	12	
3.1 Thương mại quốc tế 3.1.1 Tổng quan về thương mại quốc tế 3.1.2 Một số lý thuyết về thương mại quốc tế 3.1.3 Can thiệp của chính phủ vào thương mại quốc tế	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLĐT 4, chương 3,4
3.2 Đầu tư trực tiếp nước ngoài 3.2.1 Đầu tư nước ngoài và đầu tư trực tiếp nước ngoài 3.2.2 Một số lý thuyết về đầu tư trực tiếp nước ngoài 3.2.3 Sự can thiệp của chính phủ đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3 Đọc TLĐT 4, chương 5.
CHƯƠNG 4. CÔNG TY ĐA QUỐC GIA VÀ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH TOÀN CẦU	5	1	2	8	16	
4.1 Công ty đa quốc gia 4.1.1 Khái niệm công ty đa quốc gia 4.1.2 Đặc điểm và lợi thế của các công ty	2		1	3	6	Đọc TLĐT 1, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>đa quốc gia</i></p> <p>4.1.3 Vai trò của các công ty đa quốc gia đối với việc di chuyển các nguồn lực quốc tế</p> <p>4.1.4 Tác động của các công ty đa quốc gia đến các quốc gia trên thế giới</p>						
<p>4.2 Chiến lược và cấu trúc tổ chức của các công ty kinh doanh quốc tế</p> <p>4.2.1 Chiến lược kinh doanh quốc tế</p> <p>4.2.2 Cấu trúc tổ chức của các công ty kinh doanh quốc tế</p>	3	1	1	5	10	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2 chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. CÁC PHƯƠNG THỨC THÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ	4		3	7	14	
<p>5.1 Thâm nhập thị trường quốc tế</p> <p>5.1.1 Các nhân tố và định hướng thúc đẩy thâm nhập thị trường quốc tế</p> <p>5.1.2 Các giai đoạn thâm nhập thị trường quốc tế</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 5
<p>5.2 Các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế</p> <p>5.2.1 Phương thức thâm nhập qua xuất khẩu và buôn bán đối lưu</p> <p>5.2.2 Phương thức thâm nhập thông qua hợp đồng</p> <p>5.2.3 Phương thức thâm nhập thị trường thông qua đầu tư</p>	2		2	4	8	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 5
5.3 Lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường quốc tế	1		1	3	6	Đọc TLC 1, chương 9;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.3.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế</p> <p>5.3.2 Cách thức và quy trình lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường quốc tế</p>						Đọc TLC 2, chương 5
CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP KINH DOANH QUỐC TẾ	6		4	10		
<p>6.1 Quản trị chuỗi cung ứng</p> <p>6.1.1 Khái niệm về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng</p> <p>6.1.2 Vai trò của quản trị chuỗi cung ứng đối với doanh nghiệp kinh doanh quốc tế</p> <p>6.1.3 Nội dung của quản trị chuỗi cung ứng đối với doanh nghiệp kinh doanh quốc tế</p>	1,5		1			Đọc TLC 1, chương 11
<p>6.2 Quản trị marketing quốc tế</p> <p>6.2.1 Khái niệm về quản trị marketing quốc tế</p> <p>6.2.2 Vai trò của quản trị marketing quốc tế</p> <p>6.2.3 Nội dung của quản trị marketing quốc tế</p>	1,5		1			Đọc TLC 1, chương 12
<p>6.3 Quản trị nguồn nhân lực</p> <p>6.3.1 Khái niệm và bản chất của quản trị nhân lực trong kinh doanh quốc tế</p> <p>6.3.2 Vai trò của quản trị nhân lực trong kinh doanh quốc tế</p> <p>6.3.2 Nội dung của quản trị nhân lực trong kinh doanh quốc tế</p>	1,5		1			Đọc TLC 1, chương 13
6.4 Quản trị tài chính quốc tế	1,5		1			Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.2.1 Khái niệm về quản trị tài chính quốc tế</p> <p>6.2.2 Vai trò của quản trị tài chính quốc tế</p> <p>6.2.3 Nội dung của quản trị tài chính quốc tế</p>						chương 14
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	28	6	11	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nghiệp vụ Ngoại thương**
 - Tiếng Anh: **Foreign Trade Operation**
- Mã học phần: KTKH2509
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh doanh quốc tế, Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 8 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần Nghiệp vụ Ngoại thương, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được các kiến thức chung về những điều kiện trong giao dịch thương mại quốc tế, hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, quy trình xuất nhập khẩu hàng hoá và các quy định pháp lý có liên quan; qua đó, có cái nhìn tổng quan về hoạt động giao dịch thương mại quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và vận dụng được các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá của một doanh nghiệp bao gồm lựa chọn các phương thức giao dịch, các điều kiện giao dịch, trình tự tiến hành, thủ tục làm việc và các chứng từ liên quan đến việc giao dịch trong ngoại thương.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Có khả năng chuẩn bị đàm phán ký kết hợp đồng, lập hợp đồng và thực hiện hợp đồng (đối nội và đối ngoại) trong giao dịch ngoại thương.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng phân tích, tổng hợp và tư duy khoa học, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

+ Giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương trình bày những vấn đề về nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá như lựa chọn phương thức giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng, trình tự thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, thủ tục tiến hành và các chứng từ liên quan tới giao dịch ngoại thương. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về nghiệp vụ ngoại thương: giới thiệu những kiến thức chung về nghiệp vụ ngoại thương, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu nghiệp vụ ngoại thương.

Chương 2. Các phương thức giao dịch mua bán trên thị trường thế giới: giới thiệu những kiến thức chung về buôn bán thông thường, buôn bán đối lưu, gia công quốc tế và giao dịch tái xuất cùng những phương thức giao dịch khác.

Chương 3. Hợp đồng thương mại quốc tế: khái quát về hợp đồng thương mại quốc tế, điều kiện cơ sở giao hàng và các điều khoản giao dịch trong buôn bán quốc tế.

Chương 4. Thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế: giới thiệu trình tự thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế và những chứng từ trong thương mại quốc tế như chứng từ hàng hoá, vận tải, bảo hiểm, kho hàng và hải quan.

Chương 5. Chuẩn bị giao dịch tiền tới ký kết hợp đồng thương mại quốc tế: giới thiệu những công việc trước giao dịch; quảng cáo và nhãn hiệu trong ngoại thương, hình thức và nghệ thuật đàm phán trong giao dịch ngoại thương.

Chương 6. Nghiệp vụ mua bán, thuê mua thiết bị kỹ thuật và công nghệ: giới thiệu nghiệp vụ nhập khẩu thiết bị toàn bộ, nghiệp vụ mua bán công nghệ và nghiệp vụ thuê và cho thuê thiết bị.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Tạ Lợi (2018), *Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. PGS. Vũ Hữu Tửu (2002), *Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Đoàn Thị Hồng Vân (2005), *Giáo trình Kỹ thuật ngoại thương*, NXB Thống kê.
2. PGS.TS. Phạm Duy Liên, (2012), *Giáo trình Giao dịch thương mại quốc tế*, NXB Thống kê.
3. TS Đỗ Quốc Dũng (2015), *Nghiệp vụ Ngoại thương*, NXB Tài chính.
4. TS Nguyễn Xuân Minh (2011), *Import – Export and International Payment*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
5. TS Nguyễn Xuân Minh (2011), *Hợp đồng xuất nhập khẩu tiếp cận từ khía cạnh pháp lý, nghiệp vụ, ngôn ngữ tiếng Anh*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.

- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG	2	0,5		2,5	5	
1.1 Một số vấn đề chung về nghiệp vụ ngoại thương 1.1.1 Khái niệm và bản chất của nghiệp vụ ngoại thương 1.1.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các nghiệp vụ ngoại thương 1.1.3 Tổng quan các nghiệp vụ ngoại thương trên thế giới 1.1.4 Các văn bản pháp lý hướng dẫn thực hiện các nghiệp vụ ngoại thương	1	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.2 Giới thiệu môn học nghiệp vụ ngoại	1			1	2	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thương <i>1.2.1 Phương pháp nghiên cứu và kết cấu môn học nghiệp vụ ngoại thương</i> <i>1.2.2 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu môn học</i> <i>1.2.3 Nội dung chủ yếu của môn học nghiệp vụ ngoại thương</i>						chương 1
CHƯƠNG 2. CÁC PHƯƠNG THỨC GIAO DỊCH MUA BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI	4		4	8	16	
2.1 Buôn bán thông thường <i>2.1.1 Buôn bán thông thường trực tiếp</i> <i>2.1.2 Giao dịch qua trung gian</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1
2.2 Buôn bán đối lưu <i>2.2.1 Khái niệm</i> <i>2.2.2 Yêu cầu cân bằng</i> <i>2.2.3 Các loại hình buôn bán đối lưu</i> <i>2.2.4 Hợp đồng trong buôn bán đối lưu</i>	2		1	3	6	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1
2.3 Gia công quốc tế và giao dịch tái xuất <i>2.3.1 Gia công quốc tế</i> <i>2.3.2 Giao dịch tái xuất</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1
2.4. Giao dịch tại hội chợ, triển lãm quốc tế và Sở giao dịch hàng hoá <i>2.4.1. Giao dịch tại hội chợ, triển lãm quốc tế</i> <i>2.4.2. Giao dịch tại Sở giao dịch hàng hoá</i>			1	1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1
2.5. Đấu giá, đấu thầu quốc tế <i>2.5.1. Đấu giá quốc tế</i> <i>2.5.2. Đấu thầu quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1
CHƯƠNG 3. HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	7	2	1	10	20	
3.1 Khái quát hợp đồng thương mại quốc tế	3	1		4	8	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1.1 Khái niệm</p> <p>3.1.2 Đặc điểm</p> <p>3.1.3 Điều kiện và hiệu lực của hợp đồng thương mại quốc tế</p> <p>3.1.4 Nội dung chủ yếu của một hợp đồng thương mại quốc tế</p>						<p>chương 9;</p> <p>Độc TLC 2, chương 2</p>
<p>3.2 Điều kiện cơ sở giao hàng</p> <p>3.2.1 Khái niệm</p> <p>3.2.2 Phân loại điều kiện cơ sở giao hàng</p>	1	1	1	3	6	<p>Độc TLC 2, chương 2;</p> <p>Độc TLĐT 1, chương 7,8,9</p>
<p>3.3 Các điều khoản giao dịch trong buôn bán quốc tế</p> <p>3.3.1 Điều khoản tên hàng</p> <p>3.3.2 Điều khoản phẩm chất</p> <p>3.3.3 Điều khoản số lượng</p> <p>3.3.4 Điều khoản bao bì</p> <p>3.3.5 Điều khoản giá cả</p> <p>3.3.6 Điều khoản giao hàng</p> <p>3.3.7 Điều khoản thanh toán</p> <p>3.3.8 Điều khoản khiếu nại</p> <p>3.3.9 Điều khoản bảo hành</p> <p>3.3.10 Điều khoản bất khả kháng</p> <p>3.3.11 Điều khoản trọng tài</p>	3			3	6	<p>Độc TLC 1, chương 9;</p> <p>Độc TLC 2, chương 2;</p> <p>Độc TLĐT 1, chương 7,8,9</p>
CHƯƠNG 4. THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	6	2		8	18	
<p>4.1 Trình tự thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế</p> <p>4.1.1 Xin giấy phép xuất nhập khẩu</p> <p>4.1.2 Chuẩn bị hàng xuất khẩu</p> <p>4.1.3 Kiểm tra hàng xuất nhập khẩu</p> <p>4.1.4 Thuê phương tiện vận tải</p> <p>4.1.5 Mua bảo hiểm</p> <p>4.1.6 Làm thủ tục hải quan</p> <p>4.1.7 Giao nhận hàng với tàu</p>	2			3	6	<p>Độc TLC 1, chương 10;</p> <p>Độc TLC 2, chương 4.</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.8 Làm thủ tục thanh toán 4.1.9 Khiếu nại và giải quyết khiếu nại						
4.2 Nhận chứng từ trong thương mại quốc tế 4.2.1 Chứng từ hàng hoá 4.2.2 Chứng từ vận tải 4.2.3 Chứng từ bảo hiểm 4.2.4 Chứng từ kho hàng 4.2.5 Chứng từ hải quan	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLĐT 1, chương 11.
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. CHUẨN BỊ GIAO DỊCH TIẾN TỚI KÝ HỢP ĐỒNG THƯỜNG MẠI QUỐC TẾ	6		3	9	18	
5.1 Những công việc trước giao dịch 5.1.1 Chuẩn bị giao dịch 5.1.2 Các bước hỏi hàng, chào hàng và đặt hàng 5.1.3 Các phương pháp kiểm tra và tính giá hàng xuất nhập khẩu	2		1	3	6	Đọc TLC 2, chương 3
5.2 Quảng cáo và nhãn hiệu trong ngoại thương 5.2.1 Khái niệm và mục đích quảng cáo 5.2.2 Nội dung và hình thức quảng cáo 5.2.3 Các phương tiện và phương thức quảng cáo 5.2.4 Tổ chức quảng cáo 5.2.5 Nhãn hiệu quảng cáo	2		1	3	6	Đọc TLC 1, chương 6
5.3 Đàm phán trong giao dịch ngoại thương 5.3.1 Khái niệm về đàm phán 5.3.2 Ba giai đoạn đàm phán 5.3.3 Ba hình thức đàm phán 5.3.4 Nghệ thuật đàm phán	2		1	3	6	Đọc TLC 1 chương 8; Đọc TLĐT 1, chương 4,5,6
CHƯƠNG 6. NGHIỆP VỤ MUA BÁN, THUÊ MUA THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ	5	0,5		5,5	11	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>6.1 Nghiệp vụ nhập khẩu thiết bị toàn bộ</p> <p>6.1.1 Khái niệm về thiết bị toàn bộ và tình hình buôn bán thiết bị toàn bộ</p> <p>6.1.2 Các giai đoạn nhập khẩu thiết bị toàn bộ</p> <p>6.1.3 Các phương thức nhập khẩu thiết bị toàn bộ</p> <p>6.1.4 Hợp đồng nhập khẩu thiết bị toàn bộ</p>	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 5
<p>6.2 Nghiệp vụ mua bán công nghệ</p> <p>6.2.1 Công nghệ và mua bán công nghệ</p> <p>6.2.2 Mua bán sáng chế</p> <p>6.2.3 Mua bán dịch vụ kỹ thuật</p>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 5
<p>6.3 Nghiệp vụ thuê và cho thuê thiết bị</p> <p>6.3.1 Khái niệm về thuê và cho thuê thiết bị</p> <p>6.3.2 Các loại hình thuê và cho thuê thiết bị</p> <p>6.3.3 Hợp đồng thuê thiết bị</p>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	30	5	10	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nghiệp vụ Hải quan**
 - Tiếng Anh: **Customs Operation**
- Mã học phần: KTKH2511
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết 30 tiết
 - Bài tập 5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 8 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi học nghiên cứu học phần Nghiệp vụ hải quan, sinh viên nắm được kiến thức liên quan đến nghiệp vụ hải quan như thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan, xác định trị giá hải quan, tính thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác; nắm được các quy định của Việt Nam cũng như các Công ước quốc tế có liên quan đến nghiệp vụ hải quan đang được áp dụng.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và có khả năng vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hải quan làm cơ sở để thực hiện các tác nghiệp như khai báo, làm thủ tục hải quan, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, gia công, viện trợ,... tránh được những sai sót và vi phạm các quy định của pháp luật về Hải quan

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Sinh viên có thể thực hiện chính xác các quy định trong quá trình làm thủ tục hải quan để thông quan hàng hoá xuất nhập khẩu; có khả năng phân tích, phát hiện và giải quyết các vướng mắc còn tồn tại liên quan đến quy trình, thủ tục hải quan hiện nay; soạn thảo được các văn bản khi phân tích, đánh giá về quy định thủ tục hải quan cũng như soạn thảo văn bản theo yêu cầu của bộ hồ sơ khai báo Hải quan; sử dụng thành thạo các công cụ tin học để thực hiện khai báo Hải quan điện tử.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng phân tích, tổng hợp và tư duy khoa học nhằm thực hiện các tác nghiệp trong quy trình thủ tục hải quan, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và tự do hoá thương mại .

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được những nhận định và đánh giá độc lập về các vấn đề thuộc về nghiệp vụ hải quan, đồng thời bảo vệ và tự chịu trách nhiệm trước những đánh giá đó.

+ Định hướng phát triển năng lực bản thân để thích nghi với môi trường làm việc và đáp ứng các yêu cầu công việc có liên quan đến các nghiệp vụ hải quan trong tương lai.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương trình bày khái quát về hải quan Việt Nam và hải quan thế giới, các Công ước quốc tế và Hiệp định về hải quan cũng như kiến thức về nghiệp vụ hải quan. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về hoạt động hải quan: phân tích sự cần thiết khách quan của ngành hải quan, nhiệm vụ chung, sự ra đời, phát triển của Hải quan Việt Nam và các công ước, hiệp định quốc tế về Hải quan

Chương 2. Thuế và trị giá hải quan: giới thiệu những kiến thức về thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và trị giá hải quan.

Chương 3. Xuất xứ hàng hoá và phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu: giới thiệu những kiến thức về xuất xứ hàng hoá và phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu bao gồm khái niệm, vai trò, giấy chứng nhận xuất xứ, thủ tục xác nhận và kiểm tra xuất xứ hàng hoá; nguyên tắc, trách nhiệm phân loại hàng hoá và danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Chương 4. Thủ tục hải quan: giới thiệu khái quát về thủ tục hải quan và quy trình thông quan hàng hoá.

Chương 5. Kiểm tra, giám sát hải quan: giới thiệu những kiến thức về nghiệp vụ kiểm tra hải quan, nghiệp vụ giám sát hải quan, phức tập hồ sơ hải quan, kiểm tra sau thông quan, vi phạm và xử lý vi phạm hành chính trong hải quan.

Chương 6. Nghiệp vụ hải quan điện tử: khái quát về hải quan điện tử và thủ tục hải quan điện tử.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS. Hoàng Trần Hậu & PGS.TS Nguyễn Thị Thương Huyền (2011), *Giáo trình Hải quan cơ bản*, NXB Tài chính.

2. GS.TS Hoàng Đức Thân (2009), *Giáo trình Kinh tế Hải quan – Phần 1*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.TS Hoàng Đức Thân (2009), *Giáo trình Kinh tế Hải quan – Phần 2*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. TS. Nguyễn Thị Thương Huyền (2008), *Kỹ thuật nghiệp vụ Hải quan và xuất nhập khẩu: Lý thuyết và tình huống ứng dụng*, NXB Tài chính.

3. Luật Hải quan 2014.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN	3			3	6	
1.1 Giới thiệu về môn học Nghiệp vụ hải quan <i>1.1.1 Đối tượng nghiên cứu</i> <i>1.1.2 Phạm vi nghiên cứu</i> <i>1.1.3 Phương pháp nghiên cứu</i> <i>1.1.4 Nội dung của môn học</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 2, chương 1.
1.2 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của ngành Hải quan Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.1 Sự cần thiết của ngành hải quan</p> <p>1.2.2 Nhiệm vụ chung của ngành hải quan</p> <p>1.2.3 Sự ra đời và phát triển của Hải quan Việt Nam</p>						Đọc TLC 2, chương 2,3.
<p>1.3 Các công ước, hiệp định quốc tế về Hải quan</p> <p>1.3.1 Công ước Kyoto</p> <p>1.3.2 Công ước quốc tế về hệ thống hài hoà trong mô tả và mã hoá hàng hóa (Công ước HS)</p> <p>1.3.3 Hiệp định trị giá GATT - 1994 về việc xác định trị giá hải quan</p> <p>1.3.4 Hiệp định Hải quan ASEAN</p>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 7, 8;
CHƯƠNG 2. THUẾ VÀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN	7	4		11	22	
<p>2.1 Tổng quan về thuế</p> <p>2.1.1 Khái niệm</p> <p>2.1.2 Đặc điểm và vai trò</p> <p>2.1.3 Phân loại</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 2, chương 4.
<p>2.2. Thuế hải quan</p> <p>2.2.1 Thuế xuất nhập khẩu</p> <p>2.2.2 Thuế giá trị gia tăng</p> <p>2.2.3 Thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>2.2.4 Thuế bảo vệ môi trường</p>	4	2		6	12	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 2, chương 4.
<p>2.3 Trị giá hải quan</p> <p>2.3.1 Khái niệm</p> <p>2.3.2 Phương pháp xác định trị giá hải quan</p>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 3.
CHƯƠNG 3. XUẤT XỨ HÀNG HOÁ VÀ PHÂN LOẠI HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU	7	2		9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,K T	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1 Xuất xứ hàng hoá</p> <p>3.1.1 Khái niệm</p> <p>3.1.2 Vai trò</p> <p>3.1.3 Giấy chứng nhận xuất xứ</p> <p>3.1.4 Thủ tục xác nhận trước xuất xứ hàng hoá nhập khẩu</p> <p>3.1.5 Kiểm tra xuất xứ hàng hoá</p>	3,5	1		4,5	9	Đọc TLC 2, chương 9,10; Đọc TLĐT 2, chương 2.
<p>3.2 Phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu</p> <p>3.2.1 Sự cần thiết của việc phân loại hàng hoá</p> <p>3.2.2 Nguyên tắc phân loại hàng hoá</p> <p>3.2.3 Trách nhiệm của các bên trong phân loại hàng hoá</p> <p>3.2.4 Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam</p> <p>3.2.5 Quy tắc áp mã thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu</p>	3,5	1		4,5	9	Đọc TLĐT 2, chương 1;
CHƯƠNG 4. THỦ TỤC HẢI QUAN	4	1		5	10	
<p>4.1 Khái quát về thủ tục hải quan</p> <p>4.1.1 Khái niệm, vai trò</p> <p>4.1.2 Trách nhiệm làm thủ tục hải quan</p> <p>4.1.3 Tờ khai hải quan</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2,3
<p>4.2 Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu thương mại</p> <p>4.2.1 Đối tượng làm thủ tục hải quan</p> <p>4.2.2 Quyền và nghĩa vụ của các bên</p> <p>4.2.3 Địa điểm làm thủ tục hải quan</p> <p>4.2.4. Thời hạn làm thủ tục hải quan</p> <p>4.2.5. Hồ sơ hải quan</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3 Quy trình thông quan hàng hoá 4.3.1 Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và thông quan đối với hàng hoá được miễn kiểm tra thực tế 4.3.2 Kiểm tra thực tế và thông quan đối với hàng hoá phải kiểm tra thực tế 4.3.4. Thu thuế, lệ phí hải quan 4.3.5 Phúc tập hồ sơ	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN	5	5		10	20	
5.1 Nghiệp vụ kiểm tra hải quan 5.1.1 Khái niệm kiểm tra hải quan 5.1.2 Cơ sở ra quyết định hình thức kiểm tra 5.1.3 Tính chất pháp lý của kiểm tra hải quan 5.1.4 Nguyên tắc thực hiện kiểm tra hải quan 5.1.5 Đối tượng kiểm tra và miễn kiểm tra 5.1.6 Phương pháp kiểm tra hải quan	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4
5.2 Nghiệp vụ giám sát hải quan 5.2.1 Khái niệm giám sát hải quan 5.2.2 Đối tượng giám sát hải quan 5.2.3 Thời gian giám sát hải quan 5.2.4 Nguyên tắc giám sát hải quan 5.2.5 Nội dung giám sát hải quan 5.2.6 Các phương thức giám sát hải quan	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7
5.3 Phúc tập hồ sơ hải quan 5.3.1 Khái niệm phúc tập hồ sơ hải quan 5.3.2 Mục đích phúc tập hồ sơ hải quan 5.3.3 Sự cần thiết của phúc tập hồ sơ hải	1	1		2	4	Đọc TLĐT 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, K T	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>quan</i></p> <p>5.3.4 Yêu cầu của phức tập hồ sơ hải quan</p> <p>5.3.5 Nguyên tắc phức tập hồ sơ hải quan</p> <p>5.3.6 Tính chất pháp lý của phức tập hồ sơ hải quan</p> <p>5.3.7 Đối tượng của phức tập hồ sơ hải quan</p> <p>5.3.8 Thời gian, địa điểm và phương pháp phức tập hồ sơ hải quan</p>						
<p>5.4 Kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.4.1 Khái niệm kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.4.2 Sự cần thiết và vai trò của kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.4.3 Nguyên tắc kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.4.4 Nghĩa vụ và quyền của các bên trong kiểm tra sau thông quan.</p> <p>5.4.5 Tính chất pháp lý của kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.4.6 Đối tượng của kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.4.7 Thời hạn kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.4.8 Phạm vi kiểm tra sau thông quan</p> <p>5.4.9 Nội dung của kiểm tra sau thông quan</p>	1	1		2	4	Đọc TLĐT 3
<p>5.5 Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính trong hải quan</p> <p>5.5.1 Khái niệm về vi phạm và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan</p> <p>5.5.2 Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan</p> <p>5.5.3 Những hành vi bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực hải quan</p> <p>5.5.4 Những hành vi không bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan</p>	1	1		2	4	Đọc TLĐT 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.5.5 Thời hiệu xử phạt 5.5.6 Các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan						
CHƯƠNG 6. NGHIỆP VỤ HẢI QUAN ĐIỆN TỬ	4	1		5	10	
6.1 Khái quát về hải quan điện tử 6.1.1 Khái niệm và một số thuật ngữ liên quan đến hải quan điện tử 6.1.2 Đặc điểm của hải quan điện tử 6.1.3 Vai trò của hải quan điện tử 6.1.4 Điều kiện để xây dựng triển và áp dụng hải quan điện tử 6.1.5 Hệ thống văn bản pháp luật là cơ sở pháp lý cho việc triển khai thủ tục hải quan điện tử 6.1.6 Đối tượng và phạm vi áp dụng của hải quan điện tử.	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 6; Đọc TLĐT 2, chương 5.
6.2 Thủ tục hải quan điện tử 6.2.1 Khái niệm về thủ tục hải quan điện tử 6.2.2 Nguyên tắc tiến hành hải quan điện tử 6.2.3 Quyền của người khai hải quan điện tử 6.2.4 Nghĩa vụ của người khai hải quan điện tử 6.2.5 Thời hạn khai và kiểm tra thông tin khai hải quan điện tử 6.2.6 Thủ tục tiến hành khai hải quan điện tử	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 6; Đọc TLĐT 2, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế**
 - Tiếng Anh: **International freight forwarder operations**
- Mã học phần: KTKH2512
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh doanh quốc tế
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
 - Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế; vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường biển, đường sắt, đường hàng không, đường ô tô, bằng container và vận tải hàng hoá quốc tế bằng đa phương thức; liên hệ giao nhận và vận tải hàng hoá tại Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế là gì; các phương thức được sử dụng; có khả năng liên hệ cho các học phần sau.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra phương thức hợp lý về công tác giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.

+ Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic

+ Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh

+ Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu về vận tải quốc tế

+ Hiểu được tầm quan trọng của các phương thức vận tải đối với sự phát triển của nền kinh tế

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế; lý thuyết về cơ sở pháp lý, nguyên tắc và tổ chức việc giao nhận hàng hoá quốc tế; lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật và các phương thức thuê tàu chuyên chở trong vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường biển; lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật và việc tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường sắt; lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật và việc tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường hàng không, lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật và việc tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường ô tô; lý thuyết về cơ sở vật chất kỹ thuật, việc tổ chức vận tải, dịch vụ gom hàng và hiệu quả kinh tế xã hội của vận tải hàng hoá quốc tế bằng container; lý thuyết về đặc điểm hình thức và việc tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đa phương thức. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu thực tiễn hoạt động giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế tại Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Nguyễn Như Tiển (2011), *Giáo trình vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, NXB Khoa học kỹ thuật.

2. TS Trần Nguyễn Hợp Châu (2018), *Vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.TS Hoàng Văn Châu (2009), *Logistics và vận tải quốc tế*, NXB Thông tin và truyền thông

2. TS. Trịnh Thị Thu Hương (2011), *Giáo trình vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương*, NXB Thông tin và truyền thông

3. Bộ công Thương (2017), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2017*

4. Bộ công thương (2018), *Báo cáo Logistics Việt Nam 2018*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Tập trung nghe giảng và tham gia các hoạt động trên lớp;
- Làm tất cả các bài kiểm tra;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ GIAO NHẬN VÀ VẬN TẢI HÀNG HOÁ QUỐC TẾ	4			4	8	
1.1. Khái quát về giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế <i>1.1.1. Khái niệm giao nhận và người giao nhận hàng hoá quốc tế</i> <i>1.1.2. Khái niệm về vận tải hàng hoá quốc tế</i> <i>1.1.3. Các tổ chức giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế trên thế giới và Việt Nam</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8.
1.2. Phân chia trách nhiệm về giao nhận và vận tải trong mua bán quốc tế <i>1.2.1. Cơ sở phân chia trách nhiệm vận tải</i> <i>1.2.2. Quyền vận tải</i> <i>1.2.3. Ý nghĩa của việc giành quyền vận tải</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,8; Đọc TLC 2, chương 1.
1.3. Incoterms với các phương tiện vận tải	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.4. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của vận tải quốc tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. GIAO NHẬN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ	3		2	5	10	
2.1. Cơ sở pháp lý và nguyên tắc giao nhận hàng hoá quốc tế <i>2.1.1. Cơ sở pháp lý</i> <i>2.1.2. Nguyên tắc giao nhận hàng hoá quốc tế</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 8.
2.2. Tổ chức giao nhận hàng hoá quốc tế	2		1	3	6	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tế 2.2.1. Giao nhận hàng hoá quốc tế bằng đường biển 2.2.2. Giao nhận hàng hoá quốc tế bằng đường hàng không 2.2.3. Giao nhận hàng hoá quốc tế bằng các phương thức vận tải khác						chương 8.
Chương 3. VẬN TẢI HÀNG HOÁ QUỐC TẾ BẰNG ĐƯỜNG BIỂN	4		1	5	10	
3.1. Khái quát về vận tải đường biển 3.1.1. Vị trí, vai trò của vận tải đường biển 3.1.2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của vận tải đường biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2.
3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật của vận tải đường biển 3.2.1. Tuyến đường biển 3.2.2. Cảng biển 3.2.3. Tàu biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2; Sinh viên tiến hành thảo luận.
3.3. Các phương thức thuê tàu chuyên chở bằng đường biển 3.3.1. Phương thức thuê tàu chợ 3.3.2. Phương thức thuê tàu chuyến 3.3.3. Phương thức thuê tàu định hạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2; Sinh viên tiến hành thảo luận.
3.4. Tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường biển 3.4.1. Cơ sở pháp lý của vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường biển 3.4.2. Chứng từ trong vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường biển 3.4.3. Cước phí của quốc tế bằng đường biển	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2; Sinh viên tiến hành thảo luận.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. VẬN TẢI HÀNG HOÁ QUỐC TẾ BẰNG ĐƯỜNG SẮT	3		1	4	8	
4.1. Vị trí, đặc điểm của vận tải đường sắt <i>4.1.1. Vị trí của vận tải đường sắt</i> <i>4.1.2. Đặc điểm của vận tải đường sắt</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3.
4.2. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của đường sắt <i>4.2.1. Tuyến đường sắt</i> <i>4.2.2. Ga đường sắt</i> <i>4.2.3. Tàu máy</i> <i>4.2.4. Toa xe</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3.
4.3. Tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường sắt quốc tế <i>4.3.1. Cơ sở pháp lý</i> <i>4.3.2. vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường sắt theo hiệp định SMGS</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. VẬN TẢI HÀNG HOÁ QUỐC TẾ BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG	4		1	5	10	
5.1. Vị trí, đặc điểm của vận tải hàng không <i>5.1.1. Vị trí của vận tải hàng không</i> <i>5.1.2. Đặc điểm của vận tải hàng không</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.
5.2. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của vận tải hàng không <i>5.2.1. Cảng hàng không</i> <i>5.2.2. Máy bay</i> <i>5.2.3. Thiết bị xếp dỡ, vận tải hàng hoá</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.4. Đơn vị xếp hàng trên máy bay						
5.3. Tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường hàng không 5.3.1. Các tổ chức quốc tế về hàng không 5.3.2. Cơ sở pháp lý của vận tải hàng không 5.3.3. Chứng từ trong vận tải hàng không 5.3.4. Cước phí vận tải hàng không 5.3.5. Trách nhiệm của người vận tải 5.3.6. Khiếu nại và kiện tụng người chuyên chở hàng không	1,5		1	2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3; Sinh viên tiến hành thảo luận.
Chương 6. VẬN TẢI HÀNG HOÁ QUỐC TẾ BẰNG ĐƯỜNG Ô TÔ	4		1	5	10	
6.1. Khái quát về vận tải ô tô 6.1.1. Đặc điểm của vận tải ô tô 6.1.2. Vai trò của vận tải ô tô	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5.
6.2. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của vận tải ô tô 6.1.1. Tuyến đường ô tô 6.1.2. Công cụ vận tải bằng ô tô	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5.
6.3. Tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng đường ô tô 6.3.1. Cơ sở pháp lý của vận tải ô tô 6.3.2. Chứng từ trong vận tải hàng hoá bằng ô tô 6.3.3. Cước phí của vận tải ô tô 6.3.4. Trách nhiệm của người vận tải ô tô đối với hàng hoá	1,5		1	2,5	5	Đọc TLC 1, chương 5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>6.3.5. Khiếu nại và kiện tụng người chở hàng hoá bằng ô tô</i>						
Chương 7. VẬN TẢI HÀNG HOÁ QUỐC TẾ BẰNG CONTAINER	5			5	10	
7.1. Sự ra đời và phát triển của hệ thống vận tải container	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 4.
7.2. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của hệ thống vận tải container <i>7.2.1. Container</i> <i>7.2.2. Công cụ vận tải container</i> <i>7.2.3. Cảng, ga và bến bãi container</i> <i>7.2.4. Công cụ xếp dỡ container</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 4.
7.3. Tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng container <i>7.3.1. Kỹ thuật đóng gói hàng vào container</i> <i>7.3.2. Phương pháp gửi hàng bằng container</i> <i>7.3.3. Chứng từ trong vận tải hàng hoá bằng container</i> <i>7.3.4. Cước phí của vận tải container</i> <i>7.3.5. Trách nhiệm của người chuyên chở container đối với hàng hoá</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 4; Sinh viên tiến hành thảo luận.
7.4. Dịch vụ gom hàng <i>7.4.1. Khái niệm về gom hàng</i> <i>7.4.2. Trách nhiệm của người gom hàng đối với hàng hoá</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 4.
7.5. Hiệu quả kinh tế xã hội của container hoá trong vận tải quốc tế <i>7.5.1. Hiệu quả kinh tế</i> <i>7.5.2. Hiệu quả xã hội</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 4;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.5.3. Những mặt hạn chế						Sinh viên tiến hành thảo luận.
Chương 8. VẬN TẢI HÀNG HOÁ QUỐC TẾ BẰNG VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC	3		2	5	10	
8.1. Khái quát về vận tải đa phương thức <i>8.1.1. Khái niệm vận tải đa phương thức</i> <i>8.1.2. Sự ra đời của vận tải đa phương thức</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5.
8.2. Đặc điểm và các hình thức tổ chức vận tải đa phương thức <i>8.2.1. Đặc điểm vận tải đa phương thức</i> <i>8.2.2. Các hình thức tổ chức vận tải đa phương thức</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5; Sinh viên tiến hành thảo luận.
8.3. Tổ chức vận tải hàng hoá quốc tế bằng vận tải đa phương thức <i>8.3.1. Cơ sở pháp lý của vận tải đa phương thức</i> <i>8.3.2. Người kinh doanh vận tải đa phương thức</i> <i>8.3.3. Trách nhiệm của người kinh doanh vận tải đa phương thức</i> <i>8.3.4. Thông báo tổn thất và khiếu nại người kinh doanh vận tải đa phương thức</i> <i>8.3.5. Chứng từ vận tải đa phương thức</i> <i>8.3.6. Vận tải đa phương thức theo quy định trong Incoterms và UCP</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 5; Sinh viên tiến hành thảo luận.
Chương 9. GIAO NHẬN VÀ VẬN TẢI HÀNG HOÁ QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM	3		2	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
9.1. Sự ra đời và phát triển của giao nhận và vận tải quốc tế tại Việt Nam	1			1	2	Sinh viên tiến hành thảo luận.
9.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật giao nhận và vận tải quốc tế tại Việt Nam	1		1	2	4	Sinh viên tiến hành thảo luận.
9.3. Cơ sở pháp lý cho giao nhận và vận tải hàng hoá quốc tế tại Việt Nam	1		1	2	4	Sinh viên tiến hành thảo luận.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33		12	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**
 - Tiếng Anh: **English for Logistics and Supply Chain Management**
- Mã học phần: KTKH2513
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 8 tiết
 - Bài tập: 8 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Nắm được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, hiểu các khái niệm về văn hoá doanh nghiệp và nghệ thuật lãnh đạo; sử dụng hiệu quả và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này; sử dụng hiệu quả và phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng các chiến thuật đọc hiểu như đọc nhanh để hiểu ý chính, lấy ra được thông tin chi tiết và hiểu mục đích của tác giả; ghi chú các nội dung và thông tin quan trọng để nghe hiểu các bài giảng hay các đoạn hội thoại và các bài phỏng vấn về lĩnh vực logistics; tham gia vào các cuộc hội thoại, thảo luận hoặc trình bày tóm tắt ý chính những thông tin nghe được hay đọc được; viết các bài luận và các báo cáo về chủ đề được học; thuyết trình và tham gia các hoạt động nhóm.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

+ Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi, đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp thông thường trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng giới thiệu các thuật ngữ chuyên ngành và các văn bản, hoạt động giao tiếp bằng Tiếng Anh trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành các kỹ năng ngôn ngữ trên ngữ cảnh hoặc văn bản, báo cáo, tài liệu về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và nắm được các khái niệm và kiến thức cơ bản về vai trò của Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong hoạt động kinh doanh. Học phần đồng thời tạo cơ hội để sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt động trên lớp như thảo luận, bài tập tình huống, đóng vai, thuyết trình.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Grussendorf, M. (2007), *English for Logistics, Express Series*, Oxford: Oxford University Press.

2. Pileam, A. & O'Driscoll, N. (2010), *Market leader-Logistics Management*. Harlow: Pearson Longman.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vollmers. C & Vollmers, S. (2004). *Logistics - English for Freight Forwarders and Logistics Services*. Hannover: Bildungsverlag Eins GmbH

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input checked="" type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
UNIT 1: INTRODUCTION OF LOGISTICS	1	1	1	3	8	
1.1 Setting the scene 1.2 Jobs in logistics 1.3 Regular activities	1	1	1	3	8	Đọc TLC 1, unit 1; Đọc TLC 2, unit 1
UNIT 2: LOGISTICS SERVICES	1	1	1	3	8	
2.1 Logistics acronyms 2.2 Product ranges 2.3 3PL providers 2.4 Value-added services	1	1	1	3	8	Đọc TLC 1, unit 2
UNIT 3: INVENTORY ANAGEMENT AND PROCUREMENT	1	1	1	3	8	
3.1 Inventory management 3.2 Continuous replenishment 3.3 Job advertisements	1	1	1	3	8	Đọc TLC 1, unit 3; Đọc TLC 2, unit 13
UNIT 4: MODES OF TRANSPORT	1	1	1	3	8	
4.1 Transport and handling equipment 4.2 Container types 4.3 Types of goods	1	1	1	3	8	Đọc TLC 1, unit 4; Đọc TLC 2, unit 10

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	
UNIT 5: PLANING AND ARRANGING TRANSPORT	1	1	1	3	8	
5.1 Transport options 5.2 Measurements 5.3 Quotations	1	1	1	3	8	Đọc TLC 1, unit 5; Đọc TLC 2, unit 11
UNIT 6: SHIPPING GOODS	1	1	1	3	8	
6.1 Markings 6.2 Loading 6.3 Advice of shipment 6.4 Shipping instructions	1	1	1	3	8	Đọc TLC 1, unit 6
UNIT 7: WAREHOUSING AND STORAGE	1	1	1	3	8	
7.1 Handling equipment 7.2 Warehouse areas 7.3 Warehouse today	1	1	1	3	8	Đọc TLC 1, unit 7; Đọc TLC 2, unit 15
UNIT 8: DOCUMENTATION AND FINANCE	1	1	1	3	8	
8.1 Documents in foreign trade 8.2 Import instructions	1	1	1	3	8	Đọc TLC 1, unit 8; Đọc

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.3 Payment methods						TLC 2, unit 16
<i>Tham quan một công ty Logistics và phỏng vấn chuyên gia nước ngoài</i>			4	4	8	
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	
Tổng cộng	8	8	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Địa lý vận tải**
 - Tiếng Anh: **Transport Geography**
- Mã học phần: KTKH2514
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

Bài tập: 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về địa lý vận tải; vận tải và cấu trúc không gian; phương thức vận tải; phân phối hàng hoá và thương mại quốc tế; vận tải và kinh tế; vận tải, năng lượng và môi trường; chính sách quy hoạch vận tải; phương pháp trong địa lý vận tải; địa lý vận tải Việt Nam.

- *Về kỹ năng*:

+ Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những vấn đề về địa lý vận tải.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quy hoạch.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.

+ Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic

+ Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh

+ Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu về địa lý vận tải phục vụ cho hoạt động kinh doanh và nền kinh tế

+ Hiểu được tầm quan trọng của yếu tố địa lý đối với hoạt động vận tải cũng như những vấn đề liên quan giữa địa lý vận tải với sự phát triển của kinh tế xã hội.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về địa lý vận tải; quá trình hình thành của hệ thống vận tải, tổ chức vận tải theo không gian và xu hướng của vận tải trong tương lai; các phương thức vận tải và vận tải đa phương thức; sự toàn cầu hoá và việc phân phối hàng hoá trong thương mại quốc tế; cung và cầu vận tải trong nền kinh tế; những tác động của vận tải đến môi trường và sự liên quan giữa vận tải và năng lượng; chính sách quy hoạch vận tải; lý thuyết đô thị và hệ thống thông tin địa lý trong vận tải (GIS-T). Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu về tình hình thực tiễn địa lý vận tải tại Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Jean –Paul Rodrigue, Claude Comtois, Brian Slack (2013), *The Geography of Transport Systems*, Nhà xuất bản Routledge.

2. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (2011), *Địa lý Dịch vụ - Tập 1: Địa lý giao thông vận tải*, NXB Đại học sư phạm.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Air Transport Association (2010) *The Airline Handbook*, Washington, DC: Air Transport Association of America.

2. Allaz, C. (2005) *History of Air Cargo and Airmail from the 18th Century*, London: Christopher Foyle Publishing .

3. BTS [Bureau of Transportation Statistics] (2006) *America on the Go: Long Distance Transportation Patterns: Mode Choice*, Washington, DC: US DOT.

4. Levinson, M. (2006) *The Box: How the Shipping Container Made the World Smaller and the World Economy Bigger*, Princeton, NJ: Princeton University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Tập trung nghe giảng và tham gia các hoạt động trên lớp;
- Chuẩn bị bài thuyết trình;
- Làm tất cả các bài kiểm tra;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐỊA LÝ VÀ VẬN TẢI	4			4	8	
1.1. Khái niệm về địa lý vận tải	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1.
1.2. Vận tải và địa lý thương mại <i>1.2.1. Địa lý giao dịch và thương mại</i> <i>1.2.2. Xu hướng của địa lý thương mại</i> <i>1.2.3. Thương mại hoá ngành vận tải</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1.
1.3. Địa lý của mạng lưới vận tải <i>1.3.1. Mạng lưới vận tải</i> <i>1.3.2. Kiểu và cấu trúc liên kết của các mạng lưới</i> <i>1.3.3. Mạng lưới và không gian</i> <i>1.3.4. Sự mở rộng mạng lưới</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1.
1.4. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của địa lý vận tải	0,5			0,5	1	
Chương 2. VẬN TẢI VÀ CẤU TRÚC KHÔNG GIAN	7			7	14	
2.1. Lịch sử xuất hiện của các hệ thống cơ giới <i>2.1.1. Vận tải trong thời kỳ tiền công nghiệp (trước năm 1800)</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.1.2. Cuộc cách mạng công nghiệp và vận tải (1800-1870)</p> <p>2.1.3. Sự xuất hiện của hệ thống giao thông hiện đại (1870-1920)</p>						
<p>2.2. Lịch sử thiết lập các hệ thống toàn cầu</p> <p>2.2.1. Vận tải trong kỷ nguyên Fordist (1920-1970)</p> <p>2.2.2. Bối cảnh mới ngành vận tải thời kỳ hậu Fordist (1970 đến nay)</p>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2.
<p>2.3. Tổ chức vận tải theo không gian</p> <p>2.3.1. Các tổ chức không gian của vận tải</p> <p>2.3.2. Tổ chức theo toàn cầu</p> <p>2.3.3. Tổ chức theo khu vực</p> <p>2.3.4. Tổ chức theo địa phương</p>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2.
<p>2.4. Vận tải trong tương lai</p> <p>2.4.1. Những xu hướng trong quá khứ</p> <p>2.4.2. Xu hướng công nghệ</p> <p>2.4.3. Xu hướng của nền kinh tế và pháp lý</p>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2.
Chương 3. PHƯƠNG THỨC VẬN TẢI	3		1	4	8	
<p>3.1. Các phương thức vận tải</p> <p>3.1.1. Vận tải đường bộ</p> <p>3.1.2. Vận tải đường sắt</p>	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Sinh viên tiến hành thảo luận.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.1.3. Vận tải đường ống</p> <p>3.1.4. Vận tải đường biển</p> <p>3.1.5. Vận tải đường hàng không</p> <p>3.1.6. Sự cạnh tranh giữa các phương thức</p>						
<p>3.2. Vận tải đa phương thức</p> <p>3.2.1. Bản chất của đa phương thức</p> <p>3.2.2. Xu thế container hoá</p> <p>3.2.3. Những lợi thế của container hoá</p> <p>3.2.4. Những thách thức của container hoá</p>	2			2	2	Đọc TLC 1, chương 3.
Chương 4. PHÂN PHỐI HÀNG HOÁ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	3,5		2	5,5	11	
<p>4.1. Vận tải, toàn cầu hoá và thương mại quốc tế</p> <p>4.1.1. Xu thế toàn cầu hoá</p> <p>4.1.2. Dòng chảy của toàn cầu hoá</p> <p>4.1.3. Vận tải quốc tế</p>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5.
<p>4.2. Chuỗi hàng hoá và vận tải hàng hoá</p> <p>4.2.1. Hệ thống sản xuất</p> <p>4.2.2. Chuỗi hàng hoá</p> <p>4.2.3. Sự tích hợp trong chuỗi hàng hoá</p> <p>4.2.4. Vận tải hàng hoá và chuỗi</p>	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Sinh viên tiến hành thảo luận

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hàng hoá</i>						
4.3. Logistics và phân phối hàng hoá 4.3.1. Bản chất của logistics 4.3.2. Những yếu tố trong quản lý chuỗi cung ứng 4.3.3. Hệ thống phân phối 4.3.4. Địa lý phân phối hàng hoá	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Sinh viên tiến hành thảo luận
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. VẬN TẢI VÀ KINH TẾ	5,5			5,5	11	
5.1. Vận tải và sự phát triển kinh tế 5.1.1. Tầm quan trọng của vận tải với nền kinh tế 5.1.2. Vận tải và cơ hội kinh tế 5.1.3. Vận tải ảnh hưởng đến kinh tế xã hội	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7.
5.2. Chi phí của vận tải 5.2.1. Chi phí vận tải và thời gian 5.2.2. Các loại chi phí vận tải	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7.
5.3. Cung và cầu vận tải 5.3.1. Khái niệm cung và cầu vận tải 5.3.2. Mối quan hệ cung cầu 5.3.3. Động lực của thị trường	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7.
Chương 6. VẬN TẢI, NĂNG LƯỢNG	1		2	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
VÀ MÔI TRƯỜNG						
6.1. Những tác động của vận tải đến môi trường <i>6.1.1. Vấn đề của vận tải và môi trường</i> <i>6.1.2. Mối quan hệ giữa vận tải và môi trường</i> <i>6.1.3. Ngoại ứng môi trường</i>	0,5		1	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Sinh viên tiến hành thảo luận
6.2. Vận tải và năng lượng <i>6.2.1. Năng lượng</i> <i>6.2.2. Vận tải và tiêu thụ năng lượng</i> <i>6.2.3. Vận tải và nhiên liệu thay thế</i> <i>6.2.4. Vận tải bền vững</i>	0,5		1	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Sinh viên tiến hành thảo luận
Chương 7. CHÍNH SÁCH QUY HOẠCH VẬN TẢI	3			3	6	
7.1. Bản chất của chính sách vận tải	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9.
7.2. Quy hoạch vận tải <i>7.2.1. Quản lý nhu cầu vận tải</i> <i>7.2.2. Giá cả</i> <i>7.2.3. Vận tải thông minh</i> <i>7.2.4. Kế hoạch vận tải</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9.
Chương 8. PHƯƠNG PHÁP TRONG ĐỊA LÝ VẬN TẢI	5		2	7	14	
8.1. Khái niệm và các loại phương pháp	1			1	2	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong địa lý vận tải						chương 10.
8.2. Lý thuyết đô thị 8.2.1. Định nghĩa đô thị cơ bản 8.2.2. Liên kết và cấu trúc đô thị 8.2.3. Đặc tính cấu trúc cơ bản	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 10.
8.3. Hệ thống thông tin địa lý trong vận tải (GIS-T) 8.3.1. GIS trong giao thông vận tải 8.3.2. Biểu diễn dữ liệu của GIS-T 8.3.3. Phân tích và mô hình hoá GIS-T 8.3.4. Ứng dụng GIS-T	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 10; Sinh viên tiến hành thảo luận
8.4. Phân tích khu vực thị trường 8.4.1. Quy mô thị trường 8.4.2. Cạnh tranh giữa các khu vực thị trường 8.4.3. Hệ thống thông tin địa lý và phân tích khu vực thị trường	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 10; Sinh viên tiến hành thảo luận
Chương 9. ĐỊA LÝ VẬN TẢI VIỆT NAM	1		3	4	8	
9.1. Mạng lưới vận tải Việt Nam	0,5		1,5	2	4	Đọc TLC 2; Sinh viên tiến hành thảo luận
9.2. Địa lý vận tải Việt Nam	0,5		1,5	2	4	Đọc TLC 2; Sinh viên tiến hành thảo luận

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	33		12	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KIẾN TẬP NGHỀ NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kiến tập nghề nghiệp**

Tiếng Anh: **Observation**

Mã học phần: KTKH2701

Số tín chỉ: 04

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị chuỗi cung ứng

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 6 tuần (30 ngày)

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế TN&MT

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được kiến tập:

Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ về logistics và quản lý chuỗi cung ứng), cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng

lưới hoạt động và thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp gắn với logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được kiến tập.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động về logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp.

+ Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kiến tập yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập:

+ Giới thiệu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập.

+ Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ kinh tế)

+ Cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động.

- Tìm hiểu thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Văn Châu (2009), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

2. Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Cao Hồng Đức, Phương Thúy (2010), *Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng*, Biên dịch từ nguyên bản “Essential of Supply Chain Management” của Michaels Hugo (2006), NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Vũ Đình Nghiêm Hùng (2010), *Logistics*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sinh viên tiến hành kiến tập tại đơn vị kiến tập dựa trên những kiến thức đã được trang bị của học phần.

- Phương pháp lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình kiến tập.

- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành kiến tập tại địa điểm kiến tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.

- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung kiến tập môn học theo trọng số, cụ thể:

Nội dung	Điểm đánh giá quá trình kiến tập	Điểm đánh giá báo cáo kiến tập
Trọng số	50%	50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1	25	75	
Liên hệ và làm quen với cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng	1	3	Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người hướng

<p>1.1 Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập:</p> <p>1.1.1 Giới thiệu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập.</p> <p>1.1.2 Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ logistics và quản lý chuỗi cung ứng)</p> <p>1.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động.</p> <p>1.2 Tìm hiểu thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập gắn với những hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng</p>	23	69	dẫn và nội quy kiến tập tại đơn vị
Tổng kết thực tập	1	3	
Nội dung 2	5	15	Thực hiện theo mẫu báo cáo kiến tập môn học.
Viết báo cáo			
Cộng	30	90	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**

Tiếng Anh: **Dissertation**

Mã học phần: KTKH2801

Số tín chỉ: 06

Đối tượng học: Đại học chính quy, logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)

Thời gian tự học: 80 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế TN&MT

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được các quyết định phù hợp.

- *Về kỹ năng*: Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên

có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.

- *Về đạo đức nghề nghiệp*: Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong công việc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan đề tài nghiên cứu.
- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.
- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.
- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Văn Châu (2009), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

2. Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Cao Hồng Đức, Phương Thúy (2010), *Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng*, Biên dịch từ nguyên bản “Essential of Supply Chain Management” của Michaels Hugo (2006), NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Vũ Đình Nghiêm Hùng (2010), *Logistics*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

- Sinh viên xuống cơ sở thực tập để thu tập tài liệu sau đó viết thành báo cáo.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng chương trình thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường, chấp hành đầy đủ các quy định và kỷ luật lao động của cơ sở nơi thực tập.

- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết để viết khóa luận tốt nghiệp.

- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các giáo viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương hoàn chỉnh, tạo điều kiện khi viết khóa luận được thuận lợi.

- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến hành viết và hoàn thiện khóa luận.

- Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá khóa luận là điểm trung bình của 5 thành viên trong hội đồng bảo vệ khóa luận đã được phân công.

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 1÷5	Đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên liên hệ với đơn vị thực tập, giáo viên hướng dẫn được khoa phân công để lựa chọn đề tài viết khóa luận - Gửi bản đăng ký đề tài khóa luận theo lớp và nộp về khoa theo đúng thời gian quy định
Ngày 6÷10	Duyệt đề cương chi tiết của khóa luận tốt nghiệp	Viết đề cương chi tiết theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
Ngày 11÷13	Đi thực tế thu thập số liệu	Liên hệ với đơn vị thực tập
Ngày 14÷18	Tổng hợp số liệu và viết tổng quan	
Ngày 19÷28	Xử lý số liệu, viết khóa luận sơ bộ thông qua giáo viên hướng dẫn	
Ngày 29÷31	Báo cáo tiến độ	Khi đã được giáo viên hướng dẫn chỉnh sửa, sinh viên sẽ nộp một bản để báo cáo tiến độ
Ngày 32÷36	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	
Ngày	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Kết thúc thực tập, sinh viên

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
37÷38		hoàn thiện Khóa luận, gửi về Khoa kèm theo xác nhận của cơ sở thực tập và Nhận xét của GVHD đồng ý cho bảo vệ
Ngày 39÷40	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị công tác để bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Natural Resources and Environmental Economics**
- Mã học phần: KTTM2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học; ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Tóm tắt được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Hiểu được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; nhận biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích và vận dụng được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; so sánh được sự khác biệt giữa các công cụ, nhận biết được các đặc điểm cơ bản của các loại tài nguyên; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên.

- *Về kỹ năng*:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề sử dụng, khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế tài nguyên và môi trường nghiên cứu các vấn đề tài nguyên, môi trường dưới góc độ phân tích của kinh tế học.

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, đường cong tăng trưởng của tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên bền vững...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

2. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.

3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Robert N. Stavins (2012), *Economics of the environment*, W. W. Norton & Company, Inc.

3. Ola Flaaten (2011), *Fisheries Economics and Management*, Norwegian College of Fishery Science University of Tromsø, N-9037 Tromsø, Norway.

4. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), *Natural Resource and Environmental Economics*, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Phương pháp thuyết giảng lấy người học làm trung tâm
- Phương pháp giảng dạy chủ động
 - + Phương pháp hoạt động nhóm
 - + Phương pháp chia sẻ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2			2	4	
1.1. Sự ra đời của Khoc học kinh tế tài nguyên và môi trường 1.2. Giới thiệu học phần Kinh tế tài nguyên và môi trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
1.3. Tài nguyên, môi trường và hệ thống kinh tế	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6	1		7	14	
2.1. Cung - cầu và cân bằng thị trường <i>2.1.1. Cầu</i> <i>2.1.2. Cung</i> <i>2.1.3. Cân bằng thị trường</i> 2.2. Lợi ích ròng xã hội	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.3. Một số dạng thị trường <i>2.3.1. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo</i> <i>2.3.2. Thị trường độc quyền</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.4. Thất bại thị trường <i>2.2.1. Khái quát về thất bại thị trường</i> <i>2.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường</i> <i>2.4.3. Ngoại ứng</i>	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN	7	2		9	18	
3.1. Kinh tế tài nguyên có khả năng tái sinh <i>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên có khả năng tái sinh</i> <i>3.1.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên có khả năng tái sinh</i>	3	1		4	8	Đọc TLC 1, chương 7. Đọc TLĐT 3, chương 2,3,5. Đọc TLĐT 4, chương 17.
3.2. Kinh tế tài nguyên không có khả năng tái sinh <i>3.2.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên không có khả năng tái sinh</i> <i>3.2.2. Một số mô hình kinh tế khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 8. Đọc TLĐT 4, chương 15.
3.3. Một số công cụ trong quản lý tài nguyên <i>3.3.1. Thuế</i> <i>3.3.2. Giá trần - Giá sàn</i> <i>3.3.3. Hạn ngạch</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7,8. Đọc TLĐT 3, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ Ô NHIỄM	7	3		10	20	
4.1. Ô nhiễm tối ưu <i>4.1.1. Khái niệm ô nhiễm tối ưu</i> <i>4.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Định lý Ronald Coase	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4.
4.3. Một số công cụ kiểm soát ô nhiễm 4.3.1. Thuế Pigou 4.3.2. Trợ cấp giảm thải 4.3.3. Phí xả thải và chuẩn thải 4.3.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng	4	3		7	14	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 4, chương 7.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản lý Dự án**
 - Tiếng Anh: **Project Management**
- Mã học phần: KTQU2601
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư, nắm được những kiến thức về ngân sách và quản lý chi phí, quản lý chất lượng của dự án, những rủi ro trong thực hiện dự án đầu tư.

- *Về kỹ năng*: Phân tích, đánh giá, lập kế hoạch dự án. Biết cách quản lý thời gian và tiến độ của dự án.

+ *Kỹ năng nhận thức*: Tóm tắt, phân tích và phân biệt được dự án và quản lý dự án, nắm được các quản lý dự án đầu tư

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích các chiến lược sử dụng trong triển khai dự án

+ *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng áp dụng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu và phân tích được các vấn đề của kinh tế ở các thời kỳ.

+ Khái quát hóa được các chiến lược phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về quản lý dự án đầu tư, mô hình tổ chức và các nhà quản lý dự án, lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ, phân phối các nguồn lực dự án, dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án, quản lý chất lượng dự án, quản lý rủi ro đầu tư

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Từ Quang Phương (2014), *Giáo trình Quản lý dự án*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Lập dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Lập dự án đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm..

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Làm thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3			3	6	

1.1 Khái niệm dự án và quản lý dự án	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1;
1.2 Quản lý dự án đầu tư	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1;
CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ CÁC NHÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN	3			3	6	
2.1 Các mô hình tổ chức dự án	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2;
2.2 Cán bộ quản lý dự án	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2;
CHƯƠNG 3: LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN	3			3	6	
3.1 Khái niệm, ý nghĩa và nội dung tổng quát của kế hoạch dự án	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3;
3.2 Phân tách công việc của dự án	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3;
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ	3			3	6	
4.1 Mạng công việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4;
4.2 Kỹ thuật tổng quan và đánh giá dự án (pert) và phương pháp đường găng (pcm)	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4;
4.3 Phương pháp biểu đồ ganntt và biểu đồ đường chéo	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4;

Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5: PHÂN PHỐI CÁC NGUỒN LỰC DỰ ÁN	4			4	8	
5.1 Biểu đồ phụ tải nguồn lực và điều chỉnh đều nguồn lực	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4;
5.2 Phân phối nguồn lực cho dự án bằng phương pháp ưu tiên	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5;
CHƯƠNG 6: DỰ TOÁN NGÂN SÁCH VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ DỰ ÁN	4			4	8	
6.1 Khái niệm, tác dụng và đặc điểm của dự toán ngân sách	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
6.2 Phương pháp dự toán ngân sách	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
6.3 Khái toán và dự toán chi phí các công việc của dự án	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
quan hệ đánh đổi giữa thời gian và chi phí	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
6.4 Quản lý chi phí dự án	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
CHƯƠNG 7: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỰ ÁN	4			4	8	
7.1 Khái niệm chất lượng, quản lý chất lượng và ý nghĩa của quản lý chất lượng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;
7.2 Nội dung chủ yếu của công tác quản lý chất lượng dự án	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;
7.3 Chi phí làm chất lượng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;
7.4 Các công cụ quản lý chất lượng dự án	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;

CHƯƠNG 8: QUẢN LÝ RỦI RO ĐẦU TƯ	4			4	8	
8.1 Khái niệm và phân loại quản lý rủi ro	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9;
8.2 Chương trình quản lý rủi ro	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9;
8.3 Phương pháp đo lường rủi ro	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9;
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	28		2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản lý mua hàng**

Tiếng Anh: **Purchase management**

Mã học phần: KTKH2602

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết

Bài tập: 03 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và
Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Sau khi kết thúc học phần Quản trị mua hàng toàn cầu, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu rõ vai trò của quản trị mua hàng toàn cầu trong một chuỗi cung ứng; nắm được cách phát triển cấu trúc tổ chức bộ phận mua hàng chiến lược; hiểu được tầm quan trọng và phương thức áp dụng hệ thống thông tin trong quy trình quản trị mua hàng toàn cầu; quản lý chi phí mua hàng tổng thể, kiểm soát chất lượng dịch vụ mua hàng, quản trị quan hệ với nhà cung ứng và phát triển nhà cung cấp chiến lược.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Vận dụng kiến thức cơ bản về quản trị mua hàng để tổ chức bộ phận thu mua với cấu trúc và quy trình thích hợp với hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng và thực hiện chính sách mua hàng, hướng dẫn quản lý hợp đồng, quy trình và thủ tục; có kỹ năng đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán về hợp đồng và phát triển các nhà cung cấp chiến lược; phân tích và đánh giá các xu hướng giá cả bên ngoài và sản phẩm mới để xác định các cơ hội giảm chi phí mua hàng tổng thể.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động mua hàng.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

+ Yêu thích học phân, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề liên quan đến mua hàng trong bối cảnh toàn cầu hoá.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 5 chương tập trung phát triển kỹ năng mua hàng bao gồm kiến thức cơ bản về vai trò, trách nhiệm và yếu tố cốt lõi, giá trị của mua hàng mang lại cho tổ chức, cách thức xây dựng và thực hiện chính sách và quy trình mua hàng. Cụ thể:

Chương 1. Chiến lược mua hàng yếu tố của chiến lược: Giới thiệu những kiến thức cơ bản về cung ứng, mục tiêu và vai trò của cung ứng, quá trình chiến lược tổng thể.

Chương 2. Chiến lược sản phẩm và đảm bảo chất lượng: Giới thiệu những kiến thức về quản trị, các giai đoạn phát triển của mua hàng và những xu hướng chính trong hoạt động quản lý mua hàng.

Chương 3. Phân tích nhu cầu của người sử dụng: Một bước đi của chiến lược khách hàng

Chương 4. Marketing mua hàng và định nghĩa chiến lược nhà cung cấp: giới thiệu những kiến thức về.

Chương 5. Quyết định làm hay yêu cầu làm: Tạo ra năng lực thiết lập hệ thống thông tin theo dõi từ đó phân tích đưa ra quyết định.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị mua hàng, Xây dựng kế hoạch, lập ngân sách cho hoạt động mua hàng, tổ chức lực lượng mua hàng, lãnh đạo lực lượng mua hàng, sử dụng các công cụ động viên khích lệ sao cho có hiệu quả và kiểm tra đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động mua hàng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, ThS Kim Ngọc Đạt (2016), *Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu*, NXB Kinh tế TP.HCM.

2. PGS.TS Ngô Kim Thanh (2012), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. TS Nguyễn Thành Hiếu (2015), *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. McGraw-Hill (2013), *Global Procurement & Sourcing*, McGraw-Hill Higher Education.

2. Kenneth Lyons, Brian Farrington (2016), *Procurement and supply chain management, 9th edition*, Trans-Atlantic Publications, Inc.

3. Victor H.Pooler, David J.Pooler, Samuel D.Farney (2004), *Global Purchasing and Supply Management: Fullfill the Vision – Second Edition*, Kluwer Academic Publishers.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. CHIẾN LƯỢC MUA HÀNG. YẾU TỐ CỦA CHIẾN LƯỢC	5	0,5		5,5	11	
1.1 Cung ứng và quản trị cung ứng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2 Giới thiệu chức năng mua hàng	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2
1.3. Các giai đoạn phát triển của mua hàng	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 2 Làm bài tập chương 1
1.4 Quá trình chiến lược tổng thể	1			1	2	
1.5 Phân khúc và chiến lược mua hàng	1	0,5		1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 2. CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	5	0,5		5,5	11	
2.1. Định nghĩa và xác định chất lượng	1,5			1,5	3	Đọc TLC1, chương 2
2.2. Mô tả chất lượng	2			4	8	Đọc TLC 2, chương 2
2.3. Mua hàng và khái niệm sản phẩm	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3 Làm bài tập chương 2
2.4 Kiểm soát và đảm bảo chất lượng		0,5				
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. PHÂN TÍCH NHU CẦU CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG: MỘT BƯỚC ĐI CỦA CHIẾN LƯỢC KHÁCH HÀNG	6	1		7	14	
3.1. Ai quyết định mua hàng trong công nghiệp?	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4
3.2. Loại và thỏa mãn nhu cầu	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 2, chương 4 Làm bài tập chương 3
3.3 Hoạt động của bộ phận mua hàng	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 3, chương 4 Làm bài tập chương 3
Chương 4. MARKETING MUA HÀNG VÀ ĐỊNH NGHĨA MỘT CHIẾN LƯỢC NHÀ CUNG CẤP	5	1		6	12	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Marketing và mua hàng	1			1	2	
4.2. Chiến lược nhà cung cấp và marketing mua hàng	2	0,5		2,5	5	
4.3 Nghiên cứu thị trường nhà	2	0,5		2,5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
cung cấp						
Chương 5: QUYẾT ĐỊNH LÀM HAY YÊU CẦU LÀM	4			4	8	
5.1 Các hình thức gia công	2			2	4	
5.2 Tiêu chuẩn đánh giá gia công	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 5
Cộng	25	3	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị kênh phân phối**
Tiếng Anh: **Distribution channel Management**
- Mã học phần: **KTQU2559**
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về quản trị kênh phân phối của các doanh nghiệp, giúp người học hiểu được các vị trí công việc khác nhau liên quan tới hoạt động phân phối như lập cấu trúc và tổ chức kênh phân phối, quản trị các dòng chảy, các hành vi trong kênh marketing.

- Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị kênh phân phối, các chức năng của quản trị kênh phân phối, các nguyên lý, nguyên tắc về kênh phân phối. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực chuyên ngành; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về phân phối sản phẩm; Môi trường và hành vi trong kênh phân phối; chiến lược, xây dựng, quản lý và đánh giá hoạt động phân phối; các vấn đề chiến thuật trong quản trị kênh phân phối;

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Đình Chiến (2012), *Quản trị kênh phân phối*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

4. Kenneth Rolnicki (1998), *Managing Channels of Distribution*, Amacom, USA

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KÊNH PHÂN PHỐI	5			5	10	Đọc TLC (1) Trang: 07 – 30.
1.1 Khái quát về kênh phân phối <i>1.1.1. Khái niệm kênh phân phối</i> <i>1.1.2. Bản chất của kênh phân phối</i>	1			1	2	Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2 Lịch sử phát triển của kênh phân phối	1			1	2	
1.3. Cấu trúc kênh phân phối	1			1	2	
1.4. Các hình thức tổ chức kênh phân phối <i>1.4.1. Các dòng chảy trong kênh phân phối</i>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>1.4.2. Các thành viên kênh phân phối</i>						
Chương 2. MÔI TRƯỜNG VÀ HÀNH VI TRONG KÊNH PHÂN PHỐI	6	2		8	16	Đọc TLC (1). Trang: 45 – 90. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Các quan hệ và hành vi trong kênh phân phối <i>2.1.1. Hành vi hợp tác</i> <i>2.1.2. Hành vi cạnh tranh</i> <i>2.1.3. Hành vi xung đột</i>	2	1		3	6	
2.2. Thông tin cơ sở để ra quyết định điều khiển các hành vi trong kênh <i>2.2.1. Sức mạnh của thành viên kênh</i> <i>2.2.2. Vai trò của các thành viên kênh</i> <i>2.2.3. Truyền dẫn thông tin kênh phân phối</i>	2			2	4	
2.3. Các yếu tố môi trường vĩ mô ảnh hưởng tới kênh phân phối <i>2.3.1. Môi trường kinh tế</i> <i>2.3.2. Môi trường văn hóa – xã hội</i> <i>2.3.3. Môi trường kỹ thuật – công</i>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>nghệ</i> <i>2.3.4. Môi trường luật pháp</i>						
Chương 3. CHIẾN LƯỢC, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI	6	1		7	14	Đọc TLC (1). Trang: 91 - 350. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Chiến lược kênh phân phối	2			2	4	
3.2. Xây dựng kênh phân phối	2			2	4	
3.3. Quản lý kênh phân phối <i>3.3.1. Quản lý các dòng chảy của kênh phân phối</i> <i>3.3.2. Khuyến khích các thành viên kênh hoạt động</i>	1	1		2	4	
3.4. Đánh giá hoạt động kênh phân phối	1			1	2	
Chương 4. CÁC VẤN ĐỀ CHIẾN THUẬT TRONG QUẢN TRỊ KÊNH PHÂN PHỐI	6	2		8	16	Đọc TLC (1). Trang: 155 - 200. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Vấn đề sản phẩm trong quản lý kênh <i>4.1.1.Lập kế hoạch về sản phẩm mới và quản lý kênh</i> <i>4.1.2.Mục tiêu và các hoạt động quản lý kênh</i>	1	1		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Vấn đề giá trong quản lý kênh <i>4.2.1. Kết cấu của hệ thống định giá trong kênh</i> <i>4.2.2. Nguyên tắc phát triển chiến lược định giá trong kênh</i> <i>4.2.3. Những vấn đề định giá khác</i>	2			2	4	
4.3. Hoạt động xúc tiến hỗn hợp trong quản lý kênh phân phối <i>4.3.1. Chiến lược xúc tiến hợp tác giữa các thành viên kênh</i> <i>4.3.2. Các kiểu chiến lược đẩy trong kênh</i>	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	5	1	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Marketing quốc tế**
Tiếng Anh: **International marketing**
- Mã học phần: **KTQU2545**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Marketing căn bản.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

Bài tập: 08 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn , Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Trình bày các vấn đề căn bản về marketing quốc tế như: Bản chất của marketing quốc tế, môi trường marketing quốc tế quản trị. Từ đó phân tích các yếu tố tác động tới khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, các

phương thức tham gia, mở rộng thị trường quốc tế, các quyết định marketing và hoạt động marketing xuất nhập khẩu.

- *Về kỹ năng*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của marketing quốc tế, các quyết định marketing thị trường quốc tế, cách thức thâm nhập phát triển thị trường quốc tế. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực marketing quốc tế; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về marketing quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trong môi trường quốc tế, các phương thức và chiến lược tham gia, mở rộng thị trường quốc tế, các quyết định marketing như quyết định về sản phẩm, định giá, xúc tiến trên thị trường quốc tế và marketing xuất nhập khẩu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Minh Đạo, Vũ Trí Dũng (2012), *Marketing quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Marketing căn bản*, NXB Thống kê.
3. Trương Đình Chiến (2015), *Quản trị Marketing*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Thế Giới (2014), *Quản trị Marketing*, NXB Tài Chính
2. Trần Thị Ngọc Trang (2008), *Quản trị kênh phân phối*, NXB Thống kê
3. Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trãi (2012), *Quản trị marketing*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING QUỐC TẾ	6	2		8	16	Đọc TLC (1) Trang: 05 – 17
1.1 Bản chất của marketing quốc tế 1.1.1. Khái quát về marketing 1.1.2. Marketing quốc tế và marketing nội địa 1.1.3. Marketing quốc tế và xuất khẩu 1.1.4. Marketing quốc tế và marketing đa quốc gia 1.1.5. Marketing quốc tế và marketing toàn cầu	2			2	4	TLC (2). Trang: 05 – 25. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.2 Tầm quan trọng và sự cần thiết của marketing quốc tế 1.2.1 Những lợi ích của marketing quốc tế	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.2 Những lý do thúc đẩy công ty tiếp cận với marketing quốc tế						
1.3. Môi trường marketing quốc tế 1.3.1. Môi trường kinh tế và chính trị 1.3.2. Môi trường văn hóa 1.3.3. Các khía cạnh luật pháp trong marketing quốc tế 1.3.4. Khía cạnh đạo đức trong marketing quốc tế	2	1		3	6	
Chương 2. NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH VÀ THÂM NHẬP, MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ	4	2		6	12	Đọc TLC (1). Trang: 67 – 88. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Phân tích khả năng cạnh tranh 2.1.1. Các nhân tố tác động đến khả năng cạnh tranh 2.1.2. Lợi thế cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh trong môi trường quốc tế 2.1.3. Cạnh tranh toàn cầu và lợi thế cạnh tranh quốc gia	2	1		3	6	
2.2. Thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế 2.2.1. Khái quát về thâm nhập thị trường quốc tế 2.2.2. Các phương thức tham gia thị trường quốc tế 2.2.3. Các chiến lược mở rộng, phát triển thị trường quốc tế	2	1		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. CÁC QUYẾT ĐỊNH MARKETING TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ	6	2		8	16	Đọc TLC (1). Trang: 96 - 184. TLC(3) Trang: 112-167; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo
3.1. Quyết định sản phẩm trên thị trường quốc tế 3.1.1. Khái quát về sản phẩm quốc	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>tế</i> 3.1.2. Các chính sách về nhãn hiệu, bao bì, dịch vụ khách hàng. 3.1.3. Phát triển sản phẩm xuất khẩu trên thị trường quốc tế 3.1.4. Phát triển sản phẩm mới trong marketing toàn cầu						hướng dẫn của giảng viên
3.2. quyết định về giá trên thị trường quốc tế. 3.2.1. Các nhân tố tác động đến giá trong marketing quốc tế 3.2.2. Phương pháp và chiến lược định giá 3.2.3. Mối quan hệ giữa giá xuất khẩu và giá nội địa	2	1		3	6	
3.3. Quyết định xúc tiến hỗn hợp trên thị trường quốc tế 3.3.1. Quảng cáo quốc tế 3.3.2. Quan hệ công chúng 3.3.3. Marketing quốc tế trực tiếp 3.3.4. Khuyến mại, hội chợ quốc tế	2			2	4	
Chương 4. MARKETING XUẤT NHẬP KHẨU	4	2		6	12	Đọc TLC (1). Trang: 225 - 255. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Phát triển thị trường xuất nhập khẩu 4.1.1. Lựa chọn thị trường xuất nhập khẩu. 4.1.2. Những lưu ý khi xâm nhập thị trường	1			1	2	
4.2. Tổ chức xuất khẩu tại nước của nhà sản xuất 4.2.1. Các tổ chức xuất khẩu độc lập bên ngoài 4.2.2. Tổ chức xuất khẩu thuộc công ty	1	1		2	4	
4.3. Tổ chức tham gia vào kênh xuất	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
khẩu tại quốc gia tiêu thụ 4.3.1. Đại diện thị trường trực tiếp 4.3.2. Đại diện gián tiếp 4.3.3. Marketing qua kênh của người khác						
4.4. Các phương thức thanh toán 4.4.1. Thu tín dụng 4.4.2. Thu thập chứng từ 4.4.3. Tiền mặt trả trước 4.4.5. Bán hàng trên những tài khoản mở 4.4.6. Bán theo phương thức gửi hàng	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh**
 - Tiếng Anh: **Star up business enterprise**
- Mã học phần: KTQU2602
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh.
- *Về kỹ năng*: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về khởi sự và tái lập kinh doanh, từ đó có thể vận dụng các kỹ năng để xây dựng mô hình kinh doanh.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần khởi sự & tái lập doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về khởi tạo doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục pháp lý có liên quan, tổ chức doanh nghiệp và xây dựng kế hoạch kinh doanh, đồng thời người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Lưu Đan Thọ (2016), *Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Hữu Viện (2001), *Luật Kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. KHỞI TẠO DOANH NGHIỆP	5	1		6	12	Đọc TLC (1). Trang: 10 – 54. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Những vấn đề cơ bản về ý tưởng kinh doanh <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Đánh giá điểm mạnh, yếu của bản thân</i>	1			1	2	
1.2 Một số khái niệm <i>1.2.1. Doanh nghiệp</i> <i>1.2.2. Người sáng lập doanh nghiệp.</i> <i>1.2.3. Chủ sở hữu</i> <i>1.2.4. Giám đốc điều hành -</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>CEO</i>						
1.3. Các loại hình doanh nghiệp <i>1.3.1. Doanh nghiệp tư nhân. 1.3.2. Công ty TNHH một thành viên 1.3.3. Công ty TNHH hai thành viên trở lên. 1.3.4. Công ty cổ phần. 1.3.5. Công ty hợp danh. 1.3.6. Hộ kinh doanh cá thể</i>	2	1		3	6	
1.4. Xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh	1			1	2	
CHƯƠNG 2. THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ CÁC THỦ TỤC LIÊN QUAN	8	1		9	18	Đọc TLC (2). Trang: 05 – 90. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Lựa chọn tên doanh nghiệp. <i>2.1.1. Yêu cầu của việc đặt tên doanh nghiệp. 2.1.2. Các bước tiến hành lựa chọn tên doanh nghiệp.</i>	1			1	2	
2.2. Hình thành công ty. <i>2.2.1. Thành lập doanh nghiệp hoàn toàn mới. 2.2.2. Mua lại doanh nghiệp. 2.2.3. Nhượng quyền thương mại</i>	1			1	2	
2.3. Đăng ký kinh doanh và đăng	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ký mã số thuế. <i>2.3.1. Cơ quan đăng ký kinh doanh.</i> <i>2.3.2. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số thuế.</i> <i>2.3.3. Các giấy tờ cần thiết.</i>						
2.4. Một số thủ tục pháp luật khác. <i>2.4.1. Quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp.</i> <i>2.4.2. Quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.</i> <i>2.4.3. Quyền sở hữu tên thương mại</i>	4	1		5	10	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH KINH DOANH	8	2		10	20	Đọc TLC (1). Trang: 50 – 78. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.1. Phân tích tác động môi trường. <i>3.1.1. Điều kiện môi trường bên ngoài.</i> <i>3.1.2. Điều kiện môi trường bên trong.</i>	1			1	2	
3.2. Cụ thể hóa ý tưởng kinh doanh. <i>3.2.1. Thị trường mục tiêu.</i> <i>3.2.3. Sản phẩm.</i> <i>3.2.4. Dịch vụ khách hàng.</i>	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.3. Các bước viết kế hoạch kinh doanh.</p> <p>3.3.1. Mục lục.</p> <p>3.3.2. Tóm tắt tổng quát.</p> <p>3.3.3. giới thiệu công ty.</p> <p>3.3.4. Sản phẩm và dịch vụ.</p> <p>3.3.5. Phân tích ngành.</p> <p>3.3.6. Phân tích thị trường.</p> <p>3.3.7. Thị trường mục tiêu.</p> <p>3.3.8. Kế hoạch Marketing.</p> <p>3.3.9. Phân tích cạnh tranh.</p> <p>3.3.10. Tổ chức bộ máy.</p> <p>3.3.11. Dự báo tài chính.</p> <p>3.3.12. Báo cáo tài chính.</p> <p>3.3.13. Chiến lược rút khỏi thị trường.</p>	5	1		6	12	
Chương 4. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7	2		9	14	
<p>4.1 Tạo lập doanh nghiệp</p> <p>4.1.1 Lập kế hoạch hành động tạo lập doanh nghiệp</p> <p>4.1.2 Lựa chọn hình thức tạo lập doanh nghiệp</p> <p>4.1.3 Tạo lập doanh nghiệp theo hình thức lựa chọn</p> <p>4.1.4 Mua lại công ty đang hoạt động</p>	3	1		4	8	Đọc TLC (1), chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>4.1.5 Nhượng quyền kinh doanh</i>						
4.2 Triển khai hoạt động kinh doanh <i>4.2.1 Tổ chức bộ máy quản trị và nhân sự</i> <i>4.2.2 Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị văn phòng</i> <i>4.2.3 Thiết lập các mối quan hệ bán hàng</i> <i>4.2.4 Quản trị hoạt động kế toán và chi phí</i>	4	1		5	10	
Chương 5. SỰ THAY ĐỔI VÀ PHÁT TRIỂN: CƠ SỞ CHO ĐỔI MỚI VÀ TÁI LẬP DOANH NGHIỆP	8	1		9	18	Đọc TLC (1), chương 5
5.1 Khái lược về thay đổi và phát triển <i>5.1.1. Thay đổi và phát triển</i> <i>5.1.2. Tính tất yếu phải thay đổi và phát triển bền vững</i>	2	1		3	6	
5.2. Các phương thức thay đổi và phát triển <i>5.2.1. Phương thức thay đổi và phát triển về lượng</i> <i>5.2.2. Phương thức thay đổi và phát triển về chất</i>	6			6	12	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	36	7	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị điều hành sản xuất**
 - Tiếng Anh: **Executive management production**
- Mã học phần: KTQU2604
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 43 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về hoạt động sản xuất của doanh nghiệp từ khâu xây dựng địa điểm doanh nghiệp, bố trí sản xuất kinh doanh đến các khâu hoạch định, điều hành sản xuất. Sử dụng các kiến thức đã học để hiểu các vấn đề thực tế trong sản xuất kinh doanh.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Tóm tắt, phân tích và phân biệt được sản xuất và quản trị sản xuất trong thực tế

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng những kiến thức đã học để giải thích, lập kế hoạch trong sản xuất

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để giải thích hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng, các vấn đề sản xuất, kinh doanh trong thị trường

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực vận dụng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng áp dụng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu và phân tích được các vấn đề của kinh tế ở các thời kỳ.

+ Khái quát hóa được các chiến lược phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: dự báo nhu cầu sản phẩm, quyết định về sản phẩm, dịch vụ - quá trình sản xuất và hoạch định, xác định địa điểm xây dựng doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, điều độ sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị hàng dự trữ, quản trị chất lượng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Trần Đức Lộc (2013), *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB Tài chính chính.

2. ThS. Ngô Minh Cách (2010), *Giáo trình Marketing*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.TS. Trần Minh Đạo (2013), *Giáo trình marketing căn bản*, NXB Đại học kinh tế quốc dân

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp lấy người học làm trung tâm, làm bài tập nhóm..

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Làm thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ SẢN XUẤT VÀ TÁC NGHIỆP	4			4	8	
1.1. Thực chất của quản trị sản xuất và tác nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Quá trình phát triển lý thuyết quản trị điều hành	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1,

sản xuất						
1.3. Đối tượng, phương pháp, nội dung cơ bản của môn học	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1;
Chương 2: DỰ BÁO NHU CẦU SẢN PHẨM	4			4	8	
2.1. Dự báo trong quản trị sản xuất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;
2.2. Các phương pháp dự báo nhu cầu	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2;
2.3. Giám sát và kiểm soát dự báo	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2;
CHƯƠNG 3: QUYẾT ĐỊNH VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ - QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ HOẠCH ĐỊNH	4			4	8	
3.1. Quyết định về sản phẩm, dịch vụ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
3.2. Quá trình sản xuất	1			1	2	
3.3. Hoạch định công suất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
3.4. Quyết định về máy móc thiết bị	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
CHƯƠNG 4: XÁC ĐỊNH ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG DOANH NGHIỆP	5			5	10	
4.1. Tầm quan trọng của việc xác định địa điểm xây dựng doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4;
4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc xác định địa điểm xây dựng doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4;
4.3. Các phương pháp đánh giá phương án lựa chọn địa điểm xây dựng doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4;
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5: BỐ TRÍ SẢN XUẤT TRONG DN	5			5	10	

5.1. Tầm quan trọng và các yêu cầu của việc bố trí sản xuất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5;
5.2. Các hình thức bố trí sản xuất cơ bản trong doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5;
5.3. Thiết kế bố trí sản xuất trong doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 5;
CHƯƠNG 6: HOẠCH ĐỊNH TỔNG HỢP	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 5;
6.1. Thực chất của hoạch định tổng hợp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5;
6.2. Các chiến lược trong hoạch định tổng hợp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6;
6.3. Các phương pháp hoạch định tổng hợp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;
CHƯƠNG 7: HOẠCH ĐỊNH NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 7;
7.1. Mục tiêu và các yêu cầu của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;
7.2. Hệ thống hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;
7.3. Phương pháp xác định kích cỡ lô hàng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7;
7.4. Các kỹ thuật đảm bảo tính thích ứng của hệ thống MRP đối với những thay đổi trong môi trường kinh doanh	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;
CHƯƠNG 8: ĐIỀU ĐỘ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP	5			5	10	
8.1. Thực chất và đặc điểm của điều độ sản xuất trong doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;
8.2. Bố trí công việc cho một máy trong hệ thống sản xuất theo quá trình	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8;
8.3. Bố trí công việc cho nhiều máy	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8;

CHƯƠNG 9: QUẢN TRỊ HÀNG DỰ TRỮ	4			4	8	
9.1. Những vấn đề liên quan đến quản trị hàng dự trữ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9;
9.2. Dự trữ đúng thời điểm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9;
9.3. Các mô hình dự trữ	2			2	4	
CHƯƠNG 10: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	4			4	8	
10.1. Vai trò của quản trị chất lượng trong sản xuất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
10.2. Các chức năng của quản trị chất lượng trong doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 10
10.3. Các công cụ sử dụng trong quản trị chất lượng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	43		2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kỹ năng phát triển nghề nghiệp**
Tiếng Anh: **Career development skills**
- Mã học phần: KTKH2601
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị chuỗi cung ứng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Vận dụng được các kiến thức để tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc. Phân tích, đánh giá được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định, áp dụng kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp vào công việc.

Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức:* Vận dụng các kiến thức đã học để có thể quản lý thời gian, sắp xếp và quản lý công việc một cách hiệu quả, nhằm nâng cao hiệu quả công việc. kiến thức và kỹ năng cần thiết để tìm kiếm giải pháp, khai mở trí sáng tạo và tự tin đưa ra quyết định đúng đắn.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Có thể xử lý được các tình huống phát sinh trong công việc với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng tư duy:* Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề quản lý chuỗi cung ứng

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp. Cách thức để sắp xếp và quản lý thời gian làm việc đạt hiệu quả. Khả năng tư duy logic tốt và áp dụng vào công việc một cách hiệu quả.

- Kỹ năng lập kế hoạch và ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Giải quyết các tình huống phát sinh trong công việc với tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Brian Tracy, (2018), *Nghệ thuật quản lý thời gian*, NXB Lao động
2. Shibamoto Hidenori, (2018), *Kỹ năng tư duy logic*, NXB lao động.
3. Jonh Adair, (2018), *Ra quyết định và giải quyết vấn đề*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm – Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

2. Shibamoto Hidenori, (2018), *Kỹ năng lập kế hoạch hiệu quả*, NXB Thế Giới.

3. Nguyễn Phương, (2018), *Những kỹ năng xử lý tình huống thường gặp trong doanh nghiệp dành cho giám đốc và doanh nhân*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP	5			5	10	Đọc TLĐT (1)
1.1. Khái niệm kỹ năng nghề nghiệp	1			1	2	
1.2. Phân loại kỹ năng nghề nghiệp	2			2	4	
1.3. Tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp	2			2	4	
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG SẮP XẾP VÀ QUẢN LÝ CÔNG VIỆC	5		2	7	14	Đọc TLC (1)
2.1. Khái niệm, chức năng nhiệm vụ sắp xếp và quản lý công việc	1			1	2	
2.2 Quy trình sắp xếp quản lý công việc <i>2.2.1 Xác định mục tiêu, yêu cầu công việc</i> <i>2.2.2 Xác định nội dung công việc</i> <i>2.2.3 Xác định cách thức thực hiện</i> <i>2.2.4 Xác định cách thức kiểm soát</i> <i>2.2.5 Xác định nguồn lực thực hiện</i>	2		1	3	6	
2.3 Phương pháp sắp xếp quản lý công việc <i>2.3.1 Định biên công việc</i> <i>2.3.2 Mô tả công việc</i> <i>2.3.3 Sắp xếp công việc cho nhân viên</i>	2		1	3	6	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG TƯ DUY LOGIC	6		3	10	20	Đọc TLC (2)
3.1 Những điều bản khoăn	2		1			

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2 Quy trình giải quyết vấn đề và 5 kỹ năng tư duy				3	6	
3.3 Kỹ năng biểu đạt bằng ngôn ngữ	4		2	7	14	
3.4 Kỹ năng liên kết mối quan hệ						
3.5 Kỹ năng hệ thống hóa						
3.6 Kỹ năng trích lọc yếu tố cốt lõi						
3.7 Kỹ năng tăng giảm bậc thang trừu tượng						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH	8		3	11	22	Đọc TLC (3) Đọc TLĐT (2)
4.1 Kỹ năng lập kế hoạch <i>4.1.1 Khái niệm kế hoạch, mục đích, vai trò và phân loại kế hoạch. 4.1.2 Các bước trong qui trình xây dựng kế hoạch 4.1.3 Phương pháp lập kế hoạch. 4.1.4 Các nguyên tắc, phương pháp quản lí thời gian toàn diện và cách xác định thứ tự ưu tiên của công việc 4.1.5 Thiết kế và thực hiện được các bản kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn cho bản thân và cho công việc theo đúng yêu cầu. 4.1.6 Nhận xét và đánh giá được một số kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch.</i>	5		1	6	12	
4.2 Kỹ năng ra quyết định <i>4.2.1 Kỹ năng ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp</i>	3		2	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>4.2.2 Kỹ năng ra quyết định dài hạn trong doanh nghiệp</i>						
CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG TỔ CHỨC VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC	7		3	10	20	Đọc TLĐT (3)
5.1 Kỹ năng xử lý công việc	3		1	4	6	
5.2 Kỹ năng giải quyết công việc	4		2	6	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31		14	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản trị Bán hàng**

▪ Tiếng Anh: **Sales management**

Mã học phần: **KTQU2646**

Số tín chỉ: 03

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>		

Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết

Bài tập: 08 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn , Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị bán hàng, nhận thức về nhà quản trị bán hàng bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty. Phân tích và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng, nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng.

- *Về kỹ năng:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị bán hàng, cách thức tổ chức quản lý hoạt động bán hàng trong doanh nghiệp của nhà quản trị. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị bán hàng; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị bán hàng, Xây dựng kế hoạch, lập ngân sách cho hoạt động bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng, lãnh đạo lực lượng bán hàng, sử dụng các công cụ động viên khích lệ sao cho có hiệu quả và kiểm tra đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động bán hàng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông (2018), Giáo trình Quản trị bán hàng, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Quản trị học, NXB Lao động..
3. Nguyễn Thị Liên Điệp (2012), Quản trị học, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Dung, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trãi (2012), Quản trị marketing, NXB Lao động.
2. Nguyễn Khánh Trung, Võ Thị Ngọc Thúy (2015), Giáo trình Quản trị bán hàng, NXB Đại học Quốc gia HCM.
3. Lê Thế Giới (2014), **Quản trị Marketing**, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>

- Dạy học theo dự án Dạy học thực hành Thu thập số liệu
 Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ BÁN HÀNG	6			6	12	Đọc TLC (1) Trang: 5 – 40 TLC (2). Trang: 05 – 25. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1 Khái niệm và vai trò của bán hàng và quản trị bán hàng <i>1.1.1. Khái niệm và vai trò của bán hàng</i> <i>1.1.2. Khái niệm, chức năng, và vai trò của quản trị bán hàng</i>	2			2	4	
1.2 Mối quan hệ giữa quản trị bán hàng và các hoạt động quản trị khác trong doanh nghiệp	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.1 Quản trị bán hàng và quản trị marketing.</p> <p>1.2.2 Quản trị bán hàng và quản trị kênh phân phối.</p> <p>1.2.3 Quản trị bán hàng và quản trị nguồn nhân lực</p> <p>1.2.4 Quản trị bán hàng và quản trị tài chính.</p>						
<p>1.3. Những xu hướng chính trong hoạt động quản trị bán hàng</p> <p>1.3.1. Xu hướng chuyển từ giao dịch sang định hướng xây dựng mối quan hệ</p> <p>1.3.2. Xu hướng chuyển từ quản trị cá nhân sang quản trị nhóm bán hàng</p> <p>1.3.3. Xu hướng chuyển từ tập trung vào sản lượng bán sang hiệu quả bán hàng</p> <p>1.3.4. Xu hướng chuyển từ quản lý lực lượng bán hàng sang lãnh đạo lực lượng bán hàng</p> <p>1.3.5. Xu hướng chuyển từ quản trị các kênh bán hàng truyền thống sang kênh bán hàng hiện đại.</p>	2			2	4	
Chương 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ LẬP NGÂN SÁCH BÁN HÀNG	9	2		11	22	
<p>2.1. Đánh giá tiềm năng thị trường và dự báo lượng bán</p> <p>2.1.1. Dự báo lượng bán và các mức độ dự báo</p>	3			3	6	Đọc TLC (1). Trang: 87 – 174. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.1.2. Phương pháp và kỹ thuật dự báo</p> <p>2.1.3. Các yêu cầu của một dự báo thành công</p>						giảng viên
<p>2.2. Xây dựng kế hoạch bán hàng</p> <p>2.2.1. Bản chất của kế hoạch bán hàng</p> <p>2.2.2. Quy trình kế hoạch hóa bán hàng</p> <p>2.2.3. Nội dung của bản kế hoạch bán hàng</p> <p>2.2.4. Quá trình xây dựng kế hoạch bán hàng</p>	3	1		4	8	
<p>2.3. Xác định kinh phí phục vụ thực hiện việc bán hàng</p> <p>2.3.1. Khái quát về ngân sách bán hàng</p> <p>2.3.2. Phương pháp xác định ngân sách bán hàng</p> <p>2.3.3. Các loại chỉ tiêu cấu thành nên ngân sách chi phí bán hàng</p> <p>2.3.4. Ngân sách kết quả bán hàng</p> <p>2.3.5. Dự báo bán hàng làm cơ sở cho lập ngân sách bán hàng</p>	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG BÁN HÀNG	6	2		8	16	Đọc TLC (1). Trang: 175 – 241, Đọc TLC (3). Trang: 120 – 158; Chuẩn bị bài, tự học
<p>3.1. Cấu trúc tổ chức lực lượng bán hàng</p> <p>3.1.1. Các đặc tính của cấu trúc tổ chức lực lượng bán hàng</p>	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Các yếu tố cần lưu ý khi tổ chức lực lượng bán hàng						và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Các loại mô hình tổ chức lực lượng bán hàng 3.2.1. Tổ chức theo khu vực địa lý 3.2.2. Tổ chức theo sản phẩm. 3.2.3. Tổ chức theo khách hàng 3.2.4. Tổ chức theo chức năng 3.2.5. Tổ chức hỗn hợp	2	1		3	6	
3.3. Tuyển chọn và đào tạo lực lượng bán hàng 3.2.1. Tuyển chọn lực lượng bán hàng 3.2.2. Đào tạo lực lượng bán hàng	2	1		3	6	
Chương 4. LÃNH ĐẠO LỰC LƯỢNG BÁN HÀNG	8	2		10	20	Đọc TLC (1). Trang: 249 - 382. Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Khái quát về lãnh đạo lực lượng bán hàng 4.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của lực lượng lãnh đạo bán hàng 4.1.2. Các lý thuyết về lãnh đạo vận dụng trong quản trị bán hàng	2			2	4	
4.2. Sự ảnh hưởng và sức mạnh của nhà lãnh đạo bán hàng 4.2.1. Các nguồn sức mạnh và việc sử dụng của nhà lãnh đạo bán hàng 4.2.2. Đạo đức trong lãnh đạo lực lượng bán hàng 4.2.3. Lãnh đạo chính thức và lãnh đạo không chính thức 4.2.4. Các phẩm chất của nhà lãnh	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>đạo thành công</i>						
4.3. Phong cách lãnh đạo lực lượng bán hàng. <i>4.3.1. Các phong cách lãnh đạo</i> <i>4.3.2. Sự phát triển năng lực lãnh đạo nhờ những cố vấn kinh nghiệm</i> <i>4.3.3. Những khuôn mẫu lãnh đạo</i>	2	1		3	6	
4.4. Thù lao và thúc đẩy lực lượng bán hàng <i>4.4.1. Thù lao cho lực lượng bán hàng</i> <i>4.4.2. Thúc đẩy lực lượng bán hàng</i>	2			2	4	
Chương 5. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG VÀ LỰC LƯỢNG BÁN HÀNG.	6	2		8	16	Đọc TLC (1). Trang: 383 - 435. Đọc TLC (2). Trang: 112 – 121; Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Đánh giá hiệu quả hoạt động bán hàng <i>5.1.1. Khái quát về đánh giá hiệu quả hoạt động bán hàng</i> <i>5.1.2. Kiểm toán hoạt động bán hàng</i> <i>5.1.3. Phân tích doanh số</i> <i>5.1.4. Phân tích chi phí bán hàng</i> <i>5.1.5. Phân tích lợi nhuận</i> <i>5.1.6. Phân tích năng suất</i>	3	1		4	8	
5.2. Đánh giá kết quả của người bán hàng <i>5.2.1. Khái quát về đánh giá kết quả của người bán hàng</i> <i>5.2.2. Các phương pháp đánh giá</i> <i>5.2.3. Đánh giá kết quả của nhóm</i>	3	1		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>5.2.4. Một số vấn đề trong đánh giá kết quả của người bán hàng</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	8	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị tài chính chuỗi cung ứng**
 - Tiếng Anh: **Supply chain financial management**
- Mã học phần: KTKN2608
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor, ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài chính – Tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng và quản trị tài chính chuỗi cung ứng; vốn, nguồn tài trợ vốn, chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, người học trình bày được những kiến thức về quản trị vốn bằng tiền, các khoản phải thu, vốn về hàng tồn kho trong hoạt động chuỗi cung ứng và phân tích được hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích lựa chọn được phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động, đưa ra được cách quản trị vốn bằng tiền, các khoản phải thu và vốn về hàng tồn kho sao cho hiệu quả nhất; phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá được tình hình tài chính của hoạt động chuỗi cung ứng, giúp các nhà quản trị đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về quản trị tài chính chuỗi cung ứng. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Chuỗi cung ứng và quản trị tài chính chuỗi cung ứng; vốn, nguồn tài trợ vốn, chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động chuỗi cung ứng; các hoạt động quản trị vốn bằng tiền, các khoản phải thu, vốn về hàng tồn kho của chuỗi cung ứng; phân tích hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Trung Trực (2015), *Giáo trình quản trị tài chính*, NXB Kinh tế TP HCM

2. Nguyễn Thành Hiếu (2015), *Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Quang Trung (2012), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

2. David Blanchard (2013), *Quản trị chuỗi cung ứng: Những trải nghiệm tuyệt vời*, NXB Lao động - xã hội.

3. Nguyễn Thu Thủy (2011), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động.

4. Phạm Văn Dược (2013), *Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Kinh tế TP HCM.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CHUỖI CUNG ỨNG	4			4	8	
1.1 Chuỗi cung ứng <i>1.1.1 Khái niệm chuỗi cung ứng</i> <i>1.1.2 Hoạt động của chuỗi cung ứng</i> <i>1.1.3 Cấu trúc của chuỗi cung ứng</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 1
1.2 Quản trị tài chính chuỗi cung ứng <i>1.2.1 Khái niệm, vai trò quản trị tài chính chuỗi cung ứng</i> <i>1.2.2 Nội dung và các nhân tố ảnh hưởng tới quản trị tài chính chuỗi cung ứng</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. GIÁ TRỊ THEO THỜI GIAN CỦA TIỀN	3	2		5	10	
2.1 Giá trị tương lai của tiền <i>2.1.1 Giá trị tương lai của một khoản tiền</i> <i>2.1.2 Giá trị tương lai của một chuỗi tiền tệ</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 4
2.2 Giá trị hiện tại của tiền <i>2.2.1 Giá trị hiện tại của một khoản tiền</i> <i>2.2.2 Giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3 Xác định lãi suất	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 4
Chương 3. VỐN VÀ NGUỒN TÀI TRỢ VỐN TRONG HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG	4	4	2	10	20	
3.1 Vốn kinh doanh <i>3.1.1 Khái quát vốn kinh doanh</i> <i>3.1.2 Vốn cố định</i> <i>3.1.3 Vốn lưu động</i>	2	4		6	12	Đọc TLC 3, chương 2 Đọc TLĐT 1, chương 1,2
3.2 Nguồn tài trợ vốn <i>3.2.1 Khái quát nguồn tài trợ vốn</i> <i>3.2.2 Các nguồn tài trợ ngắn hạn</i> <i>3.2.3 Các nguồn tài trợ dài hạn</i>	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 3
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. QUẢN TRỊ VỐN BẰNG TIỀN TRONG HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG	3			3	6	
4.1 Sự cần thiết quản trị vốn bằng tiền	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
4.2 Nguyên tắc và mục tiêu quản trị vốn bằng tiền <i>4.2.1 Nguyên tắc quản trị vốn bằng tiền</i> <i>4.2.2 Mục tiêu quản trị vốn bằng tiền</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3 Nội dung quản trị vốn bằng tiền	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
Chương 5. QUẢN TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU TRONG HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG	3	1		4	8	
5.1 Sự cần thiết quản trị các khoản phải thu	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
5.2 Nguyên tắc và mục tiêu quản trị các khoản phải thu <i>5.2.1 Nguyên tắc quản trị các khoản phải thu</i> <i>5.2.2 Mục tiêu quản trị các khoản phải thu</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
5.3 Nội dung quản trị các khoản phải thu	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
Chương 6. QUẢN TRỊ VỐN VỀ HÀNG TỒN KHO TRONG HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG	4	2		6	12	
6.1 Vốn về hàng tồn kho và các nhân tố ảnh hưởng đến dự trữ vốn tồn kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
6.2 Sự cần thiết quản trị vốn về hàng tồn kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3 Nguyên tắc và mục tiêu quản trị vốn về hàng tồn kho <i>6.3.1 Nguyên tắc quản trị vốn về hàng tồn kho</i> <i>6.3.2 Mục tiêu quản trị vốn về hàng tồn kho</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
6.4 Nội dung quản trị vốn về hàng tồn kho	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
6.5 Mô hình quản lý hàng tồn kho <i>6.5.1 Mục tiêu của mô hình</i> <i>6.5.2 Nội dung của mô hình</i>	1	2		3	6	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 7. CHI PHÍ, DOANH THU, LỢI NHUẬN CỦA HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG	4			4	8	
7.1 Chi phí kinh doanh của hoạt động chuỗi cung ứng <i>7.1.1 Khái niệm chi phí kinh doanh</i> <i>7.1.2 Các loại chi phí phát sinh trong hoạt động chuỗi cung ứng</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
7.2 Doanh thu của hoạt động chuỗi cung ứng <i>7.1.1 Khái niệm doanh thu</i> <i>7.1.2 Các loại doanh thu của hoạt động chuỗi cung ứng</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3 Lợi nhuận của hoạt động chuỗi cung ứng <i>7.3.1 Khái niệm lợi nhuận</i> <i>7.3.2 Phân phối lợi nhuận</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 3, chương 6
Chương 8. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG	4	4	1	9	18	
7.1 Phân tích khả năng thanh toán	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2 Đọc TLĐT 4, chương 5
7.2 Phân tích hiệu quả hoạt động phải thu khách hàng	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2 Đọc TLĐT 4, chương 5
7.3 Phân tích hiệu quả hoạt động hàng tồn kho	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2 Đọc TLĐT 4, chương 5
7.4 Phân tích khả năng sinh lời	1	1		2	4	Đọc TLC 3, chương 2 Đọc TLĐT 4, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	29	13	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Thực hành nghề nghiệp**

Tiếng Anh: **Pracrice**

Mã học phần: KTKH2702

Số tín chỉ: 04

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Kiến tập và khóa luận tốt nghiệp
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị chuỗi cung ứng

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 6 tuần (30 ngày)

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế TN&MT

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được kiến tập: Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ về logistics và quản lý chuỗi cung ứng), cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động và thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp gắn với logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được kiến tập.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.

- Về đạo đức nghề nghiệp:

+ Ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động về logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp.

+ Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thực hành yêu cầu sinh viên phải thực hiện các nội dung sau:

- Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được phân công đến thực hành:

+ Giới thiệu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp.

+ Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng)

+ Cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động.

- Tìm hiểu thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Đánh giá thực trạng các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp.

- Viết báo cáo sau quá trình đi thực hành tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Văn Châu (2009), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

2. Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Cao Hồng Đức, Phương Thúy (2010), *Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng*, Biên dịch từ nguyên bản “Essential of Supply Chain Management” của Michaels Hugo (2006), NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Vũ Đình Nghiêm Hùng (2010), *Logistics*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sinh viên tiến hành thực hành tại đơn vị dựa trên những kiến thức đã được trang bị của học phần.

- Phương pháp lý thuyết, thảo luận, hoạt động nhóm.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình kiến tập.

- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại đơn vị dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.

- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung thực hành môn học theo trọng số, cụ thể:

Nội dung	Điểm đánh giá quá trình thực hành	Điểm đánh giá báo cáo thực hành
Trọng số	50%	50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1	25	75	
Liên hệ và làm quen với cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực hành về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng	1	3	Nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo của người hướng dẫn và nội quy thực hành tại đơn vị

1.1 Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực hành: 1.1.1 Giới thiệu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực hành. 1.1.2 Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng) 1.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động.	8	24	
1.2 Tìm hiểu thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực hành gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng + Hệ thống thông tin gắn với chuỗi cung ứng + Quản lý phân phối + Quản lý bán hàng + Quản lý tồn kho + Hệ thống vận tải....	8	24	
1.3 Đánh giá thực trạng hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được thực hành.	7	21	
Tổng kết thực hành	1	3	
Nội dung 2	5	15	Thực hiện theo mẫu báo cáo thực hành môn học.
Viết báo cáo			
Cộng	30	90	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐH HN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Khóa luận tốt nghiệp**

Tiếng Anh: **Internship**

Mã học phần: KTKH2703

Số tín chỉ: 06

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

Các học phần tiên quyết/học trước:

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)

Thời gian tự học: 80 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế TN&MT

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

+ *Về kiến thức*: Nắm được tình hình thực tế của hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập. Qua đó liên hệ với các học phần lý luận đã được học tại Nhà trường nhằm phát hiện ra những bất cập, vướng mắc cần giải quyết tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập đó

+ *Về kỹ năng*:

- Kỹ năng về nhận thức: Nắm vững các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập.

- Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- Kỹ năng tư duy: Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định đúng đắn.

+ Về đạo đức nghề nghiệp:

Tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao; Tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập
- Tìm hiểu thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp kiến tập gắn với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Đánh giá thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được kiến tập về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

- Phân tích những bất cập, vướng mắc cần giải quyết tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập đó.

- Thực tập các công việc, nhiệm vụ được đơn vị thực tập phân công.

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Văn Châu (2009), *Giáo trình Logistics và Vận tải quốc tế*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

2. Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Cao Hồng Đức, Phương Thúy (2010), *Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng*, Biên dịch từ nguyên bản “Essential of Supply Chain Management” của Michaels Hugo (2006), NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Vũ Đình Nghiêm Hùng (2010), *Logistics*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- *Phương pháp dạy:*

Giảng viên hướng dẫn các mục tiêu, nội dung sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành đợt thực tập. Thông báo đến sinh viên yêu cầu và mẫu báo cáo thực tập tốt nghiệp.

- *Phương pháp học:*

Sinh viên chủ động liên hệ đơn vị thực tập có các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề. Chịu khó học hỏi thu tập thông tin kiến thức. Biết phối hợp với các nhân viên, chuyên gia tại đơn vị thực tập để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Phải có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;
- Có tinh thần trách nhiệm khi nhận công việc được giao, làm đến nơi đến chốn, chính xác, kịp thời. Đảm bảo nguyên tắc bí mật của số liệu kinh tế tài chính;
- Chủ động chuẩn bị và tích lũy tài liệu, số liệu để viết báo cáo thực tập;
- Giữ mối quan hệ lành mạnh với tất cả cán bộ công nhân viên tại đơn vị thực tập;
- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động và phong trào tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập;
- Hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng thời hạn quy định;
- Tham dự đầy đủ các buổi thực hành.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- *Tiêu chí đánh giá:*

+ Về kết cấu chung: Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. *Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập:* Trọng số 40%

8.2. *Điểm đánh giá của Trường:* Trọng số 60%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Tổng quan về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập	15	30	
1.1 Giới thiệu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập.	3	6	Nêu các thông tin sơ lược về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp, cơ sở hình thành và phát triển của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp, các mốc lịch sử cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, các thành tựu cơ bản của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập...
1.2 Chức năng nhiệm vụ/ Đặc điểm hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập về hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	6	Nêu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động về logistics và quản lý chuỗi cung ứng của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập
1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động, sản xuất - kinh doanh, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập	5	10	Xác định được mô hình tổ chức bộ máy, vẽ sơ đồ bộ máy; nêu chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập và mạng lưới hoạt động của cơ

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
			quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập
1.4 Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thực tập/ Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập	4	8	Thông tin cơ bản về doanh thu, chi phí, tài sản, nguồn vốn, các thông tin về cơ sở vật chất, lao động... của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập trong ít nhất 03 năm gần năm thực tập nhất, đồng thời cần phân tích sơ lược ý nghĩa của các thông tin đó
Nội dung 2: Tìm hiểu về hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng	16	32	Trình bày được thực trạng hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng
Nội dung 3: Đánh giá thực trạng hoạt động về logistics và quản lý chuỗi cung ứng của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được thực tập về lĩnh vực kinh tế	9	18	
3.1 Đánh giá chung các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được kiến tập về lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng	4	8	Nêu được các ưu điểm và nhược điểm, nguyên nhân của các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập.
3.2 Những vấn đề đặt ra cần giải	5	10	Phân tích những bất

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
quyết			cập, vướng mắc cần giải quyết tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập đó
Cộng	40	80	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Quản trị Doanh nghiệp Logistics**
 - Tiếng Anh: **Enterprise Administration of Logistics**
- Mã học phần: KTKH2802
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Nhập môn Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 4 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần Quản trị doanh nghiệp Logistics, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, bản chất và các trường phái quản trị doanh nghiệp trên thế giới; ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến doanh nghiệp logistics; nắm vững cách thức tổ chức bộ máy quản trị trong doanh nghiệp logistics, xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp logistics; hiểu nội dung cơ bản của quản trị các nghiệp vụ và các yếu tố trong doanh nghiệp logistics.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Vận dụng các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp logistics để phân tích, giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh tại những doanh nghiệp logistics trong và ngoài nước.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả, ra quyết định; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

+ *Kỹ năng tư duy*: Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong kinh doanh quốc tế; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương trình bày những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp logistics. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan về quản trị doanh nghiệp logistics: giới thiệu những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, các trường phái quản trị doanh nghiệp; đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp logistics trong nền kinh tế quốc dân.

Chương 2. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp logistics: phân tích ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến doanh nghiệp logistics, từ đó đề xuất biện pháp khai thác môi trường kinh doanh hiệu quả.

Chương 3. Tổ chức bộ máy doanh nghiệp logistics: giới thiệu những kiến thức cơ bản về tổ chức bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp logistics như vai trò, nội dung, nguyên tắc, yêu cầu và mô hình tổ chức bộ máy.

Chương 4. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp logistics: trình bày những kiến thức cơ bản về quy trình xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp logistics, các chỉ tiêu và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh.

Chương 5. Quản trị các nghiệp vụ kinh doanh logistics: giới thiệu những kiến thức cơ bản về quản trị dịch vụ khách hàng, quản trị dự trữ, quản trị vận chuyển và quản trị các hoạt động logistics hỗ trợ trong doanh nghiệp logistics

Chương 6. Quản trị các yếu tố trong doanh nghiệp logistics: giới thiệu những kiến thức cơ bản về quản trị nhân sự, quản trị chi phí, quản trị rủi ro trong doanh nghiệp logistics.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. GS.TS Đặng Đình Đào, PGS.TS Trần Văn Bảo, TS Phạm Cảnh Huy, TS. Đặng Thị Thuý Hồng (2018), *Giáo trình Quản trị Logistics*, NXB Lao động – Xã hội.

2. PGS.TS Ngô Kim Thanh (2013), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. TS. Nguyễn Thành Hiếu (2015), *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Nguyễn Thừa Lộc, PGS.TS Trần Văn Bảo (2016), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Nguyễn Thông Thái, An Thị Thanh Nhân (2011), *Giáo trình Quản trị Logistics kinh doanh*, NXB Thống kê.

3. GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, ThS Kim Ngọc Đạt (2010), *Giáo trình Logistics – Những vấn đề cơ bản*, NXB Lao động – Xã hội, 2010.

4. GS.TS Đặng Đình Đào, PGS.TS Tạ Lợi, TS Nguyễn Minh Sơn, TS Đặng Thị Thuý Hồng, *Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, NXB Dân trí.

5. GS.TS Đặng Đình Đào, TS Vũ Thị Minh Loan, TS Nguyễn Minh Ngọc, TS Đặng Thu Hương, ThS, Phạm Thị Minh Thảo (2011), *Logistics: Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành Bài tập lớn

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP LOGISTICS	4			4	8	
1.1. Khái quát về quản trị doanh nghiệp	2			2	4	Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.1.1. Kinh doanh trong nền kinh tế thị trường</p> <p>1.1.2. Khái niệm và vai trò của quản trị doanh nghiệp</p> <p>1.1.3. Các trường phái quản trị doanh nghiệp</p>						chương 1; Đọc TLĐT 1, chương 1
<p>1.2 Doanh nghiệp logistics</p> <p>1.2.1. Khái quát về doanh nghiệp logistics</p> <p>1.2.2. Đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp logistics</p> <p>1.2.3. Vai trò của doanh nghiệp logistics trong nền kinh tế quốc dân</p>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP LOGISTICS	4		2	6	12	
<p>2.1. Môi trường kinh doanh và ảnh hưởng của nó tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp logistics</p> <p>2.1.1. Khái niệm môi trường kinh doanh</p> <p>2.1.2. Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp logistics</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 4
<p>2.2. Các yếu tố hợp thành môi trường kinh doanh của doanh nghiệp logistics</p> <p>2.2.1. Môi trường vĩ mô</p>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Môi trường vi mô						
2.3. Biện pháp khai thác môi trường kinh doanh của doanh nghiệp logistics 2.3.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin về môi trường kinh doanh 2.3.2. Phân tích toàn diện các yếu tố của môi trường kinh doanh để lựa chọn cơ hội kinh doanh 2.3.3. Xây dựng chiến lược kinh doanh 2.3.4. Hoàn thiện các nghiệp vụ kinh doanh cho phù hợp với điều kiện của môi trường kinh doanh	1		1	2	4	
CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC BỘ MÁY DOANH NGHIỆP LOGISTICS	4		2	6	12	
3.1. Vai trò và nội dung tổ chức bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp logistics 3.1.1. Vai trò của tổ chức bộ máy kinh doanh 3.1.2. Nội dung tổ chức bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp logistics	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3, 17; Đọc TLC 2 chương 2
3.2. Nguyên tắc và yêu cầu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp logistics	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.2.1. Nguyên tắc tổ chức bộ máy của doanh nghiệp logistics</p> <p>3.2.2. Yêu cầu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp logistics</p>						
3.3. Mô hình tổ chức bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp logistics	2		1	3	6	
CHƯƠNG 4. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP LOGISTICS	4	1	1	6	12	
<p>4.1 Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp logistics</p> <p>4.1.1 Khái niệm, phân loại và sự cần thiết của chiến lược kinh doanh</p> <p>4.1.2. Quy trình xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp logistics</p>	2		1	3	6	Đọc TLC 1 chương 7; Đọc TLĐT 1 chương 6
<p>4.2 Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp logistics</p> <p>4.2.1 Khái niệm và cấu thành của kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp logistics</p> <p>4.2.2. Các chỉ tiêu và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp logistics</p>	2	1		3	6	Đọc TLC 3 chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ CÁC NGHIỆP	8	1	4	13	26	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
VỤ KINH DOANH LOGISTICS						
<p>5.1 Quản trị dịch vụ khách hàng</p> <p>5.1.1. Đặc điểm, vai trò dịch vụ khách hàng ở doanh nghiệp logistics</p> <p>5.1.2. Phát triển dịch vụ khách hàng ở doanh nghiệp logistics</p> <p>5.1.3. Nội dung cơ bản của quản trị dịch vụ khách hàng trong doanh nghiệp logistics</p>	2		1	3	6	Đọc TLC 2, chương 10
<p>5.2. Quản trị dự trữ trong doanh nghiệp logistics</p> <p>5.2.1. Khái niệm và phân loại dự trữ</p> <p>5.2.2. Các yêu cầu quản trị dự trữ</p> <p>5.2.3 Nội dung cơ bản của quản trị dự trữ trong doanh nghiệp logistics</p>	2		1	3	6	Đọc TLC 2, chương 5
<p>5.3. Quản trị vận chuyển trong doanh nghiệp logistics</p> <p>5.3.1. Khái niệm và đặc điểm của hoạt động vận chuyển hàng hoá</p> <p>5.3.2. Phân loại vận chuyển</p> <p>5.3.3. Nội dung cơ bản của quản trị vận chuyển trong doanh nghiệp logistics</p>	2		1	3	6	Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLC 3, chương 6
<p>5.4. Quản trị các hoạt động logistics hỗ trợ</p> <p>5.4.1. Quản trị mua hàng</p> <p>5.4.2. Quản trị kho hàng hoá</p>	2	1	1	4	8	Đọc TLC 2, chương 6, 9; Đọc TLĐT,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>5.4.3. Hệ thống thông tin logistics</i>						chương 5
CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ CÁC YẾU TỐ TRONG DOANH NGHIỆP LOGISTICS	3	2	3	8	16	
6.1 Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp logistics <i>6.1.1. Đặc điểm quản trị nhân sự trong doanh nghiệp logistics</i> <i>6.1.2. Yêu cầu đối với quản trị nhân sự trong doanh nghiệp logistics</i> <i>6.1.3 Nội dung quản trị nhân sự trong doanh nghiệp logistics</i>	1	1	1	3	6	Đọc TLĐT 1, chương 17, 19
6.2 Quản trị chi phí kinh doanh của doanh nghiệp logistics <i>6.2.1 Khái niệm và đặc điểm chi phí kinh doanh của doanh nghiệp logistics</i> <i>6.2.2. Nhân tố ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh của doanh nghiệp logistics</i> <i>6.2.3. Nội dung cơ bản quản trị chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp logistics</i>	1	1	1	3	6	Đọc TLĐT 1, chương 19, 20
6.3. Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp logistics <i>6.3.1 Khái niệm và các loại rủi ro trong logistics</i> <i>6.3.2. Nội dung quản trị rủi ro trong doanh nghiệp logistics</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 19, 21

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng cộng	27	4	14	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1352 /QĐ-TĐHHN, ngày 20 tháng 04 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin dịch vụ logistics**
 - Tiếng Anh: **Logistics information system**
 - Mã học phần: KTKH2803
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Hiểu được khái quát về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp thông qua các khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của Hệ thống thông tin dịch vụ Logistics trong doanh nghiệp.

Về kỹ năng:

- + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được quan điểm của nhà quản trị Logistics, các nguyên tắc về thiết lập mục tiêu và thực hiện kế hoạch trong việc ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp
- + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng để lập được kế hoạch thực hiện mục tiêu ứng dụng CNTT logistics trong doanh nghiệp
- + *Kỹ năng tư duy:* Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

+ Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.

+ Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề quản lý chuỗi cung ứng

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 5 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin nói chung, hệ thống thông tin quản trị chuỗi cung ứng và hệ thống thông tin dịch vụ logistics như: (1) Tổng quan về hệ thống thông tin (2) Hệ thống thông tin quản trị chuỗi cung ứng (3) Tổng quan mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp (4) Hệ thống thông tin dịch vụ Logistics (5) Ứng dụng công nghệ vào Logistics và chuỗi cung ứng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Cao Hồng Đức, Phương Thúy (2010), Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng, Biên dịch từ nguyên bản “Essential of Supply Chain Management” của Michaels Hugo (2006), NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

2. An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái (2018), *Quản trị Logistics kinh doanh*, Nhà xuất bản Hà Nội.

3. Đàm Gia Mạnh (2017), *Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý*, Nhà xuất bản thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

2. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), *Logistics, những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Lao Động Xã hội.

3. Lambert, Douglas M.; Stock, James R. and Ellram, Lisa M. (1998), *Fundamentals of logistics management*, McGraw Hill, United States of America

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input checked="" type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng, nghe hướng dẫn học tập và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Bài tập: Chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời các câu hỏi và làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, tìm kiếm thông tin và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 01 đầu điểm

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành Bài tập lớn

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN	3		0	3	6	
1.1 Những khái niệm chung	1			1	2	Đọc TLC 3 Chương 1
1.2 Hệ thống thông tin trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp	1			1	2	
1.3 Phân loại hệ thống thông tin trong tổ chức doanh nghiệp	1		1	1	2	
CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG	8		3	11	22	
2.1 Khái niệm	1			1	2	Đọc TLC 2 Chương 4
2.2 Các thành phần của chuỗi cung ứng	1			1	2	
2.3 Vai trò của chuỗi cung ứng đối với tổ chức doanh nghiệp	2		1	3	6	
2.4 Hệ thống thông tin và chuỗi cung ứng	2		1	3	6	
2.5 Chuỗi cung ứng toàn cầu và mạng Internet	2		1	3	6	
CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN MÔ HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DOANH NGHIỆP	7		3	10	20	
3.1 Khái niệm và sơ đồ hệ thống thông tin logistics	2		1	3	6	Đọc TLC 2 Chương 2
3.2 Chức năng và yêu cầu	2		1	3	6	

của Logistics						
3.3 Các dòng thông tin logistics cơ bản doanh nghiệp	3		1	4	8	
CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG THÔNG TIN DỊCH VỤ LOGISTICS	8		2	10	20	
4.1. Quá trình xử lý đơn hàng	2			2	4	TLĐT1 Chương 4
4.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến thời gian xử lý đơn hàng	3		1	4	8	
4.3.Hệ thống thông tin logistics	3		1	4	8	
CHƯƠNG 5: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀO LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG	7		4	11	22	
5.1 Ứng dụng công nghệ thông tin	3		2	5	10	TLC 1 chương 4, TLĐT2 Chương 2
5.2 Một số công nghệ mới trong nhà kho và vận tải	4		2	6	12	
Tổng cộng	33		12	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra.